UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-LTT ngày tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : Kế toán
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Ngành đào tạo : Kế toán Mã số: 51340301
Loại hình đào tạo : Chính qui

1. Bối cảnh

1.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Giáo dục nước ta trong thập kỷ tới phát triển trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi nhanh và phức tạp. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế trí thức ngày càng phát triển mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội (2011-2020) đã khẳng định phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ kỷ cương, đồng thuận, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn. Chiến lược cũng đã xác định rõ một trong ba đột phá là: Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất

lượng cao, tập trung vào đổi mới toàn diện nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

1.2. Thời cơ và thách thức

Với bối cảnh trong nước và thế giới đầy thời cơ và thách thức, ngành Giáo dục đang tích cực thực hiện chủ trương "đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam" nhằm đào tạo một thế hệ trí thức mới năng động - những con người biết tận dụng mọi thời cơ, vượt qua mọi thách thức để tích lũy tri thức, rèn luyện năng lực của con người mới xã hội chủ nghĩa, những con người quyết định vận mệnh của cả dân tộc.

1.2.1 Thời cơ:

Đảng và Nhà nước luôn khẳng định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm vừa qua và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 với yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, cùng với Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực trong thời kỳ dân số vàng là tiền đề cơ bản để ngành giáo dục cùng các bộ, ngành, địa phương phát triển giáo dục.

Cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục, tiến tới một nền giáo dục điện tử đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân người học.

Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

1.2.2 Thách thức:

Ở trong nước, sự phân hóa trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, khoảng cách phát triển giữa các vùng miền ngày càng rõ rệt, gây nguy cơ dẫn đến sự thiếu bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, gia tăng khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng miền và cho các đối tượng người học.

Nhu cầu phát triển nhanh giáo dục đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế theo chiều sâu tri thức với công nghệ tiên tiến và hội nhập quốc tế, trong khi đó nguồn lực đầu tư cho giáo dục là có hạn, sẽ tạo sức ép đối với phát triển giáo dục.

Nguy cơ tụt hậu có thể làm cho khoảng cách kinh tế, tri thức, giáo dục giữa Việt Nam và các nước ngày càng gia tăng. Hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường làm nảy sinh những vấn đề mới, như nguy cơ xâm nhập của văn hóa và lối sống không lành mạnh làm xói mòn bản sắc dân tộc, dịch vụ giáo dục kém chất lượng có thể gây nhiều rủi ro lớn đối với giáo dục đặt ra yêu cầu phải đổi mới cả về lý luận cũng như những giải pháp thực tiễn phù hợp để phát triển giáo dục.

2. Giới thiệu chương trình

- Ngành đào tạo : **Kế Toán**
- Tên tiếng Anh : **Accounting**
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Loại hình đào tạo **:** Chính quy
- Mã ngành **:** 51340301
- Thời gian đào tạo : 3 năm.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa kể cả giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng: 108 tín chỉ (TC)
- Khối lượng kiến thức tích lũy toàn khóa: 96 tín chỉ (TC).
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học.
- Quy trình đào tạo: Theo học chế tín chỉ.

3. Mục tiêu chương trình:

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Kế Toán có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có ý thức phục vụ nhân dân. Có những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo.

3.1 Mục tiêu về kiến thức

Có kiến thức nền tảng về các lĩnh vực kinh tế – xã hội và kiến thức cơ sở ngành kế toán như tài chính – tiền tệ, tín dụng – ngân hàng, thống kê trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để am hiểu các nghiệp vụ chuyên sâu của ngành kế toán.

3.2 Mục tiêu kỹ năng

Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để thực hiện được các chức năng của kế toán như: Luật Kế toán, Luật Kiểm toán, Chuẩn mực kế toán, Chuẩn mực kiểm toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp và Chế độ kế toán hành chính

sự nghiệp. Đồng thời có kiến thức sâu về các Luật thuế cơ bản và các văn bản hướng dẫn về các Luật thuế hiện hành…

3.3 Mục tiêu về thái độ

- Có thái độ ngành nghề đúng đắn, luôn thể hiện tình chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc. Ý thức liên hệ thực tiễn cuộc sống vào công việc hàng ngày.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp; nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ và chính xác.

3.4 Mục tiêu về phẩm chất đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức của một công dân tốt, biết yêu tổ quốc, quê hương, giữ gìn và bảo vệ môi trường;
- Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, cầu thị và hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp; có ý thức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;

3.5 Mục tiêu khác

- Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin;
- Làm việc nhóm;
- Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề;

4. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp

1.3.1 Các vị trí có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm kế toán tại các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Cụ thể có thể làm việc:

- Đảm nhận các công việc về kế toán, trợ lý kiểm toán trong các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị, kinh tế – xã hội;
- Làm việc trong phòng kế toán, phòng tài chính, phòng kinh doanh, phòng kiểm toán, … ở tất cả các loại hình doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế – xã hội khác.

1.3.2 Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

- Hoàn thành công việc một cách độc lập, chủ động, sáng tạo với áp lực cao và có tinh thần làm việc nhóm tốt.

5. Chuẩn đầu ra của chương trình:

5.1.Về kiến thức

5.1.1. Kiến thức khoa học cơ bản

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về những đại lượng toán học (đại số và giải tích), những phép toán hình thức, kết hợp với suy diễn logic → ứng dụng để giải quyết các bài toán kinh tế: các chỉ số, tham số trong: Ngân hàng, thị trường chứng khoán, cạnh tranh, qui hoạch kinh tế, đầu vào - đầu ra.
- Trình bày được một cách hệ thống kiến thức cơ bản về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng Việt Nam, lý luận chung nhất về pháp luật.
- Đạt trình độ bậc ba trong khung năng lực Anh ngữ.
- Biết theo dõi sức khoẻ của bản thân khi tự tập thể dục thể thao, có kiến thức cơ bản khi tham gia tập luyện thể dục thể thao. Trình bày kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng an ninh của nước nhà.

5.1.2 Kiến thức cơ sở ngành

- Vận dụng được các kiến thức, lý luận nền tảng về kinh tế học, xã hội học để phân tích, giải thích những hiện tượng kinh tế - xã hội trong và ngoài nước;
- Vận dụng được các kiến thức về tài chính - tiền tệ, thống kê, thuế để xây dựng hiện được các báo cáo, các kế hoạch có liên quan;
- Vận dụng được các kiến thức về luật, chuẩn mực, chế độ kế toán của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính, kế toán;
- Nắm vững nguyên lý về kế toán và chế độ kế toán hiện hành trong các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế - xã hội.

5.1.3 Kiến thức chuyên ngành và bổ trợ

5.1.3.1 Kiến thức chuyên ngành

- Có kiến thức chuyên sâu để tổ chức thực hiện công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp, thực hiện các phần hành kế toán như: Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh từ kế toán vốn bằng tiền, nguyên vật liệu, tài sản cố định, tiền lương, thuế, các khoản thanh toán, giá thành, tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác kế toán trong các ngành đặc thù như thương mại, xây lắp, đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản.
- Sử dụng thành thạo ít nhất một phần mềm Kế toán, phần mềm khai báo thuế và ứng dụng Excel trong Kế toán.

5.1.3.2 Kiến thức bổ trợ

- Có kiến thức chung về lĩnh vực kinh tế như: Kế toán, tài chính ngân hàng
- Tin học: Có trình độ tin học tương đương chứng chỉ tin học trình độ B
- Ngoại ngữ: Có trình độ tiếng Anh tương đương chứng chỉ B1 chuẩn Châu Âu (CEFR: Common European Framework of Reference for Language); hoặc chứng chỉ Quốc tế tương đương.

5.1.4 Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

- Trình bày được lịch sử hành thành phát triển và khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp;
- Trình bày được sơ đồ cơ cấu tổ chức, chức năng- nhiệm vụ của phòng tài chính kế toán trong doanh nghiệp;
- Hoàn thành được các công việc, nhiệm vụ được giao tại doanh nghiệp nơi sinh viên thực tập;
- Vận dụng kiến thức đã học kết hợp với thực trạng đang diễn ra tại doanh nghiệp để nghiên cứu và đề xuất những giải pháp tốt hơn cho hoạt động của doanh nghiệp;

- Hoàn thành được bài báo cáo tốt nghiệp có sự đánh giá xác nhận của doanh nghiệp nơi sinh viên thực tập;

5.1.5 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập suốt đời để nâng cao kiến thức.
- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc chuyên ngành kế toán ở bậc học cao hơn.
- Yêu thích và nỗ lực phát triển nghề nghiệp, tham gia hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp, phấn đấu thi đạt cá chứng chỉ nghề nghiệp có giá trị trong và ngoài nước như: CPA, ACCA, chứng chỉ hành nghề kế toán, thuế…

5.2 Về kỹ năng

5.2.1 Kỹ năng cứng

5.2.1.1 Các kỹ năng nghề nghiệp

- Tổ chức, thiết lập, triển khai, thực hiện và vận dụng chế độ chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán, biểu mẫu báo cáo tài chính, báo cáo quản trị tại các loại hình doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế xã hội khác.
- Thành thạo việc thu thập, xử lý, kiểm tra và ghi chép chứng từ, sổ kế toán.
- Lập và phân tích Báo cáo tài chính (Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính).
- Lập và phân tích một số Báo cáo kế toán quản trị cơ bản như: Lập dự toán, dự báo về doanh thu, chi phí, lợi nhuận theo đơn vị/vùng/mặt hàng/…; Lập Báo cáo về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; … để tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về lĩnh vực kế toán, kiểm toán hay tài chính.
- Lập các báo cáo thuế hàng tháng và quyết toán thuế năm (Thuế giá trị gia tăng; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân, …).
- Thẩm định hiệu quả tài chính về dự án đầu tư;
- Soạn thảo văn bản, hợp đồng, đàm phán và ứng xử giao tiếp;

- Sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán thông dụng phổ biến trên thị trường hiện nay.

5.2.1.2 Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Tư duy, nhận thức tốt, khái quát hóa được tình hình kinh tế, tài chính quản trị trong và ngoài doanh nghiệp.
- Phát hiện được điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội, nguy cơ và đề xuất giải pháp để hoàn thiện hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Xử lý được các tình huống, giải quyết được các vấn đề đang diễn ra tại doanh nghiệp…

5.2.1.3 Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Phân tích và đo lường được các nội dung nghiên cứu định tính và định lượng các vấn đề kinh tế, tài chính, nhân sự tại doanh nghiệp;
- Phác thảo được qui trình thu thập thông tin thứ cấp và sơ cấp phục vụ cho nghiên cứu;
- Thiết kế được bảng khảo sát điều tra thu thập thông tin;
- Sử dụng thành thạo được các phần mềm kế toán;
- Vận hành được các kỹ thuật, các phương pháp xử lý số liệu sơ cấp, thứ cấp;
- Phân tích, đánh giá và kết luận được kết quả xử lý các thông tin sơ cấp, thứ cấp từ đó đưa ra những giải pháp giải quyết tốt nhất cho vấn đề nghiên cứu.

5.2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Vận dụng được một cách logic các chức năng của quản trị như hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra để giải quyết các vấn đề trong quản trị;
- Xác định được những vấn đang tồn tại, phát sinh và mối tương quan giữa chúng để làm cơ sở giải quyết;
- Vận dụng được các kỹ thuật và phương pháp đặt vấn đề, giải quyết các vấn đề trong quản trị theo một hệ thống: cơ sở lý luận, xây dựng mô hình, kiểm tra mô hình, và kết luận giải pháp.

5.2.1.5. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Vận dụng được kiến thức quản lý, kỹ năng tác nghiệp, thực hành vào những công việc cụ thể hàng ngày;
- Vận dụng được cơ sở lý thuyết, các mô hình quản trị vào công việc, học tập và nghiên cứu.

5.2.1.6. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Lập được kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai;
- Tổ chức sắp xếp được các công việc trong các bộ phận kế toán, tài chính…
- Nhận thức, cập nhật được những thay đổi về kinh tế xã hội trong ngoài nước.
- Thích nghi được trong môi trường làm việc áp lực và hội nhập

5.2.2 Kỹ năng mềm

5.2.2.1Các kỹ năng cá nhân

- Phân tích được các vấn đề, các tình huống đang xảy ra với tư duy sáng tạo từ đó suy xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng và đưa ra hướng giải quyết;
- Lập được các kế hoạch nghề nghiệp;
- Quản lý được thời gian và công việc do mình đảm nhận trong doanh nghiệp;
- Cập nhật được các thông tin cần quan tâm.

5.2.2.2 Làm việc theo nhóm

- Tổ chức, thành lập được nhóm;
- Giải quyết được những xung đột trong nhóm;
- Quản lý, điều hành nhóm đi vào hoạt động ổn định

5.2.2.3 Quản lý và lãnh đạo

- Tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra được các hoạt động của doanh nghiệp;
- Kiểm soát và quản lý được các tình huống;
- Tự kiểm soát quản lý được thời gian, công việc, quan hệ,…trong quá trình phát triển nghề nghiệp;

5.2.2.4 Kỹ năng giao tiếp

- Giao tiếp tốt bằng ngôn ngữ tiếng Việt và Anh ngữ;
- Giao tiếp tốt bằng phi ngôn ngữ;

5.2.2.5 Các kỹ năng mềm khác

- Kỹ năng chăm sóc khách hàng và đối tác;
- Kỹ năng tạo động lực làm việc;
- Kỹ năng thuyết phục khách hàng;

5.3. Về phẩm chất đạo đức

5.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và có tinh thần và sức khỏe tốt;
- Có trách nhiệm với bản thân, với xã hội, ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp;
- Có sự tự tin và cầu thị;
- Chính trực, tôn trọng giá trị cốt lõi của con người;
- Cầu tiến và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực công việc cao;

5.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong công việc;
- Có trách nhiệm với công việc, với nơi làm việc;
- Luôn thể hiện tính chủ động và tinh thần sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc;
- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, cầu thị và hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp; có ý thức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- Yêu công việc, đoàn kết nội bộ tốt, góp phần xây dựng cơ quan, doanh nghiệp ngày càng phát triển;

5.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có tinh thần đoàn kết, hỗ trợ đồng nghiệp và cộng đồng;
- Có nhân cách và tôn trọng những người xung quanh;
- Tôn trọng sự thật;
- Tôn trọng, bảo vệ lợi ích của tổ chức, xã hội;

6. Các điều kiện thực hiện chương trình

6.1 Điều kiện tuyển sinh:

Thí sinh tham gia kỳ thi tuyển sinh của Bộ Giáo Dục Đào Tạo/hoặc của trường; điểm phải trên điểm sàn của Bộ và thỏa mãn điểm chuẩn tuyển sinh ngành Kế toán của trường.

6.2 Thực hiện chương trình

- Điều kiện cơ sở vật chất: Có đủ phòng học lý thuyết và phòng học thực hành tin học và ngoại ngữ. Có đủ điều kiện và đầu sách tham khảo, giáo trình trong và ngoài nước với hệ thống thư viện hiện đại.
- Đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên có trình độ từ Đại học trở lên, có chứng chỉ sư phạm về giảng dạy cao đẳng, đại học theo quy định của Bộ Giáo dục đào tạo về giảng dạy bậc cao dẳng, Đại học.
- Hoạt động hỗ trợ học tập: Khoa chuyên ngành có thành lập các Câu lạc bộ; Đoàn; Hội sinh viên giúp sinh viên có điều kiện tốt nhất để trang bị cho mình các kỹ năng mềm; được hỗ trợ nơi thực tập tốt nghiệp;
- Yêu cầu về thái độ học tập: Người học phải thể hiện tính chủ động trong học tập và chấp hành nghiêm túc các nội quy, quy định của Nhà trường và của Khoa

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Đào tạo theo học chế tín chỉ. Theo Quyết định số: 1780/QĐ-LTT ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thang điểm:

Theo học chế tín chỉ. Theo Quyết định số: 1780/QĐ-LTT ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Nội dung chương trình đào tạo:

STT	Mã Môn học	Tên Môn học	Số tín chỉ	Học phần: Học trước (a), Tiên quyết (b), Song hành (c)
9.1 Khối kiến thức khoa học cơ bản			**38**	
9.1.1 Kiến thức chính trị, pháp luật, toán, GDTC&QP			**32**	
1	3107111003	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin Fundamental principles of Marxism and Leninism	5(5,0,10)	
2	3107111006	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2(2,0,4)	
3	3107111007	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Revolutionary guildelines of the Vietnam Communist Party	3(3,0,6)	
4	3107111005	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	3(3,0,6)	
5	3107091130	Giáo dục thể chất Physical Education	4(0,8,8)	Học phần không tích lũy
6	3107131130	Giáo dục quốc phòng 1 National Defence Education 1	4(1,6,8)	Học phần không tích lũy
7	3107131131	Giáo dục quốc phòng 2 National Defence Education 2	4(2,4,8)	Học phần không tích lũy
8	3107091011	Toán Cao cấp 1 Calculus 1	3(3,0,6)	
10	3107121016	Anh văn English	4(4,0,8)	
9.1.2 Kiến thức xã hội nhân văn			**6**	
	Phần bắt buộc		**3**	
1	3107081001	Luật kinh doanh Business Laws	3 (3,0,6)	1112006 (a)
Phần tự chọn			**3**	

1	3107081002	Kỹ năng giao tiếp Communication Skills	3(3,0,6)	
2	3107081003	Giao tiếp kinh doanh Business Communications	3(3,0,6)	
9.2 Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			**70**	
9.2.1 Kiến thức cơ sở ngành			**21**	
	Phần bắt buộc		**18**	
1	3107081004	Kinh tế vi mô Microeconomic	3(3,0,6)	
2	3107082005	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	3(3,0,6)	
3	3107082006	Quản trị học Introduction to Management	3(3,0,6)	
4	3107082008	Lý thuyết tài chính tiền tệ Theories of money and finance	3(3,0,6)	
5	3107082101	Tin học ứng dụng ngành Kế toán Applied Informatics in Accounting	3(1,4,6)	
6	3107082012	Báo cáo thuế Tax Report	3(2,2,6)	
	Phần tự chọn		**3**	
1	3107082017	Quản trị hành chính văn phòng Administrative Office Management	3(2,2,6)	
2	3107082011	Địa lý kinh tế Việt Nam Vietnam Economic Geography	3(3,0,6)	
3	3107082007	Marketing căn bản Fundamental Marketing	3(3,0,6)	
9.2.2 Kiến thức chuyên ngành			**42**	
Phần bắt buộc			**36**	
1	3107082102	Anh văn chuyên ngành kế toán Accounting English	4(4,0,8)	3107121016 (a)
2	3107082015	Nguyên lý Thống kê kinh doanh Fundamentals of Business Statistics	3(3,0,6)	
3	3107082103	Tài chính doanh nghiệp 1 Business Finance 1	3(3,0,6)	
4	3107082104	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 Financial Accounting 1	4(3,2,8)	3107082005 (a)
5	3107083105	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2 Financial Accounting 2	4(3,2,8)	3107082104 (a)
6	3107082106	Hệ thống thông tin kế toán 1 Accounting Information System 1	3(2,2,6)	
7	3107083107	Hệ thống thông tin kế toán 2 Accounting Information System 2	3(2,2,6)	3107082106 (a)
8	3107082108	Kế toán Nhà nước Governmental Accounting	3(3,0,6)	3107082005 (a)
9	3107083109	Kế toán ngân hàng	3(3,0,6)	3107082005 (a)

		Banking Accounting		
10	3107083110	Kế toán quản trị 1 Managerial Accounting 1	3(3,0,6)	3107082104 (a)
11	3107083111	Kiểm toán 1 Auditing 1	3(3,0,6)	3107082104 (a)
	Phần tự chọn		**6**	
1	3107083112	Kế toán quản trị 2 Managerial Accounting 2	3(3,0,6)	3107082104 (a)
2	3107083113	Kiểm toán 2 Auditing 2	3(3,0,6)	3107082104 (a)
3	3107083114	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3 Financial Accounting 3	3(2,2,8)	3107082104 (a)
4	3107082101	Toán tài chính Introduction to Financial Mathematics	3(3,0,6)	3107082008 (a)
5	3107082013	Thị trường chứng khoán Stock Exchange	3(3,0,6)	3107082008 (a)
6	3107082101	Phân tích hoạt động kinh doanh Business Operational Analysis	3(3,0,6)	3107082104 (a)
9.2.3 Thực tập tốt nghiệp			**4**	
	3107083197	Thực tập tốt nghiệp Internship	4(0,8,8)	
9.2.4 Khóa luận tốt nghiệp hoặc học môn thay thế			**3**	
1	3107083198	**Khóa luận tốt nghiệp** Thesis	3(0,6,6)	
		Hoặc học môn thay thế		
1	3107083199	Kế toán tài chính quốc tế 1 International Financial Accounting 1	3(3,0,6)	
	Tổng học phần không tích lũy		**12**	
	Tổng học phần tích lũy		**96**	
	Tổng cộng toàn khóa		**108**	

10. Kế hoạch giảng dạy:

TT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Học phần Học trước (a) Tiên quyết (b) Song hành (c)	Thời gian	Ghi chú
Học kỳ 1			**19**			
	Phần bắt buộc		**19**			
1	3107111007	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3 (3,0,6)			
2	3107091011	Toán Cao cấp 1	3 (3,0,6)			
3	3107091130	Giáo dục thể chất	4 (0,8,8)			
4	3107131130	Giáo dục quốc phòng 1	4 (1,6,8)			
5	3107111005	Pháp luật đại cương	3 (3,0,6)			
6	3107111006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0,4)			
Học kỳ 2			**22**			
	Phần bắt buộc		**19**			
1	3107111003	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5(5,0,10)			
2	3107131131	Giáo dục quốc phòng 2	4 (2,4,8)			
3	3107081004	Kinh tế vi mô	3 (3,0,6)			
4	3107121016	Anh văn	4 (4,0,8)			
5	3107081001	Luật kinh doanh	3 (3,0,6)	3107111005 (a)		
	Phần tự chọn		**3**			
1	3107081002	Kỹ năng giao tiếp	3 (3,0,6)			
2	3107081003	Giao tiếp kinh doanh	3 (3,0,6)			
Học kỳ 3			**21**			
	Phần bắt buộc		**18**			
1	3107082005	Nguyên lý kế toán	3 (3,0,6)			
2	3107082015	Nguyên lý Thống kê kinh doanh	3 (3,0,6)			
3	3107082006	Quản trị học	3 (3,0,6)			
4	3107082008	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3 (3,0,6)			
5	3107082101	Tin học ứng dụng ngành Kế toán	3 (1,4,6)			
6	3107082012	Báo cáo thuế	3 (2,2,6)			
	Phần tự chọn		**3**			
1	3107082017	Quản trị hành chính văn phòng	3 (2,2,6)			
2	3107082011	Địa lý kinh tế Việt Nam	3 (3,0,6)			

3	3107082007	Marketing căn bản	3 (3,0,6)			
Học kỳ 4			**20**			
	Phần bắt buộc		**17**			
1	3107082102	Anh văn chuyên ngành kế toán	4(4,0,8)	3107121016 (a)		
2	3107082103	Tài chính doanh nghiệp 1	3 (3,0,6)			
3	3107082104	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	4 (3,2,8)	3107082005 (a)		
4	3107082106	Hệ thống thông tin kế toán 1	3 (2,2,6)			
5	3107082108	Kế toán Nhà nước	3 (3,0,6)	3107082005 (a)		
	Phần tự chọn		**3**			
1	3107082101	Toán tài chính	3 (3,0,6)	3107082008 (a)		
2	3107082013	Thị trường chứng khoán	3 (3,0,6)	3107082008 (a)		
3	3107082101	Phân tích hoạt động kinh doanh	3 (3,0,6)	3107082104 (a)		
Học kỳ 5			**19**			
	Phần bắt buộc		**16**			
1	3107083105	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	4 (3,2,8)	3107082104 (a)		
2	3107083107	Hệ thống thông tin kế toán 2	3 (2,2,6)	3107082106 (a)		
3	3107083109	Kế toán ngân hàng	3 (3,0,6)	3107082005 (a)		
4	3107083110	Kế toán quản trị 1	3 (3,0,6)	3107082104 (a)		
5	3107083111	Kiểm toán 1	3 (3,0,6)	3107082104 (a)		
	Phần tự chọn		**3**			
1	3107083112	Kế toán quản trị 2	3 (3,0,6)	3107082104 (a)		
2	3107083113	Kiểm toán 2	3 (3,0,6)	3107082104 (a)		
3	3107083114	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3 (2,2,8)	3107082104 (a)		
Học kỳ 6			**7**			
	Phần bắt buộc		**7**			
1	3107083197	Thực tập tốt nghiệp	4 (0,8,8)			
	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học môn thay thế					
1	3107083198	Khóa luận tốt nghiệp	3 (0,6,6)			
	Hoặc học môn thay thế					
1	3107083199	Kế toán tài chính quốc tế 1	3 (3,0,6)			
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			**108**			

11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần ngành Kế Toán:

11. 1. Anh văn 4 TC

Học phần Anh văn giúp sinh viên hệ thống lại, ôn lại những kiến thức cơ bản mà sinh viên đã học ở phổ thông. Vì vậy, các đơn vị bài học trong giáo trình phải phục vụ cho mục tiêu củng cố kiến thức. Những kiến thức này được trình bày dưới dạng giới thiệu lại, và ôn luyện dưới hình thức mà một bài thi TOEIC chuẩn yêu cầu.

11.2. Anh văn chuyên ngành kế toán 4 TC

Học phần Anh văn chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức bằng tiếng Anh về nghiệp vụ mua bán, vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa, tìm hiểu về bộ chứng từ, phương pháp phân phối hàng hóa, tỷ giá hối đoái …

11.3. Tin học ứng dụng ngành kế toán 3 TC

Học phần Tin học ứng dụng trình bày tổng quan về các ứng dụng cơ bản của tin học cơ bản phục vụ cho khối ngành kinh kế. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kỹ năng về soạn thảo văn bản trên phần mềm ứng dụng Mỉcosoft Word, kỹ năng tính toán trên phần mềm ứng dụng Mỉcosoft Excel, kỹ năng tính trình bày , báo cáo toán trên phần mềm ứng dụng Mỉcosoft Powerpoint, phát triển khả năng tìm kiếm thông tin trên Internet và lập trình một ứng dụng cụ thể bằng VBA.

11.4. Toán cao cấp 1 3 TC

Học phần Toán C1 nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức : Hàm số, ma trận, định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính, giới hạn,liên tục, đạo hàm, vi phân của hàm một biến, tích phân bất định, tích phân xác định và hàm nhiều biến, tích phân kép, tích phân đường.

11.5. Kinh tế vi mô 3 TC

Học phần kinh tế vi mô giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

11.6. Luật Kinh doanh 3 TC

Học phần luật kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về luật kinh tế như: các hình thức doanh nghiệp, hợp đồng, giải quyết tranh chấp về kinh tế, phá sản doanh nghiệp.

11.7. Marketing căn bản 3 TC

Am hiểu Marketing không những có lợi cho các doanh nghiệp mà còn có lợi cho cả người tiêu dùng (NTD). Người tiêu dùng am hiểu marketing sẽ có cách ứng xử khôn ngoan và đúng đắn hơn khi mua bán. Việc nắm vững, phân tích và đánh giá đúng được thị trường (cung - cầu) sẽ giúp các doanh nghiệp thành công trên thương trường.

11.8. Quản trị học **3 TC**

Công việc quản trị có thể bắt gặp ở mọi nơi, mọi lúc và trong mọi tình huống - từ việc quản lý thời gian, công việc cho chính bản thân mình đến việc tổ chức, điều hành công việc cho một nhóm người hay một tổ chức. Học phần Quản trị học bao gồm các khái niệm cơ bản về quản trị. Nội dung cơ bản của học phần này là nghiên cứu sâu vào các chức năng của quản trị.

11.9. Quản trị hành chính văn phòng **3 TC**

Học phần quản trị hành chính văn phòng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về văn thư, lưu trữ các nghiệp vụ văn phòng, các loại văn bản như: văn bản quản lý, văn bản qui phạm pháp luật; đồng thời giúp sinh viên soạn thảo một số các loại văn bản thông thường như: thông báo, báo cáo, hợp đồng lao động, hợp đồng dân sự thông dụng, biên bản…

1110. Địa lý kinh tế Việt Nam **3 TC**

Học phần ĐLKT bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến việc tổ chức sắp xếp các hoạt động kinh tế – xã hội của một quốc gia, hoặc khu vực; và thực tiễn thực hiện các công tác nêu trên. Nội dung cơ bản của Học phần này là giúp cho sinh viên làm quen với việc đánh giá sơ bộ các tiềm lực kinh tế, xã hội, và vai trò của nó đối với sự phát triển của các quốc gia.

11.11. Kỹ năng giao tiếp **3 TC**

Môn học Kỹ năng giao tiếp cung cấp những kiến thức nền tảng về kỹ năng giao tiếp, đặc biệt giao tiếp trong công sở (Communication for Business). Kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản cần lưu ý trong giao tiếp hiệu quả; lý giải những yếu tố chi phối đến quá trình giao tiếp dưới góc nhìn truyền thông học, tâm lý học, xã hội học, văn hóa học. Môn học cũng giới thiệu khía cạnh giao tiếp cụ thể trong doanh nghiệp thông qua việc ứng dụng lý thuyết giao tiếp vào những bối cảnh và công việc cụ thể như giao tiếp nội bộ và bên ngoài, giao tiếp với những người đến từ nền văn hóa khác trong bối cảnh toàn cầu hóa, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thương lượng, giải quyết xung đột.

11.12. Giao tiếp kinh doanh **3 TC**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giao tiếp như: Khái niệm về giao tiếp, phương pháp giao tiếp, kỹ năng giao tiếp chung, giao tiếp cụ thể, cũng

như nghệ thuật thương lượng đối với khách hàng cũng như đối với các đối tượng khác.

11.13. Báo cáo thuế **3 TC**

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản về thuế và những chính sách thuế của nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần là nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần thiết kê khai nộp thuế đối với nhà nước.

11.14. Lý thuyết tài chính tiền tệ **3 TC**

Học phần này miêu tả các khái niệm cơ bản về tiền tệ, khái quát về hệ thống tiền tệ. Học phần cũng giới thiệu các khái niệm rất cơ bản về tiền tệ như: bản chất, chức năng của tiền tệ, lạm phát tiền tệ; cung cầu tiền tệ và ngân hàng trung ương, các khái niệm về tài chính, khái quát về hệ thống tài chính và các khâu trong hệ thống tài chính và mối quan hệ của chúng trong hệ thống tài chính.

11.15. Nguyên lý thống kê kinh doanh **3 TC**

Học phần Nguyên lý thống kê kinh tế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phương pháp thống kê để phục vụ cho một quá trình nghiên cứu, quan sát thực nghiệm. Học phần cung cấp cho các sinh viên một số nghiệp vụ thống kê trong một đơn vị.

11.16. Nguyên lý kế toán **3 TC**

Nguyên lý kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động chủ yếu của một đơn vị cụ thể. Giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quát về công việc kế toán và nền tảng để học tiếp tục các học phần cao hơn như: kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán quản trị, kế toán Nhà nước.

11.17. Tài chính doanh nghiệp 1 **3 TC**

Học phần tài chính doanh nghiệp bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động tài chính trong doanh nghiệp. Nội dung của học phần này là nghiên cứu về vốn, chi phí sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, và kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp …

11.18. Toán tài chính **3 TC**

Học phần Toán tài chính bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần này nhằm nghiên cứu lãi suất, thời gian đầu tư, tính chi phí vốn sử dụng trong doanh nghiệp…

11.19. Kế toán ngân hàng **3 TC**

Học phần này trang bị kiến thức cơ bản về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại, cụ thể như: Tổ chức công tác kế toán trong hoạt động ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ huy động vốn; Kế toán các nghiệp vụ cho vay; Kế toán các nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Kế toán thanh toán vốn giữa các ngân hàng; Kế toán TSCĐ và công cụ lao động; Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ; Kế toán chi phí, thu nhập, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

11.20. Thị trường chứng khoán **3 TC**

Học phần Thị trường chứng khoán bao gồm các lý luận liên quan đến hoạt động của thị trường vốn, chủ yếu là thị trường tài chính dài hạn. Nội dung của học phần này là nghiên cứu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam.

11.21. Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 **4 TC**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các nội dung kế toán tiền, kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, kế toán các khoản phải thu, kế toán các khoản ứng trước, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán các khoản đầu tư dài hạn.

11.22. Kế toán tài chính doanh nghiệp 2 **4 TC**

Học phần này được thiết kế để giới thiệu bản chất, nhiệm vụ và phương pháp hạch toán kế toán tài chính đối với những đối tượng thuộc các quá trình hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp sản xuất. Nội dung chính của học phần gồm: Kế toán nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu - thu nhập khác, chi phí kinh doanh - chi phí khác, xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính.

11.23. Kế toán quản trị 1 **3 TC**

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc kế toán quản trị bao gồm kế toán chi phí và giá thành, lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí-khối lượng-lợi nhuận, sử dụng thông tin của kế toán quản trị để đưa ra quyết định.

11.24. Kế toán quản trị 2 **3 TC**

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc kế toán quản trị bao gồm phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ, thiết lập định mức chi phí, kế hoạch linh hoạt và phân tích biến động chi phí, đnh giá sản phẩm, dịch vụ phục vụ, hoạch định vốn đầu tư dài hạn, khía cạnh xã hội và môi trường trong kế toán quản trị.

11.25. Kế toán Nhà nước **3 TC**

Môn Kế toán Nhà nước nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về công tác kế toán, hạch toán trong những đơn vị Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp như: Kho bạc, sự nghiệp văn hoá, sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp y tế, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị hành chính thuần tuý…Kế toán Nhà nước là một nghiệp vụ luôn gắn chặt với luật ngân sách nhà nước, giúp cho nhà quản trị có thể kiểm tra, kiểm soát và quản lý tốt đơn vị có sử dụng kinh phí nhà nước và không sử dụng kinh phí Nhà nước.

11.26. Hệ thống thông tin kế toán 1 **3 TC**

Học phần Kế toán Excel (Hệ thống thông tin kế toán P1) bao gồm hai phần. Phần 1, nhắc lại cho sinh viên về cách trình bày được bảng tính Excel và áp dụng một số hàm thông dụng cho các bài tập cơ bản. Phần 2, hướng dẫn cho sinh viên áp dụng một số hàm, một số chức năng cao cấp của Excel để hoàn thành các báo cáo trong kế toán. Sinh viên sẽ được thực tập những bài tập mang tính thực tế như: Báo cáo tiền lương, báo cáo nhập xuất tồn, báo cáo thu chi, báo cáo công nợ, báo cáo thuế và các báo cáo tài chính.

11.27. Hệ thống thông tin kế toán 2 **3 TC**

MICROSOFT ACCESS là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu tương tác với người dùng chạy trong môi trường Window. Microsoft access tăng thêm sức mạnh cho người sử dụng trong công tác tổ chức và biểu diễn thông tin. MICROSOFT ACCESS cho phép truy xuất một cách trực quan đến cơ sở dữ liệu, cung cấp một phương pháp trực tiếp, đơn giản để xem xét và truy vấn thông tin. MICROSOFT ACCESS cho phép thiết kế những biểu mẫu và báo cáo phức tạp đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đề ra. Người sử dụng có thể vận dụng dữ liệu, kết hợp các biểu mẫu và báo cáo trong một tài liệu và trình bày kết quả theo dạng phức chuyên nghiệp.

MICROSOFT ACCESS là một công cụ nâng cao hiệu suất công việc, dễ dáng tự động hóa công việc mà không cần lập trình. Đối với những nhu cầu quản lý dữ liệu ở mức độ chuyên cao, Microsoft Access đưa ra ngôn ngữ Access Basic là một ngôn ngữ lập trình cơ sở dữ liệu mạnh mẽ.

11.28. Phân tích hoạt động kinh doanh **3 TC**

Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến việc phân tích hoạt động kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp trên thị trường. Học phần này nhằm giúp cho các nhà lãnh đạo, các nhà đầu tư, các cơ quan nhà nước có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên các lĩnh vực: sản xuất, tiêu thụ, tài chính . Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ra quyết định trong kinh doanh.

11.29. Kiểm toán 1 **3 TC**

Học phần Kiểm toán bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản về kiểm toán, quy trình kiểm toán, và thủ tục kiểm toán các khoản mục chủ yếu của Báo cáo tài chính doanh nghiệp

11.30. Kiểm toán 2 **3 TC**

Học phần Kiểm toán P2 bao gồm các vấn đề lý luận về kiểm toán, quy trình kiểm toán, và thủ tục kiểm toán các khoản mục chủ yếu của Báo cáo tài chính doanh nghiệp. Học phần này nâng cao tính thực tiễn cho người học.

11.31. Kế toán tài chính doanh nghiệp 3 **3 TC**

Học phần giới thiệu về kế toán tài chính tại các đơn vị thuộc ngành dịch vụ tài chính như các tổ chức tài chính, các công ty chứng khoán, bảo hiểm, quỹ tín dụng,.... với nội dung chủ yếu là kế toán các công cụ tài chính; phương pháp kế toán đa tệ; và phương pháp kế toán đối với một số loại hình dịch vụ như phương tiện thanh toán, dịch vụ lưu ký và ủy thác… Học phần cũng giới thiệu các yêu cầu về thuyết minh và công bố thông tin trên báo cáo tài chính đặc thù cho lĩnh vực dịch vụ tài chính.

11.32. Kế toán tài chính quốc tế **3 TC**

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản của kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế. Cụ thể, nội dung môn học trang bị các kiến thức về Tổng quan về kế toán quốc tế, Tổ chức lập qui trình soạn thảo ban hành chuẩn mực, Khuôn mẫu lý thuyết chuẩn mực báo cáo tài chính (BCTC) quốc tế, Hệ thống chuẩn mực BCTC. Từ đó, sinh viên vận dụng để thực hiện đối chiếu hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế với các quốc gia riêng biệt.

11.33. Thực tập tốt nghiệp **4 TC**

Sinh viên thực tập tại công ty hoặc cơ quan về các vấn đề tài chính – kế toán: các công việc trong phòng kế toán, phòng tài chính, kế tóan các bộ phận, …, các phòng nghiệp vụ và các bộ phận liên quan đến đề tài do Nhà trường giao hoặc liên quan đến hướng thực hiện luận án tốt nghiệp. Trong trường hợp cần thiết, sinh viên phải thực hiện công việc của một kế toán viên tập sự. Sinh viên phải viết báo cáo thực tập tốt nghiệp: trình bày vấn đề cần giải quyết, các kết quả, … và kết luận.

11.34. Khóa luận tốt nghiệp **3 TC**

Phần chính của khóa luận là luận án tốt nghiệp - một công trình nghiên cứu của sinh viên trước khi ra trường, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của một hoặc nhiều giảng viên.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

1. Đối với các đơn vị đào tạo:

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

2. **Đối với giảng viên.**

3. Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Semena, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà.

- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ.

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

5. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

13. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN:

1. Tên học phần : TOÁN CAO CẤP 1
2. Mã học phần : 3107091011
3. Số tín chỉ : 3(3,0,6)
4. Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 1
5. Phân bố thời gian
- Lên lớp : 45 tiết
- Thực hành phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết : Không
7. Mục tiêu của học phần

Kiến thức:

7.1/ Sinh viên nắm được định nghĩa và phân loại ánh xạ,định nghĩa hàm số

7.2/ Cung cấp kiến thức về ma trận và các phép biến đổi ma trận

7.3/ Sinh viên tính được định thức, tìm ma trận nghịch đảo và tìm được hạng của ma trận

7.4/ Sinh viên giải được hệ phương trình tuyến tính.

7.5/ Sinh viên tìm được giới hạn và xét sự liên tục giới hạn của hàm số

7.6/ Sinh viên thuần thục trong việc tìm đạo hàm, vi phân của hàm số.

7.7/ Sinh viên tính được một số tích phân bất định đơn giản

7.8/ Sinh viên thuần thục trong tính tích phân bất định

7.9/ Sinh viên tính được tích phân hữu tỷ

7.10/ Sinh viên tính được các tích phân hàm vô tỷ.

7.11/ Sinh viên tính được tích phân hàm lượng giác

7.12/ Sinh viên tính được tích phân xác định

7.13/ Sinh viên tìm được đạo hàm, vi phân và tính được cực trị của hàm hai biến số.

7.14/ Sinh viên tính được tích phân kép.

7.15/ Sinh viên tính được tích phân đường.

Kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên:

7.16/ Có kỹ năng giải hệ phương trình tuyến tính

7.17/ Thuần thục trong tính giới hạn, xét liên tục, tìm đạo hàm, vi phân hàm một biến

7.18/ Có kỹ năng tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân kép, tích phân đường

Thái độ nghề nghiệp:

7.19 / Rèn luyện sinh viên cho sinh viên tính tỉ mỉ, tính cẩn thận, tinh thần chịu khó trong học tập và trong công việc ở tương lai.

7.20/ Rèn luyện cho sinh viên cách giải quyết vấn đề, tinh thần hợp tác trong làm việc.

8. Mô tả tóm tắt học phần

Chương I: Hàm số, ma trận, định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính

Chương II: Giới hạn,liên tục, đạo hàm, vi phân của hàm một biến

Chương III: Tích phân bất định

Chương IV: Tích phân xác định và hàm nhiều biến

Chương V: Tích phân kép, tích phân đường

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

***- Sách, giáo trình chính*:**

1. Giáo trình toán cao cấp 1, lưu hành nội bộ.

- Sách, tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đình Trí, Toán cao cấp 1, 2, 3, NXB Giáo dục,1997.

2. Đinh Bạc Thấm, Bài tập toán cao cấp 1, NXB Giáo dục,1997.

3. Nguyễn Thuỷ Thanh, Bài tập giải tích 1,2, NXB Giáo dục, 2002.

11. Tỷ lệ phần trăm các thành phần điểm và các hình thức đánh giá sinh viên

- Đánh giá quá trình: 50% , trong đó:
  + Làm bài tập: 30%
  + Thi giữa kỳ: 20%
- Thi cuối học kỳ: 50%, hình thức thi: tự luận, thời gian thi: 120 phút.

12. Thang điểm thi: **Theo quy chế tín chỉ**

13. Nội dung chi tiết học phần :

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Chương I: Hàm số, ma trận, định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính.	9	9		18	
2	Chương II: Giới hạn,liên tục, đạo hàm, vi phân của hàm một biến	9	9		18	
3	Chương III: Tích phân bất định	9	9		18	
4	Chương IV: Tích phân xác định và hàm nhiều biến	9	9		18	
5	Chương IV: Tích phân kép và tích phân đường	9	9		18	
TỔNG		**45**	**45**		**90**	

Kế hoạch thực hiện (Nội dung chi tiết) học phần theo tuần

Chương I: Hàm số, ma trận, định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính.	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy	

trên lớp: (2)	1/ Sinh viên nắm được định nghĩa và phân loại ánh xạ,định nghĩa hàm số. 2/ Sinh viên nắm được các kiến thức về ma trận , định thức và các phép biến đổi ma trận.
Nội dung giảng dạy Chương I: Hàm số, ma trận, định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính. + Bài 1: Hàm số (1) 1. Ánh xạ 1.1. Các định nghĩa 1.2. Đơn ánh, toàn ánh, song ánh 1.3. Ánh xạ ngược của 1 song ánh 1.4. Tích của 2 ánh xạ + Bài 2: Ma trận(2) Định nghĩa. 1. Ma trận không. 2. Ma trận bằng nhau. 3. Ma trận đơn vị In (cỡ n). 4. Cộng ma trận. 5.1. Định nghĩa 5.2. Tính chất 5. Nhân ma trận với một số 6.1. Định nghĩa 6.2. Tính chất 6. Phép nhân ma trận với ma trận 7.1. Định nghĩa 7.2. Chú ý 7. Một số tính chất 8. Ma trận chuyển vị 9. Chuyển vị của tích hai ma trận định lý Phương pháp giảng dạy: + Diễn giảng kèm đàm thoại.	

+ Sử dụng hình ảnh minh họa. + Đặt vấn đề để sinh viên thuyết trình, thảo luận	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học Bài hàm số trang 1 – trang 12 1. Số thực 1.1. Khái niệm về số thực 1.2. Trục số 1.3. Khoảng, đoạn, khoảng vô hạn 1.4. Gía trị tuyệt đối 1.5. Tính chất của giá trị tuyệt đối 2. Các khái niệm cơ bản về hàm 1 biến số 2.1. Định nghĩa hàm 1 biến số 2.2. Đồ thị của hàm 1 biến số 2.3. Hàm số đơn điệu, hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn 2.4. Hàm số hợp 2.5. Hàm số ngược 3. Phân loại hàm số 3.1. Các hàm số sơ cấp cơ bản 3.2. Hàm số sơ cấp 4. Bài tập về ma trận, hàm số trang 18,19	Củng cố kiến thức về ma trận và hàm số. Rèn luyện kỹ năng tính toán các phép toán trên ma trận

Chương I: Hàm số, ma trận, định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính.	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức của ma trận vuông.
Nội dung giảng dạy	

+ Bài 3: Định thức(2) + Bài tập (1) I. Định thức 1. Tính chất của ma trận vuông. 2. Tính chất của định thức. 2.1. Tính chất 1 2.2.Tính chất 2 2.3.Tính chất 3 2.4.Tính chất 4 2.5.Tính chất 5 2.6.Tính chất 6 2.7.Tính chất 7 2.8.Tính chất 8 2.9.Tính chất 9 2.10.Tính chất 10 2.11.Tính chất 11 2.12. Cách tính định thức bằng biến đổi sơ cấp II. Ma trận nghịch đảo 1. Ma trận đơn vị. 2. Ma trận khả đảo và ma trận nghịch đảo. 3. Sự duy nhất của ma trận nghịch đảo. 4. Sự tồn tại của ma trận nghịch đảo và biểu thức của nó. 5. Cách tính ma trận nghịch đảo bằng phụ đại số. 6. Ma trận nghịch đảo của tích hai ma trận 7. Định thức của tích hai ma trận. III. Hạng của ma trận 1. Định nghĩa.	

2. Định lý. IV. Bài tập Phương pháp giảng dạy: + Diễn giảng kèm đàm thoại. + Sử dụng hình ảnh minh họa. + Đặt vấn đề để sinh viên thuyết trình, thảo luận	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học Bài tập về định thức – trang 27	Rèn luyện kỹ năng tính định thức của ma trận.

Chương I: Hàm số, ma trận, định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính.	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	Sinh viên nắm được các kiến thức về phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính.
Nội dung giảng dạy Bài 3: Bài tập tt (1)+ Bài 4: Hệ phương trình đại số tuyến tính (2) 1. Bài tập định thức (tt) 2. Dạng tổng quát của hệ phương trình tuyến tính. 3. Dạng ma trận của hệ phương trình tuyến tính. 4. Hệ Cramer. Định nghĩa Định lý 5. Giải hệ phương trình tuyến tính bằng biến đổi sơ cấp. 6. Phương pháp Gauss – Jodan. 7. Phương pháp ma trận nghịch đảo.	

8. Giải hệ phương trình tuyến tính tổng quát. Định lý Chú ý 9. Hệ thuần nhất. 8.1. Định lý 8.2. Hệ quả Phương pháp giảng dạy: + thuyết trình + vấn đáp + giảng giải	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học Bài tập giải hệ phương trình tuyến tính - trang 34 – 35	Rèn luyện kỹ năng giải hệ phương trình tuyến tính.

Chương I: Hàm số, ma trận, định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính.	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	Rèn luyện kỹ năng giải hệ phương trình tuyến tính.
Nội dung giảng dạy + Bài 4: Bài tập Hệ phương trình đại số tuyến tính (3) Phương pháp giảng dạy: + thuyết trình + vấn đáp + giảng giải	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học

Các nội dung tự học Bài tập giải hệ phương trình tuyến tính - trang 34 – 35	Bài tập giải hệ phương trình tuyến tính

Chương II: Giới hạn,liên tục, đạo hàm, vi phân của hàm một biến.	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	Sinh viên hiểu được về định nghĩa và tính chất của giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân.
Nội dung giảng dạy + Bài 1: Giới hạn và liên tục của hàm số một biến số (1) + Bài tập (1) I. Giới hạn của hàm số 1. Định nghĩa. 2. Tính chất. 2.1. Định lý 2.2. Định lý 2.3. Định lý 3. Giới hạn một phía. 3.1. Định nghĩa 3.2. Định lý 4. Vô cùng bé, vô cùng lớn. 4.1. Định lý II. Hàm số liên tục 1. Định nghĩa. 2. Định lý 1. 3. Định lý 2. 4. Liên tục bên trái, liên tục bên phải tại một điểm. 5. Hàm số gián đoạn tại một điểm.	

6. Các tính chất của hàm số liên tục. 6.1. Định lý 6.2. Hệ quả 6.3. Định lý + Bài 2: Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số (1) I. Đạo hàm 1. Định nghĩa đạo hàm tại một điểm. 1.1. Định nghĩa 1.2. Đạo hàm bên trái, bên phải 2. Tính chất 3. Giải thích bằng đồ thị 4. Đạo hàm trên khoảng, đoạn. 5. Các phép tính về đạo hàm. 6. Đạo hàm của hàm số hợp 7. Đạo hàm của hàm số ngược. 8. Đạo hàm cấp cao. II. Vi phân 1. Định nghĩa 2. Công thức tính vi phân. 3. Ứng dụng vi phân để tính gần đúng giá trị hàm số 4. Vi phân cao cấp III. Ứng dụng 1. Các định lý về giá trị trung bình. 1.1. Định lý Fermar 1.2. Hệ quả	

1.3 Định lí Lagrange 1.4 Định lý Cauchy 2. Ứng dụng các định lý về giá trị trung bình. 2.1. Định lý L'Hospital 2.2. Chú ý. Phương pháp giảng dạy: + thuyết trình + vấn đáp + giảng giải	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học Bài: giới hạn và liên tục của hàm số một biến – trang 38-40 + Giới hạn của dãy số 1. Nhắc lại. 2. Định nghĩa. 3. Định lý căn bản. 4. Hệ thức trên những dãy số hội tụ. 5. Tính đơn điệu của dãy số. 5.1. Định nghĩa 5.2. Tính chất 6. Mở rộng giới hạn của dãy số. 6.1. Định nghĩa 6.2. Tính chất + Hàm số nghịch đảo của một hàm số nghiêm cách đơn điệu trên đoạn.	Sinh viên biết cách tìm giới hạn và xét sự liên tục của hàm số.

Chương II: Giới hạn,liên tục, đạo hàm, vi phân của hàm một biến	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	Sinh viên thuần thục trong việc tìm đạo hàm, vi phân của hàm số.
Nội dung giảng dạy + Bài 2: Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số (tt) (1) + Bài tập (2) Phương pháp giảng dạy: + Diễn giảng kèm đàm thoại. + Sử dụng hình ảnh minh họa. + Đặt vấn đề để sinh viên thuyết trình, thảo luận	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học Bài tập Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số - trang 66-67	Sinh viên thuần thục trong việc tìm đạo hàm, vi phân của hàm số.

Chương III: Tích phân bất định	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	1/ Sinh viên hiểu được định nghĩa tích phân bất định. 2/ Nắm các phương pháp tính tích phân. 3/ Thuộc bảng nguyên hàm.
Nội dung giảng dạy + Bài 1: Tích phân bất định (1) 1. Định nghĩa nguyên hàm. 2. Định lý. 3. Các tính chất đơn giản. 4. Bảng tích phân các hàm số thông dụng. Định lý	

+ Bài 2: Phương pháp tính tích phân bất định (1) + Bài tập (1) 1. Phép đổi biến. 2. Phương pháp tích phân từng phần. Phương pháp giảng dạy: + Diễn giảng kèm đàm thoại. + Sử dụng hình ảnh minh họa. + Đặt vấn đề để sinh viên thuyết trình, thảo luận	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học Bài tập tính tích phân bất định – trang 74	Rèn luyện kỹ năng tính tích phân bất định

Chương III: Tích phân bất định	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	Sinh viên nắm các phương pháp tính tích phân hàm hữu tỷ
Nội dung giảng dạy + Bài 3: Tích phân, phân thức hữu tỷ (2) + Bài tập (1) 1. Khái niệm. 2. Cách tính. Phương pháp giảng dạy: + Diễn giảng kèm đàm thoại. + Sử dụng hình ảnh minh họa. + Đặt vấn đề để sinh viên thuyết trình, thảo luận	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học

Các nội dung tự học Bài tập tính tích phân hàm hữu tỷ - trang 83	Rèn luyện kỹ năng tính tích phân hàm hữu tỷ

Chương III: Tích phân bất định	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	Sinh viên nắm các phương pháp tính tích phân hàm vô tỷ
Nội dung giảng dạy + Bài 4: Tích phân hàm số vô tỷ (2) + Bài tập (1) 1. Khái niệm. 2. Cách tính. Phương pháp giảng dạy: + Diễn giảng kèm đàm thoại. + Sử dụng hình ảnh minh họa. + Đặt vấn đề để sinh viên thuyết trình, thảo luận	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học Bài tập tính tích phân hàm vô tỷ - trang 87	Rèn luyện kỹ năng tính tích phân hàm vô tỷ

Chương III: Tích phân bất định	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	Sinh viên nắm các phương pháp tính tích phân hàm lượng giác
Nội dung giảng dạy + Bài 5: Tích phân hàm số lượng giác (1) + Bài tập (1) + Kiểm tra (1) 1. Khái niệm. 2. Cách tính.	

Phương pháp giảng dạy: + thuyết trình + vấn đáp + giảng giải	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học Bài tập tính tích phân hàm lượng giác – trang 90	Rèn luyện kỹ năng tính tích phân hàm lượng giác

Chương IV: Tích phân xác định và hàm nhiều biến	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	1/ Sinh viên nắm được định nghĩa tích phân xác định 2/ Các phương pháp tính.
Nội dung giảng dạy + Bài 1: Tích phân xác định (2) + Bài tập (1) I. Định nghĩa 1. Bài toán diện tích. 2. Định nghĩa tích phân xác định. II. Điều kiện khả tích 1. Định lý 1 2. Định lý 2 3. Định lý 3 4. Định lý 4 III. Tính chất của tích phân 1. Tính chất 1 2. Tính chất 2 3. Tính chất 3 4. Tính chất 4	

IV. Phương pháp tính tích phân xác định 1. Các định lý. 1.1. Định lý 1 1.2. Định lý 2 2. Phép đổi biến số trong tích phân xác định. 2.1. Định lý 1 2.2. Định lý 2 3. Phép lấy tích phân từng phần. V. Ứng dụng của tích phân 1. Diện tích hình phẳng. 2. Thể tích khối tròn xoay. 2.1. Vật thể bất kỳ 2.2. Thể tích khối tròn xoay quay quanh Ox 2.3. Thể tích khối tròn xoay quay quanh Oy 3. Độ dài đường cong. 4. Diện tích mặt tròn xoay sinh ra bởi đường cong (C) khi quay quanh Ox Phương pháp giảng dạy: + Diễn giảng kèm đàm thoại. + Sử dụng hình ảnh minh họa. + Đặt vấn đề để sinh viên thuyết trình, thảo luận	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học Bài tập tính tích phân xác định – trang 113 ,114	Rèn luyện kỹ năng tính tích phân xác định

Chương IV: Tích phân xác định và hàm nhiều biến	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung

A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	1/ Sinh viên nắm được định nghĩa tích phân xác định, hàm nhiều biến.
Nội dung giảng dạy + Bài 1: Bài tập Tích phân xác định tt (1) + Hàm nhiều biến (2) +Bài tập (1) I. Hàm hai biến 1. Định nghĩa. 2. Miền xác định. 3. Hệ thức của hàm hai biến 4. Đồ thị cua hàm hai biến. 5. Giới hạn và liên tục. 5.1. Giới hạn 5.1.1. Định nghĩa 5.1.2. Tính chất 5.2. Liên tục 6. Đạo hàm riêng. 6.1. Định nghĩa 6.2. Tính chất 6.3. Đạo hàm riêng phần bậc cao 7. Vi phân. 7.1. Quy ước 7.2. Vi phân có điều kiện Phương pháp giảng dạy: + thuyết trình + vấn đáp + giảng giải	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học

Các nội dung tự học +Bài tập về hàm nhiều biến. Trang 126 + Tích phân suy rộng. + Mặt bậc hai. +Ứng dụng vi phân toàn phần vào tính gần đúng. +Đạo hàm hàm ẩn. +Cực trị của hàm số.	Sinh viên tìm được đạo hàm, vi phân và tính được cực trị của hàm hai biến số.

Chương V: Tích phân kép, tích phân đường	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	1/ sinh viên nắm được định nghĩa tích phân kép
Nội dung giảng dạy + Bài 1: Tích phân kép (3) I. Tích phân kép 1. Khái niệm. 1.1. Bài toán thể tích 1.2. Định nghĩa 1.3. Tính chất 1.4. Điều kiện khả tích 2. Cách tính tích phân kép. 2.1. Định lý 1 2.1.1. Hệ quả 2.2. Định lý 2 2.2.1. Hệ quả 2.3. Định lý 3 2.3.1. Hệ quả 3. Đổi biến số.	

4. Ứng dụng hình học của tích phân kép. 4.1. Tính thể tích 4.2. Tính diện tích hình phẳng 4.3. Tính diện tích mặt Phương pháp giảng dạy: + Diễn giảng kèm đàm thoại. + Sử dụng hình ảnh minh họa. + Đặt vấn đề để sinh viên thuyết trình, thảo luận	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học + Tích phân phụ thuộc tham số. Trang 130 - 133 + Ứng dụng cơ học của tích phân kép. Trang 146 - 148	sinh viên nắm được định nghĩa tích phân kép

Chương V: Tích phân kép, tích phân đường	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	1/ sinh viên nắm được định nghĩa tích phân kép, tích phân đường. 2/ Các phương pháp tính.
Nội dung giảng dạy + Bài 1: Bài tập Tích phân kép (2) + Bài 2: Tích phân đường (1) I. Tích phân đường loại một 1. Định nghĩa. 2. Cách tính. 3. Trường hợp đường lấy tích phân là một đường trong không gian. 4. Trọng tâm của cung đường.	

II. Tích phân Đường loại hai 1. Định nghĩa. 2. Cách tính. 3. Công thức Green. 4. Điều kiện để tích phân đường không phụ thuộc vào đường lấy tích phân. Định lý Các hệ quả Phương pháp giảng dạy: + thuyết trình + vấn đáp + giảng giải	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học +Bài tập về tích phân kép. Trang 149 +Trường hợp đường lấy tích phân là một đường trong không gian. Trang 152	1 / Sinh viên tính được tích phân kép. 2 / Sinh viên hiểu được tích phân đường.

Chương V: Tích phân kép, tích phân đường.	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung
A/ Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (2)	1 / Sinh viên tính được tích phân đường.
Nội dung giảng dạy + Bài 2: Tích phân đường tt (1) + Bài tập (2) Phương pháp giảng dạy: + Diễn giảng kèm đàm thoại. + Sử dụng hình ảnh minh họa. + Đặt vấn đề để sinh viên thuyết trình, thảo luận	

B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)	Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học
Các nội dung tự học +Bài tập về tích phân đường. Trang 158 - 159	Sinh viên tính được tích phân đường.

1. Tên học phần : ANH VĂN
2. Mã học phần : 3107121016
3. Số tín chỉ : 4(4,0,8)
4. Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 1
5. Phân bố thời gian
- Lên lớp : 60 tiết
- Thực hành phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 120 tiết

6. Điều kiện tiên quyết : Không
7. Mục tiêu của học phần

Học phần Anh văn giúp sinh viên hệ thống lại, ôn lại những kiến thức cơ bản mà sinh viên đã học ở phổ thông. Vì vậy, các đơn vị bài học trong giáo trình phải phục vụ cho mục tiêu củng cố kiến thức. Những kiến thức này được trình bày dưới dạng giới thiệu lại, và ôn luyện dưới hình thức mà một bài thi TOEIC chuẩn yêu cầu.

Kiến thức:

7.1/ Những điểm ngữ pháp cơ bản chính yếu

7.2/ Từ vựng giao tiếp cơ bản ở cấp độ thấp

7.3/ Các giới từ cơ bản

Kỹ năng:

7.4/ Nghe hiểu một số bài kiểm tra TOEIC

7.5/ Đọc hiểu một số bài kiểm tra TOEIC

7.6/ Sử dụng ngữ pháp căn bản và các giới từ một cách chính xác.

7.7/ Hiểu các đoạn hội thoại hằng ngày

7.8/ Hiểu một đoạn đối thoại

7.9/ Kỹ năng nghe trong giao tiếp

7.10/ Đọc một số đoạn văn giao tiếp

7.11/ Đoán từ vựng trong đoạn văn

Thái độ nghề nghiệp:

7.12/ Giáo dục thái độ đối với nghề nghiệp đúng đắn, tích cực.

8. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này nhằm mục đích giúp sinh viên làm quen hai kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu tiếng Anh của một bài thi TOEIC ở cấp độ cơ bản.

Sinh viên được hệ thống lại, ôn lại những kiến thức về ngữ pháp và vốn từ vựng từ cấp độ cơ bản mà sinh viên đã được học ở phổ thông để làm nền tảng cho sinh viên chuẩn bị tiếp cận tiếng Anh ở cấp độ bao quát hơn, tổng hợp hơn.

Nội dung học phần gồm có 7 đơn vị bài học

Unit 1: Present Tense

Unit 2: Past tense

Unit 3: Gerund & Infinitive

Unit 4: Nouns & Pronouns

Unit 5: Adjectives & Adverbs

Unit 6: Comparisons

Unit 7: Modifiers

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính:

Anne Taylor and Garrett Byrne, Stater TOEIC, First News.

- Sách, tài liệu tham khảo:

Raymond Murphy, ENGLISH GRAMMAR IN USE, Cambridge University Press, 2010.

11. Tỷ lệ phần trăm các thành phần điểm và các hình thức đánh giá sinh viên

- Đánh giá quá trình: 50% , trong đó:

+ Làm bài tập: 20%

+ Thi giữa kỳ: 30%

- Thi cuối học kỳ: 50% , làm bài trắc nghiệm, thời gian thi tối thiểu là 90 phút.

12. Thang điểm thi: **Theo qui chế tín chỉ**

13. Kế hoạch thực hiện (Nội dung chi tiết) học phần theo tuần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Unit 1: Present Tense	10	10		20	
2	Unit 2: Past Tenses	10	10		20	
3	Unit 3: Gerund and Infinitive	8	8		16	
4	Unit 4: Nouns and Pronouns	8	8		16	
5	Unit 5: Adjectives and Adverbs	8	8		16	
6	Unit 6: Comparisons	8	8		16	
7	Unit 6: Modifiers	8	8		16	
Tổng		**60**	**60**		**120**	

Unit 1: Present Tense *(4/0/8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **I. General review: (1period)** **1. Vocabulary**: Students are reviewed vocabulary through tasks of the followings: 1.1. Listening 1.2. Reading **2. Grammar focus:** Students are reviewed Present tense through tasks of the followings:	*- Review Present tenses* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*

2.1. Preposition 2.2. Exercises **II. Practice mini tests:** **1. Listening: (2periods)** 1.1. Picture Description 1.2. Questions and Responses 1.3. Short Conversations. 1.4. Short Talks. **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	
***B*/ Các nội dung cần tự học ở nhà:** *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 15 – page 28 + Students are supposed to review all the learnt contents in class.	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.*
+ Students should do more listening practice at home. ***- Liệt kê các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	*- More reading practice.*

Unit 1: Present Tense *(4/0/8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)***	
Nội dung giảng dạy **2. Grammar: (1period)** 2.1. Incomplete Sentences	*- Review Present tenses* *- Consolidate listening,*

3. Reading: (2periods) 3.1. Incomplete Texts 3.2. Reading Comprehension **Phương pháp giảng dạy*:*** + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	*grammar and reading skills.*
***B*/ Các nội dung cần tự học ở nhà:** *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 15 – page 28 + Students are supposed to review all the learnt contents in class. + Students should do more listening practice at home. + Students should do more reading tasks. ***- Liệt kê các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.* *- More reading practice.*

Unit 2: Past Tenses *(4:0:8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **I. General review: (1period)** **1. Vocabulary**: Students are reviewed vocabulary through tasks of the followings: 1.1. Listening 1.2. Reading **2. Grammar focus:** Students are reviewed Past tenses through tasks of the followings: 2.1. Preposition 2.2. Exercises **II. Practice mini tests:** **1. Listening: (2periods)** 1.1. Picture Description 1.2. Questions and Responses 1.3. Short Conversations. 1.4. Short Talks. **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	*- Review Past tenses.* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 29 – page 42 + Students are supposed to review all the learnt contents in class. + Students should do more listening practice at home.	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.*

+ Students should do more reading tasks.	*- More reading practice.*
- Liệt kê các tài liệu học tập cần thiết: + Very Easy TOEIC	
Unit 2: Past Tenses *(4:0:8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	*- Review Past tenses.* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*
Nội dung giảng dạy **2. Grammar: (1period)** 2.1. Incomplete Sentences **3. Reading: (2periods)** 3.1. Incomplete Texts 3.2. Reading Comprehension **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 29 – page 42 + Students are supposed to review all the learnt contents in class. + Students should do more listening practice at home.	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.* *- More reading practice.*

+ Students should do more reading tasks. ***- Liệt kê các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	
Unit 3: Gerund and Infinitive *(4:0:8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **I. General review: (1period)** **1. Vocabulary**: Students are reviewed vocabulary through tasks of the followings: 1.1. Listening 1.2. Reading **2. Grammar focus:** Students are reviewed grammar through tasks of the followings: 2.1. Preposition 2.2. Exercises **II. Practice mini tests:** **1. Listening: (2periods)** 1.1. Picture Description 1.2. Questions and Responses 1.3. Short Conversations. 1.4. Short Talks. **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice.	*- Review Gerund and Infinitive.* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*

+ Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 43 – page 56 + Students are supposed to review all the learnt contents in class. + Students should do more listening practice at home.	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.* *- More reading practice.*
+ Students should do more reading tasks. ***- Các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	

Unit 3: Gerund and Infinitive *(4:0:8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **2. Grammar: (1period)** 2.1. Incomplete Sentences **3. Reading: (2periods)** 3.1. Incomplete Texts 3.2. Reading Comprehension **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing,	*- Review Gerund and Infinitive.* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*

eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:** *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 43 – page 56 + Students are supposed to review all the learnt contents in class. + Students should do more listening practice at home. + Students should do more reading tasks. ***- Các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.* *- More reading practice.*

Midterm Test ***Unit 4: Nouns and Pronouns*** *(4:0:8)*	**Dự kiến mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **I. Midterm Test. (2periods)** **II. Unit 4 - General review: (1period)** **1. Vocabulary**: Students are reviewed vocabulary through tasks of the followings: 1.1. Listening 1.2. Reading **2. Grammar focus:** Students are reviewed grammar through tasks of the followings: 2.1. Preposition 2.2. Exercises **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill.	*- Review Gerund and Infinitive.* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*

+ Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class. - For the revision, teachers may give more handouts with extra exercises for reviewing vocabulary, grammars, listening and reading.	
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 99 – page 108 + Students are supposed to review all the learnt contents in class.	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.* *- More reading practice.*
+ Students should do more listening practice at home. + Students should do more reading tasks. - ***Các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	

Unit 4: Nouns and Pronouns (cont.) *(4:0:8)*	**Dự kiến mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
***A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp**: *(4)*	
Nội dung giảng dạy **I. Practice mini tests:** **1. Listening: (2periods)** 1.1. Picture Description 1.2. Questions and Responses 1.3. Short Conversations. 1.4. Short Talks. **2. Grammar: (1period)** 2.1. Incomplete Sentences **Phương pháp giảng dạy**: + Teachers review all the essential grammar points	*- Review Nouns and Pronouns* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*

and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 109 – page 112 + Students are supposed to review all the learnt contents in class. + Students should do more listening practice at home.	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.* *- More reading practice.*
+ Students should do more reading tasks. ***- Liệt kê các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	

Unit 4 (cont) ***Unit 5: Adjectives and Adverbs*** *(4:0:8)*	**Dự kiến mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **I. Unit 4:** **1. Reading: (2periods)** 1.1. Incomplete Texts 1.2. Reading Comprehension **II. Unit 5: (1period)** **Vocabulary**: Students are reviewed vocabulary	*- Adjectives and Adverbs* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*

through tasks of the followings: 1.1. Listening 1.2. Reading **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học:**
Các nội dung tự học: Page 113 – page 119 + Students are supposed to review all the learnt contents in class.	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.*
+ Students should do more listening practice at home. + Students should do more reading tasks. (Teachers may give them hanouts if necessary.) ***- Liệt kê các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	*- More reading practice.*

Unit 5: Adjectives and Adverbs (cont.) *(4:0:8)*	**Dự kiến mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy	

I. Practice mini tests: **1. Listening: (2periods)** 1.1. Picture Description 1.2. Questions and Responses 1.3. Short Conversations. 1.4. Short Talks. **2. Grammar: (1period)** 2.1. Incomplete Sentences **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	*- Review Nouns and Pronouns* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 120 – page 126	
+ Students are supposed to review all the learnt contents in class. + Students should do more listening practice at home. + Students should do more reading tasks. (Teachers may give them hanouts if necessary.) *- Các tài liệu học tập cần thiết:* + Very Easy TOEIC	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.* *- More reading practice.*

Unit 5 (cont.) + Unit 6: Comparisons *(4:0:8)*	**Dự kiến mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **I. Unit 5: Practice mini tests:** 1**. Reading: (2periods)** 1.1. Incomplete Texts 1.2. Reading Comprehension **II. Unit 6: General review: (1period)** **1. Vocabulary**: Students are reviewed vocabulary through tasks of the followings: 1.1. Listening 1.2. Reading **2. Grammar focus:** Students are reviewed Comparisons through tasks of the followings: 2.1. Preposition 2.2. Exercises **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	*- Review Comparisons.* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 127 – page 135 + Students are supposed to review all the learnt contents in class. + Students should do more listening practice at	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.*

home. + Students should do more reading tasks. ***- Các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	*- More reading practice.*

Unit 6: Comparisons *(4:0:8)*	**Dự kiến mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **I. Practice mini tests:** **1. Listening: (2periods)** 1.1. Picture Description 1.2. Questions and Responses 1.3. Short Conversations. 1.4. Short Talks. **2. Grammar: (1period)** 2.1. Incomplete Sentences **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class. + For the revision, teachers may give more worksheets to reviewed the aimed knowledge.	*- Review Comparisons.* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 136 – page 140 + Students are supposed to review all the learnt	*- The learnt lesson is enhanced.*

contents in class. + Students should do more listening practice at home. + Students should do more reading tasks. (Teachers may give them hanouts if necessary.) - ***Các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	*- More listening practice.* *- More reading practice.*

Unit 6 (cont.) + Unit 7: Modifiers *(4:0:8)*	**Dự kiến mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **I. Practice mini tests:** 1**. Reading: (2periods)** 1.1. Incomplete Texts 1.2. Reading Comprehension **II. Unit 7: General review: (1period)** **1**. **Vocabulary**: Students are reviewed vocabulary through tasks of the followings: 1.1. Listening 1.2. Reading **2. Grammar focus:** Students are reviewed Modifiers through tasks of the followings: 2.1. Preposition 2.2. Exercises **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a	*- Review Modifiers.* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*

new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers can differentiate the time depending on the	
students' level in a class. + For the revision, teachers may give more worksheets to reviewed the aimed knowledge.	
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 155 – page 168 + Students are supposed to review all the learnt contents in class.	
+ Students should do more listening practice at home. + Students should do more reading tasks. (Teachers may give them hanouts if necessary.) ***- Các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC + English Grammar in Use. + Teachers' handouts.	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.* *- More reading practice.*

Unit 7: Modifiers (cont.) *(4/0/8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **I. Practice mini tests:** **1. Listening: (2periods)** 1.1. Picture Description 1.2. Questions and Responses 1.3. Short Conversations. 1.4. Short Talks. **2. Grammar: (1period)** 2.1. Incomplete Sentences **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and	*- Review Modifiers.* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.*

supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers guide students the techniques to choose the best	
answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice. + Teachers can differentiate the time depending on the students' level in a class.	
***B*/ Các nội dung cần tự học ở nhà:** *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 183 – page 225 + Students are supposed to review all the learnt contents in class. + Students should do more listening practice at home. + Students should do more reading tasks. - ***Các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.* *- More reading practice.*

Unit 7: Modifiers (cont.) – Review *(4:0:8)*	**Dự kiến mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc nội dung**
A/* Tóm tắt các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp: (4)*	
Nội dung giảng dạy **3. Reading: (2periods)** 3.1. Incomplete Texts 3.2. Reading Comprehension **II. Review Unit 4 → Unit 7**: **(1period)** - Vocabulary. - Listening tasks. - Reading tasks. **Phương pháp giảng dạy***:* + Teachers review all the essential grammar points and supply more extra exercises if necessary. + Teachers provide students with the necessary	*- Review Modifiers.* *- Consolidate listening, grammar and reading skills.* *- Review unit 4 → unit 7.*

vocabulary. + Teachers introduce students the important techniques required for successfully doing a TOEIC test. + Teachers let students listen to the cassette player in class and guide them how to improve listening skill. + Teachers show the ways to guess the meaning of a new word, the main idea of a paragraph or a text. + Teachers guide students the techniques to choose the best answer by guessing the meaning, comparing, eliminating the wrong choice.	
***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(8)*	**Dự kiến các mục tiêu được thực hiện sau khi kết thúc tự học**
Các nội dung tự học: Page 183 – page 225 + Students are supposed to review all the learnt contents in class. + Students should do more listening practice at home. + Students should do more reading tasks. (Teachers may give them handouts if necessary.) ***- Liệt kê các tài liệu học tập cần thiết:*** + Very Easy TOEIC + Teachers' handouts.	*- The learnt lesson is enhanced.* *- More listening practice.* *- More reading practice.*

1. Tên học phần **ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN**

2. Mã học phần **3107082102**

3. Số tín chỉ **4 (4,0,8)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 60 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm: 0 tiết
- Thực hành: 0 tiết
- Tự học: 120 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Anh văn (a)

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nâng cao vốn từ vựng trong ngành thương mại, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong kinh doanh, đồng thời được cung cấp một số nghiệp vụ ngoại thương cơ bản cũng như các xử lý các loại thư tín, thủ tục trong thương mại.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Anh văn chuyên ngành 1 nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức bằng tiếng Anh về nghiệp vụ mua bán, vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa, tìm hiểu về bộ chứng từ, phương pháp phân phối hàng hóa, tỷ giá hối đoái …

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1]. Tập thể giáo viên khoa Quản trị kinh doanh, Giáo trình We are in business, Lưu hành nội bộ, 2007.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] + Acompany to acompany

[2] + Grammar in use

[3] + Ngữ pháp tiếng Anh cơ bản

[4] + Enterprise 2,3

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Unit 1 : Introducing	8	8		16	
2	Unit 2 : Buying and selling	8	8		16	
3	Unit 3 : Transportation	8	8		16	
4	Unit 4 : Insurance	8	8		16	
5	Unit 5 : Sales documentation	8	8		16	
6	Unit 6 : Distribution	10	10		20	
7	Unit 7 : Foreign exchange	10	10		20	
	TỔNG CỘNG	**60**	**60**		**120**	

UNIT 1: INTRODUCING

1.1 Vocabulary : Place of work

1.2 Grammar :

Units of measurments

Cardinal numbers and ordinal numbers

1.3 Structure

Count nouns and non-count nouns

1.4 Transaction

1.4.1 Transaction 1: How to introduce yourself and people

1.4.2 Transaction 2: Talk about your works

UNIT 2: BUYING AND SELLING

1.1 Vocabulary : sales documents

1.2 Grammar :

Adverbs and adjectives

1.3 Structure :

Positions of adverb

1.4 Transaction

1.4.1 Transaction 1: How to organize a sale?

1.4.2 Transaction 2: Bargaining

UNIT 3: TRANSPORTATION

1.1 Vocabulary : consignments, containers and conventional cargo

1.2 Grammar :

Review of tenses: present tenses

1.3 Structure :

Sentence transformation: Inversion

1.4 Transaction

1.4.1 Transaction 1: Arrange international transportation

1.4.2 Transaction 2: Documents used in transportation

UNIT 4 : INSURANCE

1.1 Vocabulary : Brokers, Underwriters and Insurance

1.2 Grammar :

Review of tenses : past tenses

1.3 Structure :

Sentence tranformation: conditional sentence 1

1.4 Transaction

1.4.1 Transaction 1 : History of Insurance

1.4.2 Transaction 2: How to arrange an Insurance Policy

UNIT 5 : SALES DOCUMENTATION

1.1 Vocabulary : Invoice, Pro-forma-invoice and Sales Statement
1.2 Grammar : Review of tenses: future tenses
1.3 Structure :
Sentence transformation: Conditional sentences 2 and 3
1.4 Transaction
1.4.1 Transaction 1: First – time suppliers and regular suppliers
1.4.2 Transaction 2: Documents used in International Sales

UNIT 6 : DISTRIBUTION

1.1 Vocabulary: Distribution network, Air-freight, Sea-freight and other modes of transport
1.2 Grammar :
Reported speech
1.3 Structure :
Sentence transformation: reported speech
1.4 Transaction
1.4.1 Transction 1: Choice of mode of transportation
1.4.2 Transaction 2: Disadvantages and advantages of modes

UNIT 7: FOREIGN EXCHANGE

1.1 Vocabulary : Direct and indirect foreign exchange quotations
1.2 Grammar : Passive Voice
1.3 Sructure :
Sentence transformation: passive voice
1.4 Transaction
1.4.1 Transaction 1: Cross rates
1.4.2 Transaction 2: Foreign Exchange Risks

1. Tên học phần **TIN HỌC ỨNG DỤNG NGÀNH KẾ TOÁN**

2. Mã học phần **3107082101**

3. Số tín chỉ **3 (1,4,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 15 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 60 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nâng cao những kiến thức cơ bản về tin học cơ bản và các ứng dụng.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Tin học ứng dụng trình bày tổng quan về các ứng dụng cơ bản của tin học cơ bản phục vụ cho khối ngành kinh kế. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kỹ năng về soạn thảo văn bản trên phần mềm ứng dụng Mỉcosoft Word, kỹ năng tính toán trên phần mềm ứng dụng Mỉcosoft Excel, kỹ năng tính trình bày , báo cáo toán trên phần mềm ứng dụng Mỉcosoft Powerpoint, phát triển khả năng tìm kiếm thông tin trên Internet và lập trình một ứng dụng cụ thể bằng VBA.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp, phòng thí nghiệm và ở nhà*

1. *Dụng cụ và học liệu:giáo trình, máy tính*
2. *Khác: Theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] Tập thể giáo viên khoa Tài chính kế toán, Giáo trình Tin học ứng dụng, Lưu hành nội bộ, 2012.

- Tài liệu tham khảo

[1] Trần Văn Thắng, Hướng dẫn thực hành kế toán trên Excel, NXB Thống Kê

[2] Ông Văn Thông ,Hướng dẫn thực hành Excel, NXB Thống Kê.

[3]. Misty E. Vermaat (2013), Microsoft Office 2013: Introductory , Cengage Learning.

[4] Giáo trình Tự học Microsoft Excel, NXB Giao Thông Vận Tải, 2007.

- Khác

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp: lý thuyết* trên 70%, thực hành bắt buộc 100%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: không*

3. Báo cáo thực hành

- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Chương 1: Tổng quan về Microsoft Word	1	1		2	
2	Chương 2: Các kỹ thuật ứng dụng soạn thảo văn bản trong	7	1	12	14	
3	Chương 3 : Tổng quan về Microsoft Excel	1	1		2	
4	Chương 4: Một số kỹ thuật ứng dụng trong việc báo cáo	7	1	12	14	

5	Chương 5: Tổng quan về Microsoft Powerpoint	3	1	4	6	
6	Chương 6: Các hiệu ứng và Phong cách trình chiếu	5	1	8	10	
7	Chương 7 : Tổng quan về sử dụng Internet	2	2		4	
8	Chương 8: Các hệ Cơ sở dữ liệu	6	2	8	12	
9	Chương 9: Phân tích và thiết kế cơ sở dữ liệu bằng công cụ	7	3	8	14	
10	Chương 10: Thiết kế màn hình giao diện	6	2	8	12	
	TỔNG CỘNG :	**45**	**15**	**60**	**90**	

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN VỀ MICROSOFT WORD

1.1 Giới thiệu tổng quan
- 1.1.1 Môi trường làm việc
- 1.1.2 Khởi động ứng dụng
- 1.1.3 Soạn thảo văn bản
- 1.1.4 Lưu trữ văn bản
- 1.1.5 Thoát khỏi ứng dụng

1.2 Các thao tác cơ bản trong soạn thảo văn bản

1.3 Cách thể hiện dấu cho một văn bản tiếng Việt

1.4 Các định dạng
- 1.4.1 Font
- 1.4.2 Paragraph - Các thao tác trên khối văn bản
- 1.4.3 Bullets and Numbering – Đánh dấu đầu dòng
- 1.4.4 Borders and Shading
- 1.4.5 Column
- 1.4.6 Tab
- 1.4.7 Drop Cap
- 1.4.8 Text Direction

1.5 Chèn các đối tượng vào văn bản
- 1.5.1 Nền cho văn bản
- 1.5.2 Hình ảnh
- 1.5.3 Ký tự đặc biệt
- 1.5.4 Công thức toán học
- 1.5.5 Các siêu liên kết

1.5.6 Các ghi chú, chú thích
1.5.7 Tiêu đề đầu / cuối trang
1.6 Bảng biểu và các thao tác cơ bản
1.7 Định dạng trang in
1.8 Ứng dụng đồ hoạ : Drawing - WordAct – Autoshape

CHƯƠNG 2 : CÁC KỸ THUẬT ỨNG DỤNG CHO VĂN BẢN TRONG KINH DOANH

2.1 Thiết kế một thư quảng cáo (Mail Merge)
2.2 Thiết kế một văn bản báo cáo (Trình bày báo cáo tốt nghiệp)
2.3 Thiết lập mục lục tự động
2.4 Thiết lập header/ footer cho từng chương trong một tập tin văn bản

CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN VỀ MICROSOFT EXCEL

3.1 Một số thao tác cơ bản
3.2 Các hàm trong Excel
3.3 Trích lọc. thống kê, tổng hợp số liệu

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ KỸ THUẬT ỨNG DỤNG TRONG VIỆC BÁO CÁO

4.1 Sử dụng Pivot Table để lập báo cáo
4.2 Sử dụng Solver : Tìm phương án tối ưu
4.3 Hàm mục tiêu Goal Seek
4.4 Tạo hoặc xoá một file cube ngoại tuyến từ một cơ sở dữ liệu server OLAP
4.5 Sử dụng biểu đồ để báo cáo.
4.6 Kết chuyển kết quả báo cáo dạng Word và Excel

CHƯƠNG 5: TỔNG QUAN VỀ MICROSOFT POWERPOINT

5.1 Khởi động
5.2 Thiết kế Slide
5.3 Các thao tác cơ bản khi thiết kế Slide
5.4 Trình chiếu
5.5 Lưu trữ
5.6 Thoát khỏi ứng dụng

CHƯƠNG 6: CÁC HIỆU ỨNG VÀ PHONG CÁCH TRÌNH CHIẾU

6.1 hiệu ứng
6.1.1 Hiệu ứng cho từng thành phần
6.1.2 Hiệu ứng trên từng Slide

6.1.3 Thiết lập thời gian trình chiếu tự động
6.1.4 Thiết lập các nút lệnh điều khiển
6.2 Phong cách trình chiếu
6.2.1 Báo cáo Seminar chuyên đề
6.2.2 Báo cáo hội thảo
6.2.3 Hội chợ - Quảng cáo

CHƯƠNG 7: TỔNG QUAN VÀ SỬ DỤNG INTERNET

7.1 Các dịch vụ Internet
7.2 Tìm kiếm thông tin trên Internet
7.3 Download và lưu trữ các trang Web

CHƯƠNG 8: CÁC HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

8.1 Microsoft Access
8.2 SQL
8.3 Oracle

CHƯƠNG 9: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU BẰNG CÔNG CỤ ACCESS

9.1Phân tích CSDL
9.2Table / Relationship
9.3Query

CHƯƠNG 10: THIẾT KẾ MÀN HÌNH GIAO DIỆN

1. Tên học phần: **KINH TẾ VI MÔ**

2. Mã học phần **3107081004**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. **Trình độ** Dành cho sinh viên năm thứ 1

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm: 0 tiết
- Thực hành: 0 tiết
- Tự học: 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nâng cao kiến thức cơ bản về kinh tế và hiểu biết và nắm bắt các quy luật kinh doanh trên thị trường.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh doanh cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

[1] PGS.TS. Lê Thế Giới (chủ biên), *Kinh tế vi mô*, NXB Lao Động - Xã Hội, 2014.

- Tài liệu tham khảo :

[1] PGS.TS. Đinh Phi Hổ, Kinh tế vi mô: *Căn bản và Nâng cao*, NXB Tài Chính, 2013.

[2] PGS TS Nguyễn Văn Dần & ThS Nguyễn Hồng Nhung, *Giáo trình Kinh tế vi mô*, NXB tài Chính, 2014.

[3] David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch. *Kinh tế học*, Tái bản lần thứ tám của Nhà xuất bản Mc Graw Hill, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Thống kê, năm 2009.

[4] Jack Hirshleifer và Amihai Glazer, *Lý thuyết giá cả và sự vận dụng*, Tái bản lần thứ năm, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, năm 1996.

[5] N. Gregory Mankiw, *Nguyên lý Kinh tế học tập II* , bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Thống kê, năm 2003.

[6] Paul A Samuelson và William D. Nordhalls, *Kinh tế học tập 1*, tái bản lần thứ nhất, bản dịch của nhà xuất bản Thống kê, năm 2002.

[7] Robert S.Pindyck và Daniel L. Rubinfeld, *Kinh tế vi mô*, Tái bản lần thứ ba, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Thống kê, năm 1999.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* Có
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Khái quát về kinh tế học	3	3		6	

2	Cung cầu hàng hoá và giá cả thị trường	6	6		12	
3	Hành vi của người tiêu dùng	4	4		8	
4	Hành vi của doanh nghiệp	9	9		18	
5	Hành vi của DN trong các loại thị trường	8	8		16	
6	Thị trường độc quyền hoàn toàn	3	3		6	
7	Thị trường cạnh tranh không hoàn toàn	6	6		12	
8	Thị trường các yếu tố sản xuất	6	6		12	
	TỔNG CỘNG	**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC - CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Khoa học kinh tế và các khái niệm cơ bản

1.1.1 Kinh tế học là gì?

1.1.2 Sự khan hiếm

1.1.3 Khái niệm về kinh tế học.

1.1.4 Phương pháp nghiên cứu học phần

1.1.5 Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô

1.1.6 Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc

1.2 Khái quát về tổ chức của một nền kinh tế

1.2.1 Các khái niệm thị trường

1.3 Các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp

1.4 Các mô hình kinh tế

1.4.1 Mô hình kinh tế truyền thống

1.4.2 Mô hình kinh tế hàng hóa tập trung

1.4.3 Mô hình kinh tế thị trường tự do

1.4.4 Mô hình kinh tế hỗn hợp

CHƯƠNG 2 : CUNG CẦU HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

2.1 Sự vận hành của thị trường

2.1.1 Cầu hàng hóa

2.1.2 Cung hàng hóa

2.1.3 Trạng thái cân bằng trên thị trường

2.1.4 Sự thay đổi trạng thái cân bằng trên thị trường

2.1.5 Hệ số co giãn của cung và cầu

2.2 Sự can thiệp của nhà nước vào giá cả thị trường

2.2.1 Can thiệp gián tiếp

2.2.2 Can thiệp trực tiếp

CHƯƠNG 3: HÀNH VI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

3.1 Giải thích cân bằng tiêu dùng bằng thuyết hữu dụng

3.1.1 Thuyết hữu dụng

3.1.2 Cân bằng tiêu dùng

3.1.3 Giải thích sự hình thành đường cầu bằng thuyết hữu dụng và cân bằng tiêu dùng.

3.2 Giải thích cân bằng tiêu dùng bằng đồ thị

3.2.1 Sở thích của người tiêu dùng

3.2.2 Đường ngân sách

3.2.3 Sự lựa chọn của người tiêu dùng

3.2.4 Giải thích sự hình thành đường cầu bằng đồ thị

3.2.5 Đường tiêu dùng theo giá cả và đường tiêu dùng theo thu nhập

3.2.6 Đường tiêu dùng theo giá cả và đường tiêu dùng theo thu nhập

CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP

4.1 Lý thuyết Về Sản Xuất

4.1.1 Một số khái niệm

4.1.2 Hàm sản xuất trong ngắn hạn Q = f(L)

4.1.3 Hàm sản xuất trong dài hạn Q = f (K,L,…)

4.1.4 Đường mở rộng sản xuất của xí nghiệp

4.1.5 Năng suất theo quy mô

4.2 Lý thuyết về chi phí.

4.2.1 Khái niệm về chi phí sản xuất và chi phí kế toán

4.2.2 Các hàm chi phí sản xuất trong ngắn hạn

4.2.3 Các hàm chi phí sản xuất trong dài hạn

4.2.4 Tính kinh tế theo quy mô và tính phi kinh tế theo quy mô

CHƯƠNG 5: THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN TOÀN

5.1 Một số vấn đề cơ bản

5.1.1 Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn toàn

5.1.2 Xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn

5.2 Phân tích các đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn toàn

5.3 Hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn toàn.

CHƯƠNG 6: THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN HOÀN TOÀN

6.1 Một số vấn đề cơ bản

6.1.1 Đặc điểm của thị trường độc quyền hoàn toàn

6.1.2 Đặc điểm của xí nghiệp độc quyền hoàn toàn

6.2 Chiến lược giá trong xí nghiệp độc quyền

6.2.1 Phân biệt giá cấp 1

6.2.2 Phân biệt giá cấp 2

6.2.3 Phân biệt giá cấp 3

6.2.4 Phân biệt giá theo thời điểm và định giá lúc cao điểm

6.2.5 Định giá hai phần

6.2.6 Giá gộp

6.2.7 Giá ràng buộc

6.3 Sự can thiệp của nhà nước khi có độc quyền

CHƯƠNG 7: THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN TOÀN

7.1 Thị trường độc quyền hoàn toàn

7.1.1 Đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền

7.1.2 Tính hiệu quả trong thị trương cạnh tranh độc quyền

7.2 Thị trường độc quyền nhóm.

7.2.1 Đặc điểm của thị trường độc quyền nhóm

7.2.2 Cạnh tranh về giá trong độc quyền nhóm.

CHƯƠNG 8 THỊ TRƯỜNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT

8.1 Thị trường lao động

8.1.1 Cầu về lao động

8.1.2 Cung về lao động

8.1.3 Cân bằng trên thị trường lao động của một doanh nghiệp

8.1.4 Tính hiệu quả trong thị trường cạnh tranh độc quyền

8.2 Thị trường vốn và đất đai

8.2.1 Một số khái niệm

8.2.2 Cầu về vốn

8.2.3 Cung về vốn

8.2.4 Cân bằng trên thị trường vốn

1. Tên học phần **LUẬT KINH DOANH**

2. Mã học phần **3107081001**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm: 0 tiết
- Thực hành: 0 tiết
- Tự học: 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Pháp luật Việt Nam đại cương (a)

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về luật kinh doanh nhằm giải quyết các tình huống trong cuộc sống hằng ngày liên quan đến luật kinh doanh.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần luật kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về luật kinh doanh như: các hình thức doanh nghiệp, hợp đồng, giải quyết tranh chấp về kinh tế, phá sản doanh nghiệp.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1]. Tập thể giáo viên khoa Quản trị kinh doanh, Giáo trình Luật kinh doanh, Lưu hành nội bộ, 2007.

- Tài liệu tham khảo

[1] Giáo trình Luật kinh doanh, Nhà xuất bản thống kê.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* Có
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Một số vấn đề lý luận về luật kinh doanh	2	2		4	
2	Các hình thức doanh nghiệp	3	3		6	
3	Hợp đồng thương mại	13	13		26	
4	Phá sản doanh nghiệp	13	13		26	
5	Giải quyết tranh chấp trong thương mại	14	14		28	
Tổng		**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ LUẬT KINH DOANH

BÀI 1:

1. Khái niệm luật kinh doanh

1.1 Khái niệm luật kinh doanh theo nghĩa rộng

1.2 Khái niệm luật kinh doanh theo nghĩa hẹp

2 Đối tượng điều chỉnh của luật kinh doanh

3 Phương pháp điều chỉnh của luật kinh doanh

3.1 Phương pháp bình đẳng-tự nguyện

3.2 Phương pháp quyền uy- phục tùng
4 Chủ thể của luật kinh doanh
4.1 Điều kiện để tổ chức trở thành chủ thể chủ luật kinh doanh
4.2 Điều kiện để cá nhân trở thành chủ thể của luật kinh doanh
5. Cơ cấu của luật kinh doanh
6. Nguồn của luật kinh doanh

CHƯƠNG 2: HÌNH THỨC DOANH NGHIỆP
BÀI 2 : MỘT SỐ QUI ĐINH CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Khái niệm doanh nghiệp
2. Quyền và nghĩa vụ chung của doanh nghiệp
2.1. Quyền của doanh nghiệp
2.2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp
3. Những qui định chung về tổ chức lại doanh nghiệp
3.1. Chia doanh nghiệp
3.2. Tách doanh nghiệp
3.3. Hợp nhất doanh nghiệp
3.4. Sáp nhập doanh nghiệp
3.5. Chuyển đổi doanh nghiệp
4. Những quy định chung về giải thể và phá sản doanh nghiệp
4.1. Giải thể doanh nghiệp
4.2. Phá sản doanh nghiệp

BÀI 3: DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
1. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp nhà nước
1.1. Khái niệm doanh nghiệp nhà nước
1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp nhà nước
2. Phân loại doanh nghiệp nhà nước
3. Cách thành lập doanh nghiệp nhà nước
4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp nhà nước
5. Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp nhà nước
5.1. Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp nhà nước có hội đồng quản trị
5.2. Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp nhà nước không có hội đồng quản trị

BÀI 4: HỢP TÁC XÃ

1. Khái niệm và đặc điểm của hợp tác xã
1.1. Khái niệm
1.2. Đặc điểm
2. Những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã
3. Thủ tục thành lập hợp tác xã
4. Cơ cấu tổ chức hợp tác xã

Bài 5: CÁC LOẠI HÌNH CÔNG TY

1. Một số nhận thức cơ bản về công ty
1.1. Khái niệm chung về công ty
1.2. Sự ra đời và phát triển của công ty kinh doanh
1.3. Các loại hình công ty trên thế giới
2. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
2.1. Khái niệm và đặc điểm CTTNHH hai thành viên trở lên
2.2.1. Khái niệm
2.2.2. Đặc điểm
2.2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty
2.3. Cơ cấu tổ chức của CTTNHH hai thành viên trở lên
2.4. Mua lại và chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên công ty
2.5. Việc thực hiện góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần góp vốn
2.6. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận
3 Công ty cổ phần
3.1 Khái niệm và đặc điểm của công ty cổ phần
3.2 Cổ phần, cổ phiếu
3.3 Cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần
3.3.1 Đại hội đồng cổ đông
3.3.2 Hội đồng quản trị
3.3.3 Giám đốc (tổng giám đốc) công ty
3.3.4 Ban kiểm soát
4 Công ty hợp danh
4.1 Khái niệm đặc diểm
4.2 Cơ cấu tổ chức
5 Công ty trách nhiệm một thành viên

4.1 Khái niệm và đặc điểm
4.2 Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu
4.3 Một số giới hạn đối với quyền của chủ sở hữu
4.4 Cơ cấu tổ chức

BÀI 6: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

1 Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân
2 Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp tư nhân

BÀI 7: DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

1 Nội dung cơ bản của luật đầu tư
2 Các loại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
2.1 Doanh nghiệp liên doanh
2.2 Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

CHƯƠNG 3 : HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

BÀI 8: HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

1 Khái niệm và đặc điểm
2 So sánh hợp đồng thương mại với hợp đồng dân sự
3 Ký kết hợp đồng thương mại
3.1 Nguyên tắc ký kết hợp đồng
3.2 Các cách ký kết hợp đồng
3.3 Nội dung của hợp đồng
4 Thực hiện hợp đồng
4.1 Nguyên tắc thực hiện hợp đồng
4.2 Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng
5 Hậu quả pháp lý do vi phạm hợp đồng kinh tế
5.1 Hậu quả pháp lý
5.2 Trách nhiệm tài sản trong hợp đồng thương mại phát sinh khi có các điều kiện sau đây

CHƯƠNG 4: PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

1 Khái niệm phá sản doanh nghiệp

2 Những nội dung cơ bản của luật phá sản doanh nghiệp
2.1 Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của luật phá sản.
2.2 Các cơ quan có thẩm quyền tham gia vào quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp.
2.3 Những đối tượng có quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp.
2.4 Tổ quản lý tài sản.
2.5 Hội nghị chủ nợ.
2.6 Quyền, nghĩa vụ của chủ nợ và doanh nghiệp mắc nợ trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản.
2.7 Hòa giải và giải pháp tổ chức lại hoạt động khinh doanh của doanh nghiệp.
2.7.1 Tuyên bố phá sản và phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp.
2.7.2 Thi hành quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG 5: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG THƯƠNG MẠI

1. Khái quát về tranh chấp thương mại và phương thức giải quyết thương mại
2. Thương lượng và hòa giải.
3. Trọng tài thương mại
4. Toà án

1. Tên học phần : KỸ NĂNG GIAO TIẾP

2. Mã học phần : 3107081002

3. Số tín chỉ : 3 (3,0,6)

4. Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 1

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết : không

7. Mục tiêu của học phần

Nhận diện được các nguyên lý giao tiếp trong cuộc sống và trong công việc, các kênh giao tiếp, đặt câu hỏi – lắng nghe – phản hồi hiệu quả. Đánh giá được các yếu tố tâm lý, văn hóa chi phối đến tiến trình giao tiếp hiệu quả. Áp dụng kỹ năng giao tiếp trong khi làm việc với đồng nghiệp và khách hàng. Ứng dụng kỹ năng thương lượng và giải quyết xung đột trong đời sống và trong công việc. Thực hiện các kỹ năng thuyết trình, báo cáo trong công việc.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn học Kỹ năng giao tiếp cung cấp những kiến thức nền tảng về kỹ năng giao tiếp, đặc biệt giao tiếp trong công sở (Communication for Business). Kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản cần lưu ý trong giao tiếp hiệu quả; lý giải những yếu tố chi phối đến quá trình giao tiếp dưới góc nhìn truyền thông học, tâm lý học, xã hội học, văn hóa học. Môn học cũng giới thiệu khía cạnh giao tiếp cụ thể trong doanh nghiệp thông qua việc ứng dụng lý thuyết giao tiếp vào những bối cảnh và công việc cụ thể như giao tiếp nội bộ và bên ngoài, giao tiếp với những người đến từ nền văn hóa khác trong bối cảnh toàn cầu hóa, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thương lượng, giải quyết xung đột.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*

- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10.Tài liệu học tập

- ***Sách, giáo trình chính***:

[1] Trịnh Quốc Trung, Giáo trình Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động Xã hội, 2012.

- ***Tài liệu tham khảo :***

[1] Allan & Barbara Pease 2009, Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Business Edge 2006, Giao tiếp trong quản lý, tái bản lần thứ nhất, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Business Edge 2006, Quản lý các mối quan hệ, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Courtland L. Bovee and John V. Thill 2009, Business Communication Today, 10th Ed., Prentice Hall, Upper Saddle River, N.J.

[5] Harvard 2003, Giao tiếp thương mại (Business Communication), Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Marilyn L. Satterwhite, Judith Olson-Sutton 2003, Business communication at work, 2nd ed, McGraw-Hill/Irwin, Boston.

[7] Nguyễn Thị Oanh 1995, Tâm lý truyền thông và giao tiếp, Đại học Mở - Bán công TP Hồ Chí Minh

[8] Raymond V. Lesokar, Marie E. Flatley 2002, Basic business communication: skills for empowering the internet generation, 9th ed, McGraw-Hill/Irwin, Boston

[9] Sue Smithson 1993, Business communication today : a guide to effective communication techniques, Cambridge

[10] Steve Duck and David T. McMahan 2012, The basic of communication – A relational Perspective, 2nd Edition, SAGE Publications, Canada

[11] TS Hà Nam Khánh Giao, Phạm Thị Trúc Ly, Nguyễn Thị Quỳnh Giang, Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động Xã hội, 2012.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: không*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần.*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần.

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Quá trình giao tiếp	2	2		4	
2	Những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp	3	3		6	
3	Nhận diện bản thân trong giao tiếp	3	3		6	
4	Các kỹ năng giao tiếp cơ bản	4	4		8	
5	Kỹ năng tiếp khách	3	3		6	
6	Giao tiếp trong bối cảnh toàn cầu hóa	6	6		12	
7	Quản lý xung đột	6	6		12	
8	Kỹ năng thuyết trình	6	6		12	
9	Kỹ năng thuyết trình (tt)	6	6		12	
10	Kỹ năng thuyết trình (tt)	6	6		12	
Tổng		**45**	**45**		**90**	

Tuần/Buổi	Tựa đề bài giảng	Tài liệu bắt buộc /tham khảo	Công việc sinh viên phải hoàn thành
1	Giới thiệu mục đích yêu cầu, đề cương môn học CHƯƠNG 1 – NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN Bài 1 – Quá trình giao tiếp ▪ Giao tiếp là gì? ▪ Lợi ích của giao tiếp hiệu quả ▪ Sơ đồ giao tiếp ▪ Việc gởi, nhận thông điệp và nhiễu trong giao tiếp ▪ Các nguyên tắc giao tiếp	[1, 9-13], [3], [6]	Chia nhóm
2	Bài 2 – Những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp ▪ Nhận thức đối tượng giao tiếp ▪ Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp ▪ Các yếu tố tâm lý cá nhân trong giao tiếp	[1, 14-22],	Họp nhóm phân công công việc
3	Bài 3 – Nhận diện bản thân trong giao tiếp ▪ Khái niệm bản thân (KNBT) là gì? ▪ Quá trình hình thành và thay đổi KNBT ▪ Khái niệm bản thân và giao tiếp	[1, 23-33], [8] [11, 101-132]	
4	Bài 4 – Các kỹ năng giao tiếp cơ bản ▪ Kênh giao tiếp: Ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	[1, 34-35], [2], [11, 23-76]	
5	Bài 4 – Các kỹ năng giao tiếp cơ bản (tiếp theo) ▪ Kỹ năng đặt câu hỏi ▪ Kỹ năng lắng nghe ▪ Kỹ năng phản hồi	[1, 35-41], [11, 77-100]	
CHƯƠNG 2 – GIAO TIẾP NƠI CÔNG SỞ			

6	Bài 5 - Kỹ năng tiếp khách ▪ Giao tiếp nội bộ – Tầm quan trọng của giao tiếp nội bộ hiệu quả – Nhóm chính thức và nhóm không chính thức – Văn hóa công ty – Giao tiếp cấp trên – cấp dưới – Giao tiếp đồng nghiệp ▪ Tiếp khách hiệu quả –Khái niệm khách hàng –Tầm quan trọng của việc tiếp khách –Nguyên tắc cơ bản –Tổ chức tiếp khách –Ứng xử khi gặp khách hàng giận dữ	[1, 42-50]	- SV chuẩn bị kịch bản tình huống và trao đổi với giảng viên
7	Bài 6 - Giao tiếp trong bối cảnh toàn cầu hóa ▪ Kinh doanh toàn cầu – bối cảnh ▪ Vai trò của giao tiếp trong môi trường kinh doanh toàn cầu ▪ Văn hóa và dị biệt văn hóa ▪ Những lời khuyên khi giao tiếp với những đối tác thuộc nền văn hóa khác	[1, 51-60] [11, 189-212]	
8	Bài 7 – Quản lý xung đột ▪ Nhận diện xung đột –Khái niệm xung đột –Lợi ích và tác hại của xung đột –Các nguyên nhân và dấu hiệu –Các kiểu hành vi trong xung đột –Các giai đoạn của xung đột	[1, 61-69], [4]	- Kiểm tra 2 (60 phút) - Sau đó lớp tiếp tục học
9	Bài 7 – Quản lý xung đột (tt) ▪ Quản lý xung đột –Phân biệt "đáp ứng xung đột" & "giải quyết xung đột" –Một số phương pháp xử lý xung đột –Sáu bước quản lý xung đột	[1, 69-76], [4]	
10	Đóng vai tình huống	1. Kiểm tra 3 2. SV thông báo và trao đổi với giảng viên về tên đề tài thi	

		cuối kỳ	
11	Bài 8 – Kỹ năng thuyết trình ▪ Những loại hình thuyết trình ▪ Quy trình TOPP	[1, 77-82] [11,265-366]	
12	Bài 8 – Kỹ năng thuyết trình (tt) ▪ Lựa chọn cách thức thuyết trình ▪ Phi ngôn ngữ trong thuyết trình ▪ Quản lý thời gian, không gian, công cụ hỗ trợ	[1, 82-84] [11,265-366]	
13	Bài 8 – Kỹ năng thuyết trình (tt) ▪ Quan sát phản ứng cử tọa ▪ Xử lý câu hỏi và tình huống rủi ro trong thuyết trình ▪ Thuyết trình theo nhóm	[1, 82-84] [11,265-366]	
14	Thi cuối kỳ		Thuyết trình nhóm tại lớp
15	Thi cuối kỳ		Thuyết trình nhóm tại lớp

1. Tên học phần : GIAO TIẾP KINH DOANH

2. Mã học phần : 3107081003

3. Số tín chỉ : 3 (3,0,6)

4. Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết : không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng áp dụng các kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong hoạt động kinh doanh

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giao tiếp như: Khái niệm về giao tiếp, phương pháp giao tiếp, kỹ năng giao tiếp chung, giao tiếp cụ thể, cũng như nghệ thuật thương lượng đối với khách hàng cũng như đối với các đối tượng khác.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

[1] Trịnh Quốc Trung, Giáo trình Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động Xã hội, 2012.

- Tài liệu tham khảo :

[1] Allan & Barbara Pease 2009, Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Business Edge 2006, Giao tiếp trong quản lý, tái bản lần thứ nhất, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Business Edge 2006, Quản lý các mối quan hệ, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Courtland L. Bovee and John V. Thill 2009, Business Communication Today, 10th Ed., Prentice Hall, Upper Saddle River, N.J.

[5] Harvard 2003, Giao tiếp thương mại (Business Communication), Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Marilyn L. Satterwhite, Judith Olson-Sutton 2003, Business communication at work, 2nd ed, McGraw-Hill/Irwin, Boston.

[7] Nguyễn Thị Oanh 1995, Tâm lý truyền thông và giao tiếp, Đại học Mở - Bán công TP Hồ Chí Minh

[8] Raymond V. Lesokar, Marie E. Flatley 2002, Basic business communication: skills for empowering the internet generation, 9th ed, McGraw-Hill/Irwin, Boston

[9] Sue Smithson 1993, Business communication today : a guide to effective communication techniques, Cambridge

[10] Steve Duck and David T. McMahan 2012, The basic of communication – A relational Perspective, 2nd Edition, SAGE Publications, Canada

[11] TS Hà Nam Khánh Giao, Phạm Thị Trúc Ly, Nguyễn Thị Quỳnh Giang, Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động Xã hội, 2012.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: không*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần.*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần.

TT	Nội dung	Số	Phân bố thời gian	Ghi

		tiết	Lí thuyết	Thực hành	Tự học	chú
1	Khái quát về giao tiếp	2	2		4	
2	Cấu trúc của hoạt động giao tiếp	3	3		6	
3	Cơ sở tâm lý xã hội của hành vi giao tiếp	3	3		6	
4	Các kỹ năng giao tiếp	4	4		8	
5	Giao tiếp trong môi trường công ty	3	3		6	
6	Khái quát về thương lượng	6	6		12	
7	Tiến trình thương lượng	6	6		12	
8	Phân tích giá cả trong thương lượng	6	6		12	
9	Kỹ thuật đột phá thế găng	6	6		12	
10	Bán hàng lẻ – những cuộc thương lượng nhỏ	6	6		12	
Tổng		**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIAO TIẾP

1.1 Khái Niệm Và Đặc Điểm Của Giao Tiếp

1.1.1 Khái niệm

1.1.2 Đặc tính của giao tiếp trong kinh doanh

1.1.2.1 Hoạt động kinh doanh là một hoạt động giao tiếp hết sức phức tạp

1.1.2.2 Giao tiếp trong kinh doanh luôn gấp rút về mặt thời gian

1.1.2.3 Kinh doanh là hoạt động thường có thể gặp những rủi ro

1.1.2.4 Giao tiếp kinh doanh yêu cầu phải đảm bảo hai bên cùng có lợi

1.1.2.5 Giao tiếp kinh doanh vừa là một khoa học nhung vừa là một nghệ thuật

1.2 Chức năng của giao tiếp

1.2.1 Chức năng thuần tuý của XH

1.2.1.1 Chức năng thông tin, tổ chức.

1.2.1.2 Chức năng điều khiển

1.2.1.3 Chức năng phối hợp hàng động

1.2.1.4 Chức năng động viên kích thích
1.2.2 Chức năng tâm lí XH.
1.2.2.1 Chức năng tạo mối quan hệ
1.2.2.2 Chức năng cân bằng cảm xúc
1.2.2.3 Chức năng phát triển nhân cách
1.3 Các loại hình giao tiếp cơ bản
1.3.1 Dựa vào nội dung tâm lí của giao tiếp
1.3.2 Dựa vào đối tượng hoạt động giao tiếp
1.3.3 Dựa vào tính chất tiếp xúc
1.3.4 Dựa vào hình thức của giao tiếp
1.3.5 Dựa vào thế tâm ly giữa hai bên trong giao tiếp
1.3.6 Dựa vào thái độvà sách lược giao tiếp

CHƯƠNG 2 CẤU TRÚC CỦA HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP

2.1 Truyền thông trong giao tiếp
2.1.1 Quá trình truyền thông giữa các cá nhân
2.1.1.1 Mô hình truyền thông
2.1.1.2 Hoàn thiện quá trình truyền thông giữa các cá nhân
2.1.2 Truyền thông trong tổ chức
2.1.2.1 Khái niệm về tổ chức
2.1.2.2 Mạng thông tin
2.1.2.3 Luồng thông tin
2.1.2.4 Hoàn thiện truyền thông trong tổ chức
2.1.3 Các phương tiện giao tiếp
2.1.3.1 Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ
2.1.3.2 Phương tiện gioa tiếp phi ngôn ngữ
2.2 Giao Tiếp Là Quá Trình Nhận Thức Lẫn Nhau
2.2.1 Nhận thức người khác
2.2.2 Sự nhận thức về bản thân
2.2.3 Cửa sổ Johari và mối quan hệ giữa nhận thức và tự nhận thức
2.3 Giao Tiếp Là Quá Trình Tác Động Qua Lại, Anh Hưởng Lẫn nhau.
2.3.1 Sự lây lan tâm lý
2.3.2 Am thị trong giao tiếp
2.3.3 Hiện tượng áp lực nhóm

2.3.4 Bắt chước
2.3.5 Thuyết phục

CHƯƠNG 3 : CƠ SỞ TÂM LÍ XÃ HỘI CỦA HÀNH VI GIAO TIẾP

3.1 Các Yếu Tố Tâm Lý
3.1.1 Động cơ hành động
3.1.1.1 Khái niệm về động cơ và nhu cầu
3.1.1.2 Các lý thuyết về động cơ
3.1.2 Vô thức và cơ chế tự vệ.
3.1.2.1 Vô thức
3.1.2.2 Các cơ chế tự vệ
3.1.3 Thế giới quan
3.1.4 Cảm xúc-tình cảm
3.1.5 Tính cách
3.1.6 Khí chất
3.2 Các Yếu Tố Văn Hoá
3.2.1 Nền văn hoá
3.2.2 Nhánh văn hoá
3.3 các yếu tố xã hội
3.3.1 Các nhóm xã hội
3.3.2 Gia đình
3.3.3 Vai trò, vị trí XH
3.3.4 Hệ gía trị và chuẩn mực hành vi

CHƯƠNG 4 : CÁC KĨ NĂNG GIAO TIẾP

4.1 Kĩ Năng Lắng Nghe
4.1.1 Tại sao phải lắng nghe.
4.1.2 Những trở ngại nào ngăn cản việc lắng nghe có hiệu quả
4.1.2.1 Tốc độ suy nghĩ
4.1.2.2 Sự phức tạp của vấn đề
4.1.2.3 Do không được tập luyện
4.1.2.4 Thiếu sự quan tâm và sự kiên nhẫn
4.1.2.5 Thiếu sự quan sát bằng mắt
4.1.2.6 Những thành kiến tiêu cực

4.1.2.7 Uy tín của người nói
4.1.2.8 Do những thói quen xấu khi lắng nghe.
4.1.3 Lắng nghe có hiệu quả
4.1.3.1 Kĩ năng biểu lộ sự quan tâm
4.1.3.2 Kĩ năng gợi mở
4.1.3.3 Kĩ năng phản ánh
4.2 Kĩ Năng Đặt Câu Hỏi
4.2.1 Dùngcâu hỏi để thu thập thông tin
4.2.1.1 Hãy làm cho việc cung cấp tin trở thành niềm vui đối với người khác
4.2.1.2 Hãy băt đầu bằng một câu hỏi dễ trả lời
4.2.1.3 Các loại câu hỏi
4.2.2 Dùng câu hỏi nhằm những mục đích khác.
4.3 Kĩ Năng Diễn Thuyết Và Báo Cáo Miệng
4.3.1 Diễn Thuyết
4.3.1.1 Sơ đồ về các bước tổ chức buổi nói chuyện
4.3.1.2 Nội dung các bước
4.3.2 Diễn Thuyết
4.3.2.1 Báo cáo miệng
4.3.2.2 Phát biểu tuỳ hứng
4.4 Kỹ năng giao dịch bằng thư tín
4.4.1 Một số vấn đề chung
4.4.2 Phân loại thu từ giao dịch và kết cấu của chúng
4.4.3 Các loại thư từ xã giao
4.5 Các kỹ năng xã giao thông thường
4.5.1 Những nguyên tắc chung của giao tiếp , xã giao
4.5.2 Các phép xã giao thông thường
4.5.3 Kỹ năng gây thiện cảm tronggiao tiếp

CHƯƠNG 5 GIAO TIẾP TRONGMÔI TRƯỜNG CÔNG TY

5.1 Giao tiếp nội bộ
5.1.1 Tổ chức các cuộc họp
5.1.2 Giao tiếp với cấp dưới
5.1.3 Giao tiếp với cấp trên
5.2 Giao tiếp với bên ngoài

5.2.1 Giao tiếp với khách hàng
5.2.2 Giao tiếp với nhà cung cấp
5.2.3 Giao tiếp với cơ quan chính quyền
5.2.4 Giao tiếp với báo chí
5.3 Phỏng vấn tuyển chọn
5.3.1 Các hình thức phỏng vấn
5.3.2 Tiến trình phỏng vấn
5.3.3 Một số chỉ dẫn cho ứng viên trước khi phỏng vấn

CHƯƠNG 6 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THƯƠNG LƯỢNG

6.1 Khái niệm thương lượng
6.2 Đặc điểm thương lượng trong kinh doanh
6.2.1 Đặc điểm thức nhất
6.2.2 Đặc điểm thứ hai
6.2.3 Đặc điểm thứ ba
6.2.4 Đặc điểm thứ bốn
6.2.5 Đặc điểm thứ năm
6.2.6 Đặc điểm thứ sáu
6.2.7 Đặc điểm thứ bảy
6.3 Một số ví dụ kinh điển về thương lượng
6.3.1 Làm sao chia một chiếc bánh
6.3.2 Chuyện về bán đảo Sinai
6.3.3 Chuyện về chiếc cửa sổ
6.4 Các kiểu thương lượng
6.4.1 Thươnglượngkiểu mềm
6.4.2 Thương lượng kiểu cứng
6.4.3 Thương lượng kiểu nguyên tắc

CHƯƠNG 7 TIẾN TRÌNH THƯƠNG LƯỢNG

7.1 Giai đoạn chuẩn bị
7.1.1 Tìm hiểu bản thân
7.1.2 Tìm hiểu đối tác
7.1.3 Tổ chức đội ngũ thương lượng
7.1.4 Lập mục tiêu, sách lược, kế hoạch thương lượng

7.1.5 Thương lượng thử
7.2 Giai đoạn tiếp xúc
7.2.1 Tạo không khí tiếp xúc
7.2.2 Thăm dò đối tác
7.2.3 Sửa đổi kế hoạc thương lượng
7.3 Giai đoạn thực chất
7.3.1 Đưa ra yêu cầu chính xác
7.3.2 Điền chỉnh yêu cầu
7.3.3 Đạt thành thỏa thuận và ký hợp đồng

CHƯƠNG 8 PHÂN TÍCH GIÁ CẢ TRONG THƯƠNG LƯỢNG

8.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả
8.1.1 Yêu cầu kỷ thuật
8.1.2 Thời hạn giao hàng
8.1.3 Kênh phân phối
8.1.4 Phương thức vận chuyển và bảo hiểm
8.1.5 Mức độ mới cũ của sản phẩm
8.1.6 Quan hệ giữa sản phẩm chủ yếu và các sản phẩm phụ trợ
8.1.7 Phương thức chi trả
8.2 Các phương pháp đặt giá
8.2.1 Định giá bằng các cộng chi phí hoặc theo lợi nhuận mục tiêu
8.2.2 Đặt giá theo tập quán tiêu dùng
8.2.3 Định giá dựa vào cạnh tranh
8.2.4 Đặt giá sản phẩm mới
8.2.5 Đặt giá phân biệt
8.2.6 Đặt giá tâm lý
8.3 Phương pháp điều chỉnh giá
8.3.1 Giảm giá
8.3.2 Tăng giá
8.4 Phân tích các mối quan hệ giá cả
8.4.1 Giả cả tích cực và giả cả tiêu cực
8.4.2 Giá cả thực tế và giá cả tươngđối
8.4.3 Giá cả cố định và giá cả trôi nổi
8.4.4 Giá cả tổng hợp và giá cả đơn hạng

CHƯƠNG 9 : KỸ THUẬT ĐỘT PHÁ THẾ GĂNG TRONG THƯƠNG LƯỢNG

9.1 Nguyên nhân hình thành thế găng
9.1.1 Tranh chấp lập trường
9.1.2 Một bên dùng thế mạnh cưỡng bức bên kia
9.1.3 Do không hiểu nhau
9.1.4 Tố chất nhân viên đàm phán
9.1.5 Khoản cách giữa lợi ích mà 2 bên đề ra quá lớn
9.2 Kỷ xảo đột phá thế găng
9.2.1 Tập trung vào lợi ích chứ không tập trung vào lập trường
9.2.2 Tạo ra các phương án để cùng đạt được mục đích
9.2.3 Hãy đưa ra những tiêu chuẩn khách quan
9.2.4 Ap dụng thuật nhu đạo
9.2.5 Thay thế nhân viên thương lượng
9.2.6 Đánh vào chủ chốt và nhân vật chủ chốt
9.2.7 Dưới búa lượm củi

CHƯƠNG 10 : BÁN HÀNG LẺ – NHỮNG CUỘC THƯƠNG LƯỢNG NHỎ

10.1 Điều kiện hóa tâm lý khách hàng
10.1.1 Vị trí và môi trường kinh doanh
10.1.2 Tạo sự hấp dẫn của cữa hàng
10.1.3 Tạo sự hấp dẫn của hàng hóa
10.2 Quá trình bán hàng và tác động tâm lý
10.2.1 Đánh thức sự chú ý của khách hàng
10.2.2 Đánh thức sự hứng thú của khách hàng
10.2.3 Gây ham muốn mua hàng
10.2.4 Dẫn khách hàng đến hành động mua hàng
10.3 Tâm lý khách hàng
10.3.1 Một số đặd điểm tâm lý chung của khách hàng
10.3.2 Tâm lý một số khách hàng thường gặp
10.4 Những yêu cầu cần thiết đối với người bán hàng
10.4.1 Yêu cầu về thể chất
10.4.2 Yêu cầu về khả năng nghề nghiệp
10.4.3 Yêu cầu về phẩm chất cá nhân

1. Tên học phần : LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

2. Mã học phần : 3107082008

3. Số tín chỉ : 3(3,0,6)

4. Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 1

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực hành phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết : Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng, kiến thức về Tài chính – Tiền tệ làm nền tảng cho việc nghiên cứu các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành và bổ trợ chuyên ngành.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như : chức năng tài chính- tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; Hoạt động của thị trường tài chính; Các tổ chức tài chính trung gian; Hoạt động khu vực tài chính nhà nước: ngân sách và chính sách tài khóa; Hoạt động của hệ thống ngân hàng (Ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán cho nền kinh tế.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10.Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

- [1] PGS. TS. Phan Thị Cúc , Th.S. Đoàn Văn Huy, *Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ*, NXB Thống kê, 2010.

- Tài liệu tham khảo:

- [2] PGS. TS Dương Thị Bình Minh, *Lý thuyết tài chính tiền tệ* , NXB Giáo dục, 1999.
- [3] TS Nguyễn Ngọc Hùng , *Lý thuyết tài chính tiền tệ*, NXB Thống Kê, 1998
- [4] TS Dương Đăng Chinh, *Lý thuyết tài chính*, NXB Tài Chính, 2000.
- [5] PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài**,** *Lý thuyết tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012.
- [6] PGS.TS. Lê Thị Mận**,** *Lý thuyết tài chính tiền tệ***,** NXB Lao Động - Xã Hội**,** 2014.

11.Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: không*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần.*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

12.Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần :

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Bản chất và chức năng của tiền tệ	6	6		12	
2	Tổng quan hệ thống tài chính	13	13		26	
3	Tổng quan về thị trường tài chính	13	13		26	
4	Những vấn đề cơ bản của tiền tệ	13	13		26	
Tổng		**45**	**45**		**90**	

Chương 1: BẢN CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA TIỀN TỆ

1.1 Bản chất của tiền tệ

1.1.1 Sự ra đời của tiền tệ

1.1.2 Bản chất của tiền tệ

1.2 - Chức năng của tiền tệ

1.2.1 Chức năng thước đo giá trị

1.2.2 Chức năng phương tiện lưu thông

1.2.3 Chức năng phương tiện dự trữ giá trị

1.2.4 Chức năng phương tiện thanh toán

1.2.5 Chức năng tiền tệ thế giới

1.3 Vai trò của tiền tệ

1.3.1 Là công cụ thực hiện yêu cầu hạch toán kinh tế

1.3.2 Là công cụ quản lý vĩ mô

1.4 Sự phát triển của các hình thái tiền tệ

1.5 Các chế độ tiền tệ

1.5.1 Chế độ song bản vị

1.5.2 Chế độ bản vị vàng

1.5.3 Chế độ tiền giấy

Chương 2: TỔNG QUAN HỆ THỐNG TÀI CHÍNH

2.1 Bản chất, chức năng của tài chính

2.1.1 Bản chất của tài chính

2.1.2 Chức năng của tài chính

2.2 Bản chất, chức năng của hệ thống tài chính

2.2.1 Bản chất của hệ thống tài chính

2.2.2 Chức năng của hệ thống tài chính

2.3 Các khâu của hệ thống tài chính

2.3.1 Tài chính ngân sách

2.3.2 Tài chính doanh nghiệp

2.3.3 Các trung gian tài chính

2.3.4 Tài chính hộ gia đình và các tổ chức xã hội

Chương 3: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

3.1 Những vấn đề chung về thị trường tài chính

3.1.1 Bản chất của thị trường tài chính

3.1.2 Chức năng của thị trường tài chính

3.1.3 Vai trò của thị trường tài chính

3.2 Phân loại thị trường tài chính

3.2.1 Theo tiêu thức thời hạn công cụ thị trường tài chính

3.2.2 Theo tiêu thức luân chuyển vốn

3.2.3 Theo tiêu thức tổ chức thị trường

3.3 Thị trường tiền tệ và thị trường vốn

3.3.1 Thị trường tiền tệ

3.3.2 Thị trường tiền vốn

3.4 Quá trình phát triển của thị trường tài chính Việt Nam

Chương 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TIỀN TỆ

4.1 Khái niệm chung và cầu tiền tệ

4.1.1 Khái niệm mức cung tiền tệ

4.1.2 Khái niệm mức cầu tiền tệ

4.2 Lạm phát tiền tệ

4.2.1 Khái niệm và các loại lạm phát

4.2.2 Nguyên nhân lạm phát

4.2.3 Hậu quả lạm phát

4.3 Bản chất, chức năng của ngân hàng trung ương (NHTW)

4.3.1 Bản chất của NHTW

4.3.2 Chức năng của NHTW

4.4 Vai trò của NHTW trong kiểm soát cung tiền tệ

4.4.1 Quá trình cung ứng tiền của hệ thống ngân hàng

4.4.2 Công cụ kiểm soát mức cung tiền

4.4.3 Vai trò kiểm soát mức cung tiền của NHTW

1. Tên học phần : MARKETING CĂN BẢN

2. Mã học phần : 3107082007

3. Số tín chỉ : 3 (3,0,6)

4. Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết.
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết.
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết : không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng hiểu được các khái niệm Marketing, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng của người tiêu dùng và doanh nghiệp trước các tác nhân kích thích của môi trường và Marketing, xây dựng hệ thống Marketing-mix (sản phẩm, giá, phân phối và chiêu thị).

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Am hiểu Marketing không những có lợi cho các doanh nghiệp mà còn có lợi cho cả người tiêu dùng (NTD). Người tiêu dùng am hiểu marketing sẽ có cách ứng xử khôn ngoan và đúng đắn hơn khi mua bán. Việc nắm vững, phân tích và đánh giá đúng được thị trường (cung - cầu) sẽ giúp các doanh nghiệp thành công trên thương trường.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

- [1] PGS TS.Nguyễn Minh Tuấn , *Giáo trình Marketing Căn bản*, NXB Lao Động 2012.

- Tài liệu tham khảo:

[1] GS.TS. Trần Minh Đạo, *Giáo trình Marketing Căn bản*, Nhà xuất bản Đại Học Kinh Tế Quốc Dân 2013.

[2]. TS. Nguyễn Văn Hùng, *Giáo trình Marketing Căn bản*, Nhà xuất bản Kinh Tế Tp. HCM 2013.

[3]. Philip Kotler, Gary Armstrong (2009), *Principles of Marketing* 13e., Prentice Hall.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* Có
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Nhập môn về Marketing	2	2		4	
2	Thị trường và hành vi người tiêu dùng	4	4		8	
3	Sản phẩm	6	6		12	
4	Giá	11	11		22	
5	Phân phối	11	11		22	
6	Chiêu thị	11	11		22	
Tổng		**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN MARKETING

1.1 Gới thiệu về cơ sở xã hội của Marketing

1.2 Một số khái niệm về Marketing

1.2.1 Nhu cầu

1.2.2 Mong muốn

1.2.3 Yêu cầu

1.2.4 Sản phẩm

1.2.5 Trao đổi

1.2.6 Thương vụ

1.2.7 Thị trường

1.2.8 Marketing

1.3 Nội dung cơ bản của Marketing

1.4 Môi trường Marketing

1.4.1 Khái niệm

1.4.2 Phân loại

1.5 Hệ thống thông tin Marketing

1.5.1 Khái niệm

1.5.2 Các hình thức

CHƯƠNG 2: THỊ TRƯỜNG VÀ HÀNH VI TIÊU DÙNG

2.1 Thị trường

2.1.1 Khái Niệm

2.1.2 Phân loại thị trường

2.2 Hành vi tiêu dùng trong thị trường hàng tiêu dùng (HTD)

2.2.1 Định nghĩa về thị trường HTD

2.2.2 Khái niệm về hành vi NTD

2.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi NTD

2.2.4 Qui trình quyết định mua hàng

2.3 Hành vi tiêu dùng trong thị trường sp công nghiệp

2.3.1 Khái niệm

2.3.2 Đặc điểm

2.4 Chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm

2.4.1 Phân khúc thị trường

2.4.2 Chọn thị trường mục tiêu

2.4.3 Định vị sản phẩm

CHƯƠNG 3: SẢN PHẨM

3.1 Sản phẩm là gì ?

3.1.1 Định nghĩa

3.1.2 Các thành phần của một sản phẩm

3.1.3 Phân loại sản phẩm

3.1.4 Chu kỳ sống của sản phẩm

3.2 Nhãn hiệu sản phẩm

3.2.1 Các khái niệm

3.2.2 Vai trò của nhãn hiệu

3.2.3 Ý nghĩa của nhãn hiệu

3.2.4 Những điều kiện để bảo hộ một nhãn hiệu

3.2.5 Những tiêu chí cần tuân thủ khi đặt tên nhãn hiệu.

3.2.6 Những đặc điểm trong việc đặt tên nhãn hiệu.

3.2.7 Chiến lược chọn lựa nhãn hiệu

3.2.8 Bao bì và cách đóng gói sản phẩm.

3.3 Hoạch định và phát triển sản phẩm mới

3.3.1 Định nghĩa.

3.3.2 Các bước trong quá trình đưa sản phẩm mới ra thị trường

3.4 Dịch vụ

3.4.1 Khái niệm

3.4.2 Các loại dịch vụ

CHƯƠNG 4: GIÁ CẢ

4.1 Những yếu tố ấn định giá cả.

4.1.1 Các yếu tố bên trong

4.1.2 Các yếu tố bên ngoài

4.1.2.1 Thị trường và lượng cầu

4.2 Định vị

4.2.1 Định giá bằng cách cộng lời vào chi phí

4.2.2 Định giá theo giá trị

4.2.3 Định giá dựa vào cạnh tranh

4.3 Những chiến lược ấn định giá .

4.3.1 Các chiến lược định giá cho sản phẩm mới

4.3.2 Các chiến lược định giá cho hỗn hợp Sp

4.4 Các chiến lược điều chỉnh giá

4.4.1 Định giá chiết khấu và bớt giá

4.4.2 Định giá theo tâm lý

4.4.3 Định giá để quảng cáo

4.4.4 Định giá theo vùng địa lý

4.4.5 Định giá phân biệt

4.5 Điều chỉnh giá

4.5.1 Chủ động giảm giá

4.5.2 Chủ động tăng giá

4.5.3 Phản ứng của người tiêu dùng

4.5.4 Phản ứng của đối thủ cạnh tranh

CHƯƠNG 5: PHÂN PHỐI

6.1 Phân phối là gì ?

6.2 Bản chất của các kênh phân phối

6.2.1 Kênh phân phối là gì?

6.2.2 Tại sao cần những nhà phân phối trung gian?

6.2.3 Các chức năng kênh phân phối

6.3 Xác định chiến lược phân phối

6.3.1 Phân phối trực tiếp hay qua trung gian?

6.3.2 Quản lý kênh phân phối

6.3.3 Thiết kế một hệ thống phân phối

6.4 Hành vi và tổ chức kênh phân phối

6.4.1 Hành vi của kênh

6.4.2 Tổ chức kênh phân phối

6.4.3 Các điều khoản và trách nhiệm của các thành viên trong kênh phân phối

6.5 Bán lẻ và bán sỉ

6.5.1 Bán lẻ

6.5.2 Bán sỉ

CHƯƠNG 6 : CHIÊU THỊ

6.1 Chiêu thị là gì ? (Promotion)

6.2 Các thành tố của chiến lược chiêu thị sản phẩm

6.2.1 Các mục tiêu chiêu thị sản phẩm

6.2.2 Quá trình truyền thông

6.2.3 Thiết lập ngân sách chiêu thị

6.2.4 Các công cụ trong chiêu thị sản phẩm hỗn hợp

6.3 Lựa chọn các công cụ chiêu thị sản phẩm

6.3.1 Loại sản phẩm và thị trường

6.3.2 Chiến lược đẩy và chiến lược kéo

6.3.3 Giai đoạn sẵn sàng mua của khách hàng

6.3.4 Các giai đoạn trong chu kỳ sống của sản phẩm

6.4 Xây dựng chương trình quảng cáo

6.4.1 Mục tiêu quảng cáo

6.4.2 Các đặc điểm của Thông điệp quảng cáo

6.4.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương tiện quảng cáo

6.4.4 Lựa chọn phương tiện quảng cáo

1. Tên học phần : QUẢN TRỊ HỌC

2. Mã học phần :3107082006

3. Số tín chỉ :3 (3,0,6)

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 1

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm được những khái niệm chung về quản trị và các chức năng chính về quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra; một số vấn đề như quản lý thay đổi, quản lý xung đột và nguy cơ; các biện pháp cứu nguy trong quản trị.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Công việc quản trị có thể bắt gặp ở mọi nơi, mọi lúc và trong mọi tình huống - từ việc quản lý thời gian, công việc cho chính bản thân mình đến việc tổ chức, điều hành công việc cho một nhóm người hay một tổ chức. Học phần Quản trị học bao gồm các khái niệm cơ bản về quản trị. Nội dung cơ bản của học phần này là nghiên cứu sâu vào các chức năng của quản trị.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- ***Sách, giáo trình chính***:

- [1] PGS.TS. Trần Anh Tài, *Quản Trị Học* , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.

- ***Tài liệu tham khảo:***

- [2] Th.S Phạm Đình Phương, *Quản Trị Học Nhập Môn*, NXB TP.HCM, 1997.
- [3] TS.Nguyễn Thanh Hội, TS.Phan Thăng , *Quản Trị Học*, NXB Thống Kê, 2006.
- [4] Th.S Nguyễn Hữu Lam , *Nghệ Thuật Lãnh Đạo*, NXB Giáo Dục, 1997.
- [5] PGS. TS. Nguyễn Thị Liên Diệp, *Quản Trị Học*, NXB Lao Động Xã Hội, 2010.
- [6] TS. Nguyễn Thanh Hội, TS.Phan Thăng , *Quản Trị Học*, NXB Hồng Đức, 2011.
- [7] PGS. TS. Nguyễn Thị Liên Diệp, *Quản Trị Học*, NXB Thống Kê, 2006.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: Có*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Tổng quan về quản trị	3	3		6	
2	Sự tiến triển của tư tưởng quản trị	2	2		4	
3	Văn hoá của tổ chức và môi trường kinh doanh.	5	5		10	
4	Quyết định quản trị	8	8		16	
5	Hoạch định	9	9		18	
5	Tổ chức	9	9		18	

6	Lãnh đạo	6	6		12	
7	Kiểm tra	3	3		6	
Tổng		**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ

1.1 Quản trị là gì?

1.1.1 Khái niệm

1.1.2 Đối tượng của quản trị

1.1.3 Hiệu quả của hoạt động quản trị

1.2 Các chức năng quản trị

1.2.1 Các chức năng quản trị

1.2.2 Quan hệ giữa khả năng quản trị và khả năng chuyên môn

1.3 Nhà quản trị là ai ?

1.3.1 Tổ chức

1.3.2 Người thừa hành

1.3.3 Nhà quản trị

1.3.4 Cấp bậc quản trị trong một tổ chức.

1.4 Các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị

1.5 Vai trò của nhà quản trị trong việc thực hiện mục tiêu của tổ chức

1.5.1 Các vai trò quan hệ với con người.

1.5.2 Các vai trò thông tin

1.5.3 Các vai trò làm quyết định.

1.6 Tính khoa học và tính nghệ thuật về quản trị

1.6.1 Tính khoa học

1.6.2 Tính nghệ thuật

CHƯƠNG 2: SỰ TIẾN TRIỂN CỦA TƯ TƯỞNG QUẢN TRỊ

2.1 Bối cảnh lịch sử

2.1.1 Sự quan trọng của lịch sử quản trị

2.1.2 Những tác động ảnh hưởng lên tư tưởng quản trị

2.1.3 Nguồn gốc của tư tưởng quản trị

2.2 Trường phái tư tưởng quản trị cổ điển

2.2.1 Trường phái quản trị khoa học

2.2.2 Trường phái quản trị hành chánh

2.3 Trường phái tâm lý xã hội trong quản trị

2.3.1 Các nhà tiên phong của trường phái

2.3.2 Nhận xét về trường phái tác phong trong quản trị

2.4 Trường phái định lượng trong quản trị

2.4.1 Quản trị khoa học

2.4.2 Quản trị tác nghiệp

2.4.3 Quản trị hệ thống thông tin

2.4.5 Nhận xét về trường phái định lượng trong quản trị

2.5 Trường phái hội nhập trong quản trị

2.5.1 Khảo hướng quá trình quản trị

2.5.2 Khảo hướng ngẫu nhiên

2.5.3 Khảo hướng hệ thống

2.6 Trường phái quản trị hiện đại

2.6.1 Lý thuyết Z

2.6.2 Tiếp cận theo 7 yếu tố

CHƯƠNG 3 : VĂN HOÁ CỦA TỔ CHỨC VÀ MÔI TRƯỜNG CHUNG QUANH

3.1 Văn hoá của tổ chức

3.1.1 Khái niệm

3.1.2 Ảnh hưởng của văn hoá doanh nghiệp đến tiến trình quản lý doanh nghiệp

3.2 Môi trường kinh doanh

3.2.1 Khái niệm

3.2.2 Môi trường vĩ mô

3.2.3 Môi trường vi mô

3.3 Môi trường tác nghiệp hay môi trường nội bộ doanh nghiệp

3.3.1 Yếu tố nhân lực

3.3.2 Khả năng tài chính

3.3.3 Khả năng nghiên cứu và phát triển

3.3.4 Văn hoá của tổ chức

CHƯƠNG 4: HOẠCH ĐỊNH

4.1 Những cơ sở hoạch định

4.1.1 Những khái niệm cơ sở của hoạch định

4.1.2 Hoạch định là gì?

4.1.3 Tác dụng của hoạch định

4.1.4 Các loại hoạch định

4.1.5 Qui trình hoạch định

4.2 Mục tiêu - nền tảng của hoạch định

4.2.1 Khái niệm

4.2.2 Vai trò

4.2.3 Các yêu cầu

4.2.4 Quản trị bằng mục tiêu - Management by Objectives (MBO)

4.3 Hoạch định chiến lược

4.3.1 Chiến lược là gì?

4.3.2 Các loại chiến lược

4.3.3 Qui trình hoạch định chiến lược

4.3.4 Công cụ hoạch định chiến lược : ma trận SWOT

4.4 Hoạch định tác nghiệp

4.4.1 Khái niệm

4.4.2 Qui trình hoạch định tác nghiệp

CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC

5.1 Cơ cấu tổ chức

5.1.1 Các nguyên tắc của tổ chức quản trị

5.1.2 Cơ sở để thiết kế bộ máy tổ chức

5.2 Một số vấn đề trong công tác tổ chức

5.2.1 Tầm hạn quản trị

5.2.2 Quyền hành trong quản trị

5.2.3 Phân cấp trong quản trị

5.3 Xây dựng cơ cấu tổ chức

5.3.1 Khái niệm

5.3.2 Các dạng cấu trúc tổ chức :

5.4 Sự phân chia quyền lực

5.4.1 Khái niệm

5.4.2 Ủy quyền

CHƯƠNG 6: ĐIỀU KHIỂN

6.1 Khái niệm

6.2 Lãnh đạo

6.2.1 Các khái niệm

6.2.2 Phong cách lãnh đạo

6.3 Động viên tinh thần làm việc của nhân viên

6.3.1 Các khái niệm

6.3.2 Lý thuyết về động cơ thúc đẩy

6.3.3 Ứng dụng các thuyết động viên trong công tác quản trị

6.4 Thông tin trong quản trị

6.4.1 Các khái niệm

6.4.2 Những hình thức thông tin

6.4.3 Thông tin trong tổ chức

6.4.4 Những trở ngại trong thông tin

6.4.5 Quản trị thông tin vượt qua những trở ngại

6.5 Quản trị thay đổi, xung đột và kích động

6.5.1 Các khái niệm

6.5.2 Những yếu tố gây biến động

6.5.3 Những kỹ thuật của quản trị sự thay đổi

CHƯƠNG 7: KIỂM TRA

7.1 Mục đích và tác dụng của kiểm tra

7.1.1 Khái niệm

7.1.2 Mục đích của kiểm tra

7.1.3 Tác dụng của kiểm tra

7.2 Các nguyên tắc xây dựng cơ chế kiểm tra

7.3 Quá trình kiểm tra cơ bản

7.3.1 Xây dựng các tiêu chuẩn kiểm tra

7.3.2 Đo lường việc thực hiện

7.3.3 Điều chỉnh sai lệch

7.4 Các hình thức kiểm tra

7.4.1 Kiểm tra lường trước

7.4.2 Kiểm tra hiện hành

7.4.3 Kiểm tra phản hồi

7.5 Các loại kiểm tra

7.5.1 Kiểm tra hành vi

7.5.2 Kiểm tra tài chính

1. Tên học phần **QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG**

2. Mã học phần **3107082017**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng soạn thảo được các văn bản thông thường phục vụ cho công việc kinh doanh của DN, thông hiểu và năm một số kỹ năng trong công việc quản lý của một người thư ký, một nhà quản trị phụ trách công việc văn phòng.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần soạn thảo văn bản cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các loại văn bản như : văn bản quản lý, văn bản qui phạm pháp luật; đồng thời giúp sinh viên soạn thảo một số các loại văn bản thông thường như: thông báo, báo cáo, hợp đồng lao động hợp đồng dân sự thông dụng, biên bản… Ngoài ra, học phần còn trang bị một số kiến thức có nội dung phục vụ công tác quản lý văn phòng và hướng dẫn thực hành một số kỹ năng

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

- [1] Nguyễn Hữu Thân, Quản trị hành chính văn phòng, Nhà xuất bản Lao Động - Xã Hội, 2012.

Tài liệu tham khảo:

- [2] Th.s Lê Văn In - Mẫu soạn thảo văn bản dùng cho các cơ quan chính quyền địa phương đơn vị hành chính sự nghiệp –NXB Chính Trị Quốc Gia, 2005
- [3] Th.s Lê Văn In - Soạn thảo văn bản của các tổ chức Đảng, Mặt trận, Công Đoàn, Thanh niên, Phụ nữ, Cấp cơ sơ và trên cơ sở - NXB Chính Trị Quốc Gia, 2005
- [4] GS TS Nguyễn Thành Độ, Giáo trình Quản trị văn phòng, NXB Lao Động Xã hội 2005.
- [5] Quible, Zane K. (2004), *Administrative Office Management: An Introduction*, 8e, Pearson Education.
- [6] Odgers, Pattie. (2005), *Administrative Office Management*, 13e, South-Western.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Quản trị hành chính văn phòng	15	15		30	
2	Văn bản quản lý và điều hành	1	1		2	
3	Thể thức văn bản hành chính	2	2		4	
4	Qui chế pháp lý về chữ ký và con dấu. nguyên tắc, thủ tục ban hành văn bản	7	7		14	

5	Kết cấu cơ bản của các loại văn bản hành chính	7	7		14	
6	Thực hành soạn thảo văn bản	13	13		26	
Tổng		45	45		90	

CHƯƠNG 1: QUẢN TRỊ HÀNH CHÁNH VĂN PHÒNG

1.1 Tổng quan về hành chánh văn phòng

1.1.1 Chức năng của hành chánh văn phòng

1.1.2 Chức năng của các cấp quản trị

1.2 Hoạch định và tổ chức hành chánh văn phòng

1.2.1 Hoạch định hành chánh văn phòng

1.2.1.1 Tầm quan trọng của hoạch định

1.2.1.2 Công cụ hoạch định

1.2.2 Tổ chức bộ máy hành chánh văn phòng

1.2.2.1 Cơ cấu tổ chức của bộ máy hành chánh văn phòng

1.2.2.2 Các bước tiến hành để có một tổ chức hành chánh văn phòng hiệu quả.

1.3 Kiểm tra công việc hành chánh văn phòng

1.3.1 Kiểm tra công việc hành chánh

1.3.2 Tiêu chuẩn đo lường công việc hành chánh

1.3.3 Các công cụ và các phương tiện kiểm soát của các cấp quản trị

1.4 Quản trị hành chánh văn phòng một cách khoa học

1.4.1 Đơn giản hóa công việc hành chánh

1.4.1.1 Đơn giản hóa công việc và kiểm soát biểu mẫu

1.4.1.2 Bố trí văn phòng

1.4.2 Quản trị thời gian

1.4.2.1 Một số phương pháp quản trị thời gian

1.4.2.2 Tiết kiệm thời gian bằng phương pháp đọc nhanh

1.5 Quản trị hồ sơ

1.5.1 Tiến hành quản trị hồ sơ

1.5.2 Các công cụ lưu trữ

1.5.3 Hệ thống lưu trữ

1.5.4 Thủ tục lưu trữ

1.5.5 Lưu trữ qua hệ thống computer

1.6 Nghiệp vụ hành chánh văn phòng

1.6.1 Hoạch định tổ chức các cuộc họp

1.6.2 Hoạch định sắp xếp các chuyến đi công tác.

CHƯƠNG 2 : VĂN BẢN QUẢN LÍ VÀ ĐIỀU HÀNH

2.1 Khái quát chung về văn bản quản lý và điều hành

2.1.1 Khái niệm văn bản

2.1.2 Văn bản quản lí

2.1.3 Văn bản quy phạm pháp luật

2.2 Văn bản của các cơ quan quyền lực nhà nước

2.2.1 Văn bản của Quốc hội

2.2.2 Văn bản của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2.2.3 Văn bản của Chủ tịch nước U3

2.3 Văn bản của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước

2.3.1 Văn bản của chính phủ

2.3.2 Văn bản của Thủ tướng chính phủ

2.3.3 Văn bản của Bộ trưởng thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc chính phủ

2.3.4 Văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp

2.4 Văn bản của toà án nhân dân tối cao

2.5 Văn bản của viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao .

2.6 Văn bản pháp quy phụ.

2.7 Văn bản hành chính thông thường.

2.7.1 Công văn

2.7.2 Các loại văn bản thuộc loại trình báo (báo cáo, thông báo, tờ trình, đề án)

2.7.3 Đơn từ

2.7.4 Văn bản hợp đồng

2.7.5 Các loại văn bản hành chính khác (giấy giới thiệu, giấy đi đường…)

CHƯƠNG 3 : THỂ THỨC VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

3.1 Quốc hiệu ,tiêu ngữ

3.2 Tên cơ quan ban hành văn bản

3.3 Số và kí hiệu văn bản

3.4 Địa danh , ngày tháng năm ban hành văn bản

3.5 Trích yếu nội dung văn bản

3.6 Tên loại văn bản

3.7 Nội dung văn bản

3.8 Chữ kí và con dấu

3.9 Nơi nhận

CHƯƠNG 4 : QUY CHẾ PHÁP LÍ VỀ CHƯ KÍ ,CON DẤU VÀ NGUYÊN TẮC, THỦ TỤC BAN HÀNH VĂN BẢN

4.1 Qui chế pháp lí về chữ kí

4.1.1 Quy chế pháp lí chung

4.1.2 Hình thức kí

41.3 Thủ tục kí

4.2 Con dấu

4.2.1 Quy chế pháp lí chung về việc quản lí và sử dụng con dấu

4.2.2 Hình thức con dấu

4.3 Nguyên tắc ra văn bản

4.4 Thủ tục ban hành ra văn bản

CHƯƠNG 5: KẾT CẤU CƠ BẢN CỦA CÁC LOẠI VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

5.1 Công văn

5.1.1 Khái niệm chung về công văn

5.1.2 Các loại công văn

5.1.3 Yêu cầu khi viết một công văn

5.1.4 Kết cấu chung của một công văn

5.1.5 Công văn mời họp

5.1.6 Công văn đề nghị ,chất vấn ,yêu cầu

5.1.7 Công văn trả lời

5.1.8 Công văn chỉ đạo

5.1.9 Công văn hướng dẫn

5.1.10 Công văn đôn đốc

5.2 Các loại công văn thuộc loại trình báo

5.2.1 Đề án

5.2.2 Tờ trình

5.2.3 Báo cáo

5.2.4 Thông báo

5.3 Biên bản

5.3.1 Khái niệm chung

5.3.2 Yêu cầu ghi biên bản và các loại biên bản

5.3.3 Kết cấu của biên bản hội nghị, cuộc họp

5.4 Nghị quyết

5.4.1 Khái niệm

5.4.2 Kết cấu của nghị quyết

5.5 Quyết định

5.51 Khái niệm

5.5.2 Kết cấu của một quyết định

5.6 Chỉ thị

5.6.1 Khái niệm

5.6.2 Kết cấu của chỉ thị

CHƯƠNG 6 : THỰC HÀNH SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN

6.1 Soạn thảo công văn mời họp

6.2 Soạn thảo công văn đề nghị, chất vấn, yêu cầu

6.3 Soạn thảo công văn trả văn

6.4 Soạn thảo công văn chỉ đạo

6.5 Soạn thảo công văn hướng dẫn

6.6 Soạn thảo công văn đôn đốc

6.7 Soạn thảo đơn từ

6.8 Soạn thảo một số loại hợp đồng thông dụng

6.9 Soạn thảo thông báo

6.10 Soạn thảo báo cáo

6.11 Soạn thảo tờ trình

6.12 Soạn thảo đề án

6.13 Soạn thảo biên bản

6.14 Soạn thảo nghị quyết

6.15 Soạn thảo chỉ thị

1. Tên học phần **ĐỊA LÝ KINH TẾ VIỆT NAM**

2. Mã học phần **3107082011**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về không gian kinh tế – xã hội, tổ chức lãnh thổ, cũng như các yếu tố có tác động đến việc hình thành hệ thống lãnh thổ của một quốc gia…

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần ĐLKT bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến việc tổ chức sắp xếp các hoạt động kinh tế – xã hội của một quốc gia, hoặc khu vực; và thực tiễn thực hiện các công tác nêu trên. Nội dung cơ bản của Học phần này là giúp cho sinh viên làm quen với việc đánh giá sơ bộ các tiềm lực kinh tế, xã hội, và vai trò của nó đối với sự phát triển của các quốc gia.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

1]. Tập thể giáo viên khoa Quản trị kinh doanh, Giáo trình Địa lý Kinh tế, Lưu hành nội bộ, 2007.

- Tài liệu tham khảo

[1] PGS.Văn Thái, Giáo trình Địa lý kinh tế Việt Nam, NXB Giáo Dục, 1999.

[2] TS. Nguyễn Đức Tuấn, Giáo trình Địa Lý Kinh Tế Học, NXB Thống Kê.
[3] TS. Trần Văn Thông, Giáo trình Địa Lý Kinh Tế Việt Nam, NXB Thống Kê.
[4] Vũ Tuấn Anh, Những Con Rồng Lâm Bệnh, NXB Khoa Học Xã Hội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phản

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Đối tượng nghiên cứu của ĐLKT	2	2		4	
2	Các nguồn lực KT-XH của Việt Nam	5	5		10	
3	Lý luận cơ bản về tổ chức lãnh thổ	5	5		10	
4	Hệ thống lãnh thổ KT-XH Việt Nam	10	10		20	
5	Tổ chức lãnh thổ các ngành sản xuất của Việt Nam	11	11		22	
6	Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới và khu vực Đông Nam Á	10	10		20	
Tổng		**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1 : ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA ĐLKT

1.1 Đối tượng và nội dung nghiên cứu của ĐLKT

1.2 Nhiệm vụ nghiên cứu của ĐLKT

1.3 Phương pháp nghiên cứu của ĐLKT

CHƯƠNG 2 :CÁC NGUỒN LỰC KT – XH CỦA VIỆT NAM

2.1 Khái niệm

2.1.1 Tổng lực quốc gia

2.1.2 Môi trường

2.1.3 Tài nguyên thiên nhiên

2.2 Các nguồn lực tự nhiên của Việt Nam

2.2.1 Vị trí địa lý

2.2.2 Khí hậu

2.2.3 Thủy văn

2.3 Đất đai

2.3.1 Rừng

2.3.2 Biển

2.3.3 Khoáng sản

2.4 Nguồn nhân lực của Việt Nam

2.4.1 Số lượng nguồn nhân lực

2.4.2 Chất lượng nguồn nhân lực

2.4.3 Phân bố nguồn nhân lực

CHƯƠNG 3 :LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ

3.1 Phân bố sản xuất

3.1.1 Các nguyên tắc chung về phân bố sản xuất

3.1.2 Xác định vùng thị trường

3.2 Phân vùng kinh tế

3.2.1 Vùng kinh tế

3.2.1.1 Khái niệm vùng kinh tế

3.2.1.2 Nội dung vùng kinh tế

3.2.2 Phân vùng kinh tế

3.2.2.1 Các nguyên tắc phân vùng kinh tế

3.2.2.2 Hệ thống phân vị vùng kinh tế

CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG LÃNH THỔ KT-XH VIỆT NAM

4.1 Đặc điểm phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay

4.2 Quá trình hình thành vùng và các quan điểm phân vùng kinh tế ở Việt Nam

4.3 Hệ thống lãnh thổ KT – XH Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 5 :TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÁC NGÀNH SX VIỆT NAM

5.1 Đặc điểm chung về tổ chức các ngành sx Việt Nam

5.1.1 Ngành nông nghiệp

5.1.2 Ngành công nghiệp

5.1.3 Ngành dịch vụ

5.2 Đặc điểm riêng về tổ chức lãnh thổ các đơn ngành

5.2.1 Ngành nông nghiệp

5.2.2 Ngành công nghiệp

5.2.3 Ngành dịch vụ

CHƯƠNG 6: VIỆT NAM TRONG TỔNG THỂ KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

6.1 Tổng thể kinh tế thế giới ngày nay

6.1.1 Toàn cảnh

6.1.2 Các tiêu thức xác định mức độ phát triển kinh tế các nước

6.1.3 Các nhóm nước trên thế giới

6.2 Các tổ chức liên kết quốc tế đặc thù theo khu vực

6.2.1 Nguyên nhân hình thành các liên kết quốc tế

6.2.2 Các mức độ liên kết quốc tế

6.2.3 Các tổ chức liên kết quốc tế theo khu vực

6.3 Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới và khu vực Đông Nam Á

1. Tên học phần **LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ**

2. Mã học phần **1108403**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 1

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững các kiến thức về Tài chính - Tiền tệ làm nền tảng cho việc nghiên cứu các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành và bổ trợ chuyên ngành.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này miêu tả các khái niệm cơ bản về tiền tệ, khái quát về hệ thống tiền tệ. Học phần cũng giới thiệu các khái niệm rất cơ bản về tiền tệ như: bản chất, chức năng của tiền tệ, lạm phát tiền tệ; cung cầu tiền tệ và ngân hàng trung ương

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

***- Sách, giáo trình chính*:**

- [1] PGS. TS. Phan Thị Cúc , Th.S. Đoàn Văn Huy, *Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ*, NXB Thống kê, 2010.

***- Tài liệu tham khảo*:**

- [2] PGS. TS Dương Thị Bình Minh, *Lý thuyết tài chính tiền tệ*, NXB Giáo dục, 1999.

- [3] TS Nguyễn Ngọc Hùng, *Lý thuyết tài chính tiền tệ*, NXB Thống Kê, 1998
- [4] TS Dương Đăng Chinh, *Lý thuyết tài chính*, NXB Tài Chính, 2000.
- [5] PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài**,** *Lý thuyết tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012.
- [6] PGS.TS. Lê Thị Mận**,** *Lý thuyết tài chính tiền tệ***,** NXB Lao Động - Xã Hội**,** 2014.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: Có*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Những vấn đề chung về tiền tệ	10	10		20	
2	Các chế độ tiền tệ	10	10		20	
3	Cung cầu tiền tệ	11	11		22	
4	Lạm phát	14	14		28	
	TỔNG CỘNG	**45**	**45**		90	

CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA TIỀN TỆ

1.1 Bản chất của tiền tệ

1.1.1 Sự ra đời của tiền tệ.

1.1.2 Bản chất của tiền tệ.

1.2 Chức năng của tiền tệ

1.3.1 Phương tiện trao đổi.

1.3.2 Đơn vị đo lường giá trị

1.3.3 Phương tiện dự trữ về mặt giá trị

1.3 Sự phát triển các hình thái tiền tệ

1.3.1 Tiền tệ dưới dạng hàng hóa tiền tệ

1.3.2 Tiền tệ kim loại

1.3.3 Tiền giấy (Giấy bạc ngân hàng)

1.3.4 Các hình thức tiền tệ khác

1.4 Vai trò của tiền tệ

1.4.1 Sự phát triển của vai trò tiền tệ

1.4.2 Vai trò của tiền trong nền kinh tế thị trường hiện đại

CHƯƠNG 2: CÁC CHẾ ĐỘ TIỀN TỆ

2.1 Các chế độ tiền tệ

2.1.1 Chế độ lưu thông tiền kim loại

2.1.2 Chế độ bản vị vàng thoûi

2.1.3 Chế độ bản vị vàng hối đoái

2.1.4 Chế độ bản vị ngoại tệ

2.1.5 Chế độ bản vị tiền giấy không chuyển đổi ra vàng

2.2 Chế độ lưu thông tiền tệ ở Việt Nam

2.2.1 Thời kỳ phong kiến

2.2.2 Thời kỳ thực dân Pháp xâm lược

2.2.3 Thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ

2.2.4 Thời kỳ thống nhất tổ quốc 4/1975 - 1978

2.2.5 Thời kỳ 1979 – 1985

2.2.6 Thời kỳ 1986 – 2003

2.2.7 Thời kỳ 2003 đến nay

2.3 Chế độ tiền tệ Việt Nam

2.3.1 Đơn vị tiền và tên gọi của đồng tiền

2.3.2 Các quy định về phát hành tiền giấy và tiền kinh loại ở Việt Nam

2.3.3 Các nguyên tắc phát hành tiền

2.3.4 Cơ cấu lưu thông tiền tệ

CHƯƠNG 3: CUNG CẦU TIỀN TỆ

3.1 Cung cầu tiền tệ

3.1.1 Cung tiền tệ

3.1.2 Cầu tiền tệ

3.2 Cân đối cung cầu tiền tệ

3.3 Cân đối cung cầu tiền tệ ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 4: LẠM PHÁT

4.1 Lạm phát tiền tệ

4.4.1 Khái niệm và các loại lạm phát

4.4.2 Hậu quả và những biện pháp khắc phục lạm phát

4.2 Lạm phát ở Việt Nam

4.2.1 Từ năm 1990 trở về trước

4.2.2 Giai đoạn từ 1992 – 2001

4.2.3 Giai đoạn từ 2002 - 2006

1. Tên học phần **NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH DOANH**

2. Mã học phần **3107082015**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức căn bản về phương pháp thống kê để phục vụ cho một quá trình nghiên cứu, quan sát thực nghiệm.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái niệm và đối tượng nghiên cứu của thống kê học. Quy luật số lớn. Quá trình nghiên cứu thống kê: xây dựng hệ thống chỉ tiêu kinh tế, điều tra thống kê, tổng hợp thống kê, phân tích và dự đoán thống kê. Thống kê doanh nghiệp

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] TS. Nguyễn Văn Phúc, TS. Trần Thị Kỳ, *Nguyên Lý Thống Kê*, NXB Lao Động, 2011.

-Tài liệu tham khảo

[1] Trần Bá Nhẫn, *Bài Giảng và Bài Tập Lý Thuyết Thống Kê*, Khoa Thống Kê - Toán Kinh Tế Trường ĐH Kinh Tế Tp.HCM.

[2] Trần Bá Nhẫn - Hà Văn Sơn, *Bài Tập Lý Thuyết Thống Kê*, Khoa Thống Kê - Toán Kinh Tế Trường ĐH Kinh Tế Tp.HCM.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phản

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Đối tượng nghiên cứu của thống kê học	3	3		6	
2	Quá trình nghiên cứu thống kê	3	3		6	
3	Phân tổ thống kê	4	4		8	
4	Các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội	9	9		18	
5	Dãy số thời gian	9	9		18	
6	Chỉ số	7	7		14	
7	Thống kê doanh nghiệp	10	10		20	
	TỔNG CỘNG	**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA THỐNG KÊ HỌC

1.1 Đối tượng nghiên cứu của thống kê học

1.1.1 Khái niệm thống kê học

1.1.2 Đối tượng nghiên cứu

1.2 Quy luật số lớn và tính quy luật thống kê

1.2.1 Quy luật số lớn

1.2.2 Tính quy luật thống kê

1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê

1.3.1 Tổng thể thống kê - Đơn vị tổng thể thống kê

1.3.2 Tiêu thức thống kê

1.3.3 Chỉ tiêu thống kê

CHƯƠNG 2: QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU THỐNG KÊ

2.1 Xây dựng hệ thống chỉ tiêu trong thống kê

2.1.1 Khái niệm hệ thống chỉ tiêu

2.1.2 Những nguyên tắc xây dựng hệ thống chỉ tiêu

2.1.3 Những yêu cầu của việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu

2.2 Điều tra thống kê

2.2.1 Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của điều tra thống kê

2.2.2 Các loại điều tra thống kê

2.2.3 Các hình thức tổ chức điều tra thống kê

2.2.4 Phương pháp thu thập tài liệu

2.2.5 Sai số điều tra thống kê

2..3 Tổng hợp thống kê

2.3.1 Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của tổng hợp thống kê

2.3.2 Những vấn đề cơ bản của tổng hợp thống kê

2.3.3 Bảng thống kê và đồ thị thống kê

2.4 Phân tích và dự đoán thống kê

2.4.1 Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích thống kê

2.4.2 Các vấn đề cần lưu ý khi tiến hành phân tích thống kê

CHƯƠNG 3: PHÂN TỔ THỐNG KÊ

3.1 Khái niệm, ý nghĩa và nhệm vụ của phân tổ thống kê

3.1.1 Khái niệm

3.1.2 Ý nghĩa

3.1.3 Nhiệm vụ

3.2 Tiêu thức phân tổ

3.3 Xác định số tổ cần thiết và khoảng cách tổ

3.3.1 Phân tổ theo tiêu thức thuộc tính

3.3.2 Phân tổ theo tiêu thức số lượng

3.4 Chỉ tiêu giải thích

3.5 Dãy số phân phối

3.5.1 Dãy số phân phối theo tiêu thức thuộc tính

3.5.2 Dãy số phân phối theo tiêu thức số lượng

CHƯƠNG 4: CÁC MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG KINH TẾ XÃ HỘI

4.1 Số tuyệt đối trong thống kê

4.1.1 Khái niệm và ý nghĩa số tuyệt đối

4.1.2 Đơn vị tính của số tuyệt đối

4.1.3 Các loại số tuyệt đối

4.2 Số tương đối trong thống kê

4.2.1 Khái niệm và ý nghĩa số tương đối

4.2.2 Đơn vị tính của số tương đối

4.2.3 Các loại số tương đối và phương pháp tính

4.3 Số trung bình (Số bình quân)

4.3.1 Khái niệm và ý nghĩa

4.3.2 Đặc điểm của số trung bình

4.3.3 Các loại số trung bình và phương pháp tính

4.4 Số mốt

4.4.1 Định nghĩa

4.4.2 Phương pháp tính

4.5 Số trung vị

4.5.1 Định nghĩa

4.5.2 Phương pháp tính

4.6 Tứ phân vị, thập phân vị

4.6.1 Tứ phân vị

4.6.2 Thập phân vị

4.7 Chỉ tiêu đánh giá độ biến thiên của tiêu thức

4.7.1 Khái niệm và ý nghĩa chỉ tiêu đánh giá độ biến thiên của tiêu thức

4.7.2 Các chỉ tiêu đánh giá độ biến thiên của tiêu thức

CHƯƠNG 5 : DÃY SỐ THỜI GIAN

5.1 Khái niệm và phân loại dãy số thời gian

5.1.1 Khái niệm

5.1.2 Phân loại dãy số thời gian

5.2 Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian

5.2.1 Mức độ trung bình theo thời gian

5.2.2 Lượng tăng (hoặc giảm tuyệt đối)

5.2.3 Tốc độ phát triển

5.2.4 Tốc độ tăng (hoặc giảm)

5.2.5 Trị số tuyệt đối của 1% tăng (hoặc giảm)

5.3 Các phương pháp biểu hiện xu hướng phát triển của hiện tượng

5.3.1 Phương pháp mở rộng khoảng cách thời gian

5.3.2 Phương pháp số trung bình trượt

5.3.3 Phương pháp hồi quy

5.3.4 Phương pháp biểu hiện biến động thời vụ

5.4 Một số phương pháp dự đoán thống kê ngắn hạn

5.4.1 Dự đoán dựa vào tốc độ phát triển trung bình

5.4.2 Dự đoán dựa vào lượng tăng (giảm) tuyệt đối trung bình

5.4.3 Dự đoán dựa vào phương trình hồi quy

5.5 Hồi quy và tương quan

5.5.1 Mối liện hệ tương quan giữa các hiện tượng kinh tế - xã hội

5.5.2 Tương quan tuyến tính giữa hai tiêu thức

5.5.3 Tương quan phi tuyến tính giữa hai tiêu thức

5.5.4 Tương quan giữa nhiều tiêu thức

5.5.5 Tương quan trong dãy số thời gian

CHƯƠNG 6: CHỈ SỐ

6.1 Khái niệm và ý nghiã của chỉ số

6.1.1 Khái niệm

6.1.2 Ý nghĩa

6.2 Phân loại chỉ số

6.2.1 Căn cứ vào phạm vi tính toán

6.2.2 Căn cứ vào tính chất của chỉ tiêu nghiên cứu

6.3 Phương pháp tính chỉ số

6.3.1 Chỉ số phát triển

6.3.2 Chỉ số không gian

6.3.3 Chỉ số kế hoạch

6.4 Hệ thống chỉ số

6.5 Vận dụng phương pháp chỉ số để phân tích biến động của chỉ tiêu bình quân và tổng lượng biến tiêu thức

CHƯƠNG 7: THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

7.1 Thống kê khối lượng sản phẩm

7.2 Thống kê tài sản cố định

7.3 Thống kê lao động - tiền lương

7.4 Thống kê nguyên vật liệu

1. Tên học phần **TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1**

2. Mã học phần **3107082103**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Tài chính – tiền tệ P1 (a)

7. Mục tiêu của học phần:

7.1 Mục tiêu chung: Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững cơ sở lý thuyết về Tài chính doanh nghiệp, các mô hình định giá tài sản vốn; biết phân tích và ra quyết định đầu tư tài chính, phân tích và ra quyết định vốn của doanh nghiệp.

7.2 Mục tiêu cụ thể:

7.2.1 Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cụ thể về:

- Cách thức phân tích đánh giá tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp, từ đó đề ra các mục tiêu, các quyết định về tài chính doanh nghiệp;

- Am hiểu các khái niệm về công cụ phân tích như thời giá tiền tệ, mô hình chiết khấu dòng tiền, lợi nhuận, rủi ro, mô hình định giá tài sản vốn, từ đó vận dụng để phân tích và ra quyết định đầu tư.

7.2.2 Kỹ năng:

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thu thập dữ liệu tài chính để phân tích, lý giải những hiện tượng liên quan đến tài chính doanh nghiệp.

- Kỹ năng ứng dụng các khái niệm, các công cụ và đặc biệt là các mô hình tài chính để phân tích và ra các quyết định tài chính doanh nghiệp.

7.2.3 Thái độ:

- Làm thay đổi dần thái độ học tập tích cực, từ chỗ máy móc sử dụng các công thức, mô hình về dữ liệu cho sẵng sàng việc biết tổ chức, tự tìm kiếm dữ liệu và ứng dụng các công thức, mô hình xác với thực tế tài chính của doanh nghiệp.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này miêu tả các khái niệm, bản chất của Tài chính doanh nghiệp; quan

hệ giữa lợi nhuận và rủi ro; các mô hình định giá tài sản vốn; các căn cứ để ra quyết định tồn kho, tồn quỹ; quyết định đầu tư tài sản cố định; định giá và quyết định đầu tư tài chính; tác dụng của đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính trong việc quyết định cơ cấu vốn; căn cứ để ra quyết định thuê hay mua tài sản

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] Tập thể giảng viên Khoa Tài chính Kế toán, Giáo trình Tài chính doanh nghiệp Phần 1, Lưu hành nội bộ, 2007.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] PGS.TS Trần Ngọc Thơ, Tài chính doanh nghiệp hiện đại, NXB Giáo dục.

[2] TS Nguyễn Quang Thu, Quản trị tài chính căn bản, NXB Giáo dục.

[3] Nguyễn Hải Sản, Quản trị tài chính doanh nghiệp, NXB Thống kê.

[4] TS Nguyễn Văn Thuận, Quản trị tài chính, NXB Tp Hồ Chí Minh.

- ***Khác***

[1] Tạp chí Tài chính, Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Chứng khoán, Kế toán, Thì trường tiền tệ ……

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: không*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Tổng quan về Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	6	
2	Giá trị tiền tệ theo thời gian	6	6	0	12	
3	Quan hệ lợi nhuận và rủi ro	4	4	0	8	
4	Mô hình định giá tài sản vốn	5	5	0	10	
5	Quyết định tồn kho - tồn quỹ và quản lý khoản phải thu	6	6	0	12	
6	Đầu tư tài sản dài hạn	4	4	0	8	
7	Chi phí sử dụng vốn trong doanh nghiệp	2	2	0	4	
8	Định giá và quyết định đầu tư tài sản tài chính	3	3	0	6	
9	Đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính	6	6	0	12	
10	Quyết định thuê hay mua tài sản	6	6	0	12	
	Tổng cộng	**45**	**45**	**0**	**90**	

PHẦN I: CĂN BẢN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1 Các loại hình doanh nghiệp

1.2 Mục tiêu của doanh nghiệp

1.3 Bản chất tài chính doanh nghiệp

1.4 Giá trị doanh nghiệp

1.5 Quản trị tài chính doanh nghiệp.

1.6 Các quyết định chủ yếu của tài chính doanh nghiệp

1.7 Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp

CHƯƠNG 2: GIÁ TRỊ TIỀN TỆ THEO THỜI GIAN

2.1 Vai trò của thời gian trong việc xác định giá trị tiền tệ

2.2 Giá trị tương lai trường hợp ghép lãi nhiều hơn một năm

2.3 Giá trị tương lai của dòng tiền đều hàng năm (annuity)

2.4 Giá trị hiện tại

2.5 Hiện giá (PV) của dòng tiền

2.6 Một số ứng dụng về giá trị thời gian của tiền tệ

CHƯƠNG 3: QUAN HỆ LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO

3.1 Định nghĩa lợi nhuận và rủi ro

3.2 Rủi ro

3.3 Rủi ro và tỷ suất sinh lời

3.4 Lợi nhuận và rủi ro của một danh mục đầu tư

3.5 Đa dạng hóa danh mục đầu tư nhằm giảm rủi ro

CHƯƠNG 4: MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN VỐN

4.1 Giới thiệu và những giả định về mô hình định giá tài sản vốn

4.2 Nội dung của mô hình CAPM

4.3 Ưu nhược điểm của mô hình CAPM

4.4 Lý thuyết định giá kinh doanh chênh lệch (Arbitrage Pricing Theory)

4.5 Lý thuyết thị trường vốn và mô hình CAPM

4.6 Mô hình CAPM trong điều kiện thị trường vốn Việt Nam

PHẦN 2: PHÂN TÍCH VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

CHƯƠNG 5: QUYẾT ĐỊNH TỒN KHO - TỒN QUỸ VÀ QUẢN LÝ KHOẢN PHẢI THU

5.1 Quyết định tồn kho

5.2 Quản trị và kiểm soát tồn quỹ

5.3 Quản trị khoản phải thu

CHƯƠNG 6: ĐẦU TƯ TÀI SẢN DÀI HẠN

6.1 Xác định dòng tiền phù hợp

6.2 Đánh giá dự án

6.3 Lạm phát với việc phân tích dự án đầu tư

6.4 So sánh những dự án có thời gian hoạt động không bằng nhau

6.5 Các dự án gắn với quyền chọn

6.6 Xét duyệt dự án đầu tư trong trường hợp ngân sách bị giới hạn

CHƯƠNG 7: CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN TRONG DOANH NGHIỆP

7.1 Chi phí sử dụng vốn trong doanh nghiệp

7.2 Chi phí sử dụng vốn bình quân có trọng số (WACC)

7.3 Chi phí sử dụng vốn biên tế

CHƯƠNG 8: ĐỊNH GIÁ VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ TÀI SẢN TÀI CHÍNH

8.1 Tổng quan về định giá tài sản tài chính

8.2 Định giá trái phiếu

8.3 Định giá cổ phiếu ưu đãi

8.4 Định giá cổ phiếu thường

PHẦN 3: PHÂN TÍCH VÀ QUYẾT ĐỊNH VỐN

CHƯƠNG 9: ĐÒN BẨY HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH

9.1 Cơ cấu nguồn vốn và các nhân tố ảnh hưởng

9.2 Phân tích hoà vốn

9.3 Đòn bẩy hoạt động

9.4 Đòn bẩy tài chính

9.5 Tổng hợp đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính

CHƯƠNG 10: QUYẾT ĐỊNH THUÊ HAY MUA TÀI SẢN

10.1 Thuê tài sản

10.2 Các loại thuê tài sản

10.3 Các lợi ích của việc thuê tài sản

10.4 Thuê và các vấn đề thuê tài sản

10.5 Phân tích ngân lưu của công ty khi quyết định thuê so với mua tài sản

10.6 Tác động của thuê tài sản đến báo các tài chính

1. Tên học phần **NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

2. Mã học phần **3107082005**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ (a)

7. Mục tiêu của học phần:

7.1 Mục tiêu chung:

- Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức tổng quát về kế toán, tạo nền tảng để sinh viên tiếp thu học tập nghiên cứu kế toán sâu hơn, cao hơn theo chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán;

- Có kỹ năng cơ bản trong việc hiểu và sử dụng thông tin kế toán, thực hiện những bước trong quy trình kế toán.

- Bước đầu có nhận thức đúng về nghề nghiệp, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

7.2 Mục tiêu cụ thể:

7.2.1 *Kiến thức*: Sau khi học xong môn sinh viên có thể:

- Trình bày mục tiêu báo cáo tài chính giải thích ý nghĩa và thông tin trên báo cáo tài chính trong việc ra quyết định;

- Giải thích nguyên tắc ghi sổ kép và vai trò của tài khoản trong kế toán;

- Giải thích các nguyên tắc kế toán và ảnh hưởng của chúng đến phương pháp kế toán;

- Trình bày quy trình kế toán và ứng dụng công nghệ thông tin vào kế toán;

- Trình bày nội dung cơ bản của hệ thống kế toán Việt Nam.

7.2.*2 Kỹ năng*: Sau khi học xong môn sinh viên có thể:

- Nhận dạng phân tích các nghiệp vụ kế toán cơ bản để phản ánh trên sổ sách và báo cáo tài chính;

- Đọc, hiểu, giải thích và phân tích số liệu kế toán ở mức ban đầu;

- Sử dụng bản tính excel phục vụ cho công việc kế toán ở mức cơ bản;
- Suy nghĩ, phê phán mức cơ bản (thấp hơn ra quyết định);
- Truyền thông tin (làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình);
- Viết báo cáo ngắn;

7.2.3 *Thái độ*: Nhận thức đúng đắng về vao trò và nghề nghiệp kế toán trong hoạt động kinh tế, sự cần thiết của số liệu trung thực, khách quan của số liệu khoán.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Nguyên lý kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động chủ yếu của một đơn vị cụ thể. Giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quát về công việc kế toán và nền tảng để học tiếp tục các học phần cao hơn như: kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán quản trị, kế toán Nhà nước.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] TS Trần Phước, *Giáo trình Nguyên lý Kế toán*, Nhà XB Phương Đông, 2012.

- Tài liệu tham khảo

[1] Võ Văn Nhị, *Giáo trình Kế toán đại cương*, Nhà xuất bản Thống kê, 2004.

[2] Luật Kế toán, Nhà XB Tài chính, 2005.

[3] Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà XB Tài chính, 2006.

[4] Võ Văn Nhị, *Giáo trình Nguyên lý Kế toán (Lý thuyết - Câu hỏi trắc nghiệm - Bài Tập Bài Giải - Luật kế toán & chuẩn mực chung)*, Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, 2010.

[5] Trần Phước, Giáo trình Nguyên lý Kế toán *(Lý thuyết - Câu hỏi trắc nghiệm - Bài Tập Bài Giải)*, Nhà xuất bản Thống kê, 2012.

[6] TS. Lê Thanh Hà & TS. Trần Thị Kỳ, *Giáo trình Nguyên lý Kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính, 2014.

- Khác

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: Có*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Chương 1: Một số vấn đề chung về kế toán	3	3		6	
2	Chương 2: Bảng cân đối kế toán và Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh	6	6		12	
3	Chương 3: Tài khoản và Kế toán kép	6	6		12	
4	Chương 4: Tính giá các đối tượng kế toán	6	6		12	
5	Chương 5: Chứng từ – Kiểm kê	6	6		12	
6	Chương 6: Sổ kế toán – hình thức kế toán	8	8		16	
7	Chương 7: Kế toán các quá trình SXKD chủ yếu trong doanh nghiệp	10	10		20	
Tổng		**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN

1.1 Khái niệm về kế toán:

- 1.1.1 Kế toán
- 1.1.2 Kế toán tài chính
- 1.1.3 Kế toán quản trị

1.2 Đối tượng kế tóan

1.2.1 Đối tượng kế toán.

1.2.2 Đối tượng sử dụng thông tin kế toán.

1.3 Vai trò - Chức năng - Nhiệm vụ của kế toán:

1.3.1 Vai trò.

1.3.2 Chức năng.

1.3.3 Nhiệm vụ.

1.4 Các nguyên tắc cơ bản kế toán:

1.4.1 Cơ sở dồn tích

1.4.2 Giá gốc

1.4.3 Hoạt động liên tục

1.4.4 Phù hợp

1.4.5 Nhất quán

1.4.6 Thận trọng

1.4.7 Trọng yếu

1.5 Các yêu cầu cơ bản kế toán:

1.5.1 Trung thực

1.5.2 Khách quan

1.5.3 Dễ hiểu

1.5.4 Đầy đủ

1.5.5 Kịp thời

1.5.6 So sánh được

1.6 Các phương pháp kế toán :

1.6.1 Phương pháp lập chứng từ kế toán.

1.6.2 Phương pháp tính giá các đối tượng kế toán.

1.6.3 Phương pháp cân đối kế toán.

1.6.4 Phương pháp tài khoản kế toán.

1.6.5 Phương pháp kế toán kép

1.6.6 Phương pháp tính giá thành

1.6.7 Phương pháp kiểm kê

1.6.8 Phương pháp Báo cáo kế toán

1.7 Giới thiệu Luật kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt nam

CHƯƠNG 2 : BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

2.1 Bảng cân đối kế toán.

2.1.1 Khái niệm Bảng cân đối kế toán

2.1.2 Mục đích Bảng cân đối kế toán

2.1.3 Nội dung và kết cấu

2.1.4 Các trường hợp thay đổi của Bảng cân đối kế toán

2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.2.1 Khái niệm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.2 Mục đích Báo cáo quả hoạt động kinh doanh

2.2.3 Nội dung và kết cấu

CHƯƠNG 3 : TÀI KHOẢN VÀ KẾ TOÁN KÉP

3.1 Tài khoản

3.1.1 Khái niệm :

3.1.2 Nội dung và kết cấu tài khoản

3.1.3 Phân loại tài khoản kế toán

3.1.4 Nguyên tắc ghi chép vào tài khoản

3.1.5 Hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam

3.2 Kế toán kép

3.2.1 Khái niệm

3.2.2 Cách ghi chép vào tài khoản kế toán

3.2.3 Các mối quan hệ của tài khoản

CHƯƠNG 4 : TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

4.1 Khái niệm và ý nghĩa của phương pháp tính giá.

4.2 Nguyên tắc tính giá một số đối tượng kế toán chủ yếu

4.2.1 Tài sản cố định.

4.2.2 Hàng tồn kho.

4.2.3 Các loại chứng khoán.

4.2.4 Ngoại tệ.

CHƯƠNG 5 : CHỨNG TỪ KẾ TOÁN VÀ KIỂM KÊ

5.1 Chứng từ kế toán:

5.1.1 Khái niệm .

5.1.2 Ý nghĩa và tác dụng của chứng từ kế toán.

5.1.3 Tính chất pháp lý của chứng từ kế toán

5.1.4 Phân loại chứng từ.

5.1.5 Một số quy định và nguyên tắc về lập, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán

5.2 Kiểm kê:

5.2.1 Khái niệm.

5.2.2 Các loại kiểm kê.

5.2.3 Phương pháp kiểm kê.

5.2.4 Vai trò của kế toán trong kiểm kê.

CHƯƠNG 6 : SỔ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN

6.1 Sổ kế toán:

6.1.1 Khái niệm.

6.1.2 Ý nghĩa của sổ kế toán.

6.1.3 Tính pháp lý của sổ kế toán.

6.1.4 Các loại sổ kế toán.

6.1.5 Phương pháp ghi sổ kế toán.

6.1.6 Phương pháp sửa chữa sổ kế toán.

6.2 Hình thức kế toán:

6.2.1 Khái niệm

6.2.2 Các hình thức kế toán

6.2.2.1 Hình thức nhật ký chung.

6.2.2.2 Hình thức chứng từ ghi sổ.

6.2.2.3 Hình thức nhật ký sổ cái.

6.2.2.4 Hình thức nhật ký chứng từ.

CHƯƠNG 7 : KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU TRONG DOANH NGHIỆP

7.1 Khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ kế toán trong doanh nghiệp

7.2 Kế toán các quá trình chủ yếu trong doanh nghiệp

7.2.1 Kế toán quá trình mua hàng

7.2.2 Kế toán quá trình sản xuất

7.2.3 Kế toán quá trình bán hàng

7.2.4 Kế toán hoạt động khác

7.2.5 Báo cáo kế toán

1. Tên học phần **TOÁN TÀI CHÍNH**

2. Mã học phần **3107082101**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Tài chính – tiền tệ (a)

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức, cách tính lãi suất, thời gian đầu tư, tính chi phí vốn sử dụng trong doanh nghiệp…

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Toán tài chính bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần này nhằm nghiên cứu lãi suất, thời gian đầu tư, tính chi phí vốn sử dụng trong doanh nghiệp…

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] GS. Nguyễn Tiến Dũng và GS. Đỗ Đức Thái, *Nhập môn Toán tài chính*, Sputnik Education, 2014.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] TS. Lại Tiến Dĩnh, *Giáo trình Toán Tài chính*, NXB Thống Kê, 1998.

[2] TS. Nguyễn Ngọc Định, Th.S Nguyễn Thị Liên Hoa, Th.S Bùi Hữu Phước, *Giáo*

trình Toán Tài chính, NXB Thống kê, 1999.

[3] PGS. TS. Nguyễn Ngọc Định, PGS. TS. Nguyễn Thị Liên Hoa, Th.S Dương Kha, ThS Phùng Đức Nam, *Giáo trình Toán Tài chính*, NXB Thống kê, 2004.
[4]. Ahmad Nazri Wahidudin, *Financial Mathematics and its Applications*, 2011, Ahmad Nazri Wahidudin, Ph. D & Ventus Publishing ApS.
[5]. Marek Capinski & Tomasz Zastawniak, *Mathematics for Finance: An Introduction to Financial Engineering*, 2e. 2011, Springer.

- ***Khác***

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: không*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phản

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Những vấn đề chung về toán tài chính	1	1		2	
2	Hệ thống lãi đơn	8	8		16	
3	Hệ thống lãi kép	8	8		16	
4	Các khoản thanh tóan theo chu kỳ	10	10		20	
5	Tính toán hiệu quả của dự án đầu tư	10	10		20	
6	Chứng khoán nợ – Trái khoản	8	8		16	

	TỔNG CỘNG	**45**	**45**		**60**	

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TOÁN TÀI CHÍNH

1.1 Đối tượng và ứng dụng của toán tài chính:

1.1.1 Khái niệm

1.1.2 Ứng dụng

1.2 Các yếu tố cơ bản của toán tài chính:

1.2.1 Thời gian

1.2.2 Lãi suất

1.2.3 Phương thức tính lãi trong toán tài chính

1.3 Các bảng tính tài chính

1.3.1 Bảng tài chính 1

1.3.2 Bảng tài chính 2

1.3.3 Bảng tài chính 3

1.3.4 Bảng tài chính 4

1.4 Sử dụng máy tính trong toán tài chính

CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG LÃI ĐƠN

2.1 Các công thức cơ bản

2.1.1 Tính tiền lãi

2.1.2 Tính lãi suất

2.1.3 Tính thời gian đầu tư

2.1.4 Tính trị giá vốn đầu tư

2.2 Định giá vốn theo hệ thống lãi đơn

2.2.1 Nguyên tắc định giá

2.2.2 Phương trình tương đương

2.3 Vốn tương đương theo hệ thống lãi đơn

2.3.1 Tương đương của một vốn

2.3.2 Tương đương của nhiều vốn

2.4 Các áp dụng của hệ thống lãi đơn

2.4.1 Chiết khấu thương phiếu

2.4.2 Mua bán trả góp

CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG LÃI KÉP

3.1 Các công thức cơ bản

3.1.1 Tính tiền lãi

3.1.2 Tính lãi suất

3.1.3 Tính thời gian đầu tư

3.1.4 Tính trị giá vốn đầu tư

3.2 Định giá vốn theo hệ thống lãi kép

3.2.1 Nguyên tắc định giá

3.2.2 Phương trình tương đương

3.3 Vốn tương đương theo hệ thống lãi kép

3.3.1 Tương đương của một vốn

3.3.2 Tương đương của nhiều vốn

3.4 Các áp dụng của hệ thống lãi đơn

3.4.1 Chiết khấu thương phiếu

3.4.2 Mua bán trả góp

CHƯƠNG 4: CÁC KHOẢN THANH TOÁN THEO CHU KỲ

4.1 Định Nghĩa - Phân Loại

4.1.1 Định nghĩa

4.1.2 Phân loại

4.2 Các khoản tiền thanh toán cuối kỳ

4.2.1 Đồ thi biểu diễn

4.2.2 Giá trị tương lai của các khỏan thanh toán cuối kỳ

4.2.3 Giá trị hiện tại của các khỏan thanh toán cuối kỳ

4.3 Các khoản tiền thanh toán đầu kỳ

4.3.1 Đồ thi biểu diễn

4.3.2 Giá trị tương lai của các khỏan thanh toán đầu kỳ

4.3.3 Giá trị hiện tại của các khỏan thanh toán đầu kỳ

4.4 Định giá các khoản thanh toán theo chu kỳ

4.4.1 Định giá các khỏan thanh toán cuối kỳ

4.4.2 Hạn kỳ trung bình của các khỏan thanh toán cuối kỳ

4.4.3 Định giá các khỏan thanh toán đầu kỳ

4.4.4 Hạn kỳ trung bình của các khỏan thanh toán đầu kỳ

4.5 Các khoản thanh toán đặc biệt

4.5.1 Các khoản thanh toán theo cấp số cộng

4.5.2 Các khoản thanh toán theo cấp số nhân

4.5.3 Các khoản thanh toán với lãi suất thay đổi

4.6 Một số bài toán áp dụng

CHƯƠNG 5: TÍNH TOÁN HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

5.1 Các vấn đề về đầu tư

5.1.1 Chi phí trong hoạt động đầu tư

5.1.2 Thu nhập trong hoạt động đầu tư

5.1.3 Lãi suất sử dụng tiền trong hoạt động đầu tư

5.2 Hiện tại hoá các khoản đầu tư

5.2.1 Nguyên tắc

5.2.2 Giá trị hiện tại ròng trên thang thời gian

5.2.3 Lợi suất của đầu tư

5.2.4 Chỉ số lợi nhuận của đầu tư

5.2.5 Thời gian hoàn vốn

5.3 Tính hiệu quả đầu tư trong điều kiện rủi ro

5.3.1 Khái niệm

5.3.2 Rủi ro trong hoạt động đầu tư

5.3.3 Tính toán hiệu quả đầu tư trong điều kiện rủi ro

CHƯƠNG 6 :CHỨNG KHOÁN NỢ - TRÁI KHOẢN

6.1 Định nghĩa

6.2 Phân loại

6.3 Các phương thức thanh toán trái khoản

6.3.1 Trái khoản thanh toán cuối kỳ

6.3.2 Trái khoản thanh toán đầu kỳ

1. Tên học phần **THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

2. Mã học phần **3107082013**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Toán tài chính (c)

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về thị trường vốn, chủ yếu là thị trường vốn dài hạn.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Thị trường chứng khoán bao gồm các lý luận liên quan đến hoạt động của thị trường vốn, chủ yếu là thị trường tài chính dài hạn. Nội dung của học phần này là nghiên cứu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] TS Nguyễn Thị Mỹ Dung, Bùi Nguyên Hoàn & ThS Trần Văn Trung ,*Giáo trình Thị Trường Chứng khoán*, Nxb Giáo dục 2012.

- Tài liệu tham khảo

[1] PGS TS Bùi Thị Kim Yến, *Thị trường chứng khoán*, NXB Giao thông Vận tải, 2009.
[2] Đinh Thế Hiển, *Excel ứng dụng trong tài chính*, Nhà xuất bản Thống kê, 2002.
[3]. PGS.TS.Hoàng Văn Quỳnh, *Giáo trình Thị trường Tài chính*, Nhà xuất bảnTài chính 2015.
[4]. Robert Fischer, Edward Halibozek & David Walters (2012), *Introduction to Security 9e.*, Butterworth-Heinemann.
[5]. Frederic Mishkin, Stanley Eakins (2015), *Financial Markets and Institutions* 8e., Pearson Education Ltd.

- Khác

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Tổng quan về thị trường tài chính	1	1		2	
2	Đại cương về thị trường chứng khoán	2	2		4	
3	Công ty cổ phần	3	3		6	
4	Hàng hoá của thị trường chứng khoán	2	2		4	
5	Phân tích và đầu tư chứng khoán	12	12		24	
6	Phát hành chứng khoán công ty	9	9		18	

7	Sở giao dịch chứng khoán	8	8		16	
8	Các thị trường chứng khoán ở nước ngoài	8	8		16	
Tổng		**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1 : ĐẠI CƯƠNG VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1.1 Quá trình hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán

1.2 Bản chất và cơ cấu của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế thị trường hiện đại

1.3 Mục tiêu và nguyên nhân khách quan thành lập thị trường chứng khoán

1.4 Các điều kiện cần thiết cho sự hình thành thị trường chứng khoán

1.5 Vai trò của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế thị trường.

CHƯƠNG 2 : CÔNG TY CỔ PHẦN

2.1 Các loại hình tổ chức kinh doanh

2.2 Công ty cổ phần

2.2.1 Định nghĩa

2.2.2 Phân loại công ty cổ phần

2.2.3 Tổ chức công ty cổ phần

2.2.4 Ưu nhược điểm của công ty cổ phần

CHƯƠNG 3 : HÀNG HOÁ CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

3.1 Khái niệm chứng khoán

3.2 Phân loại chứng khoán

3.3 Đặc điểm các loại chứng khoán

3.4 Cơ chế hình thành giá chứng khoán

3.5 Các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sản phẩm hàng hoá lưu hành trên thị trường chứng khoán.

3.6 Chỉ số chứng khoán

3.7 Các chỉ số chứng khoán ảnh hưởng lớn trên thị trường chứng khoán trên thế giới

CHƯƠNG 4 : PHÂN TÍCH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

4.1 Sự cần thiết và phương pháp phân tích chứng khoán

4.1.1 Sự cần thiết phải phân tích chứng khoán

4.1.2 Phương pháp phân tích chứng khoán

4.2 Nội dung phân tích chứng khoán

4.2.1 Phân tích cơ bản

4.2.2 Phân tích kỹ thuật

4.3 Định giá cổ phiếu

4.4 Định giá trái phiếu

CHƯƠNG 5 : PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CÔNG TY

5.1 Cơ cấu vốn của công ty cổ phần

5.2 Quy trình phát hành chứng khoán công ty

5.3 Đăng ký phát hành chứng khoán

5.4 Phát hành chứng khoán công ty

5.5 Vai trò của ngân hàng trong việc phát hành chứng khoán

CHƯƠNG 6 : SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

6.1 Vai trò và tổ chức sở giao dịch chứng khoán

6.2 Những nguyên tắc cơ bản về hoạt động của sở giao dịch chứng khoán

6.3 Phương thức hoạt động của sở giao dịch chứng khoán

6.4 Nghiệp vụ mua bán chứng khoán trả ngay

6.5 Nghiệp vụ mua bán chứng khoán có kỳ hạn

6.6 Thị trường bán tập trung

6.7 Thị trường phi tập trung

CHƯƠNG 7 : CÁC THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN Ở NƯỚC NGOÀI

7.1 Bắc Mỹ

7.2 Vùng viễn đông

7.3 Châu Úc

7.4 Nam Phi

7.5 Lục địa Châu Âu

1. Tên học phần **BÁO CÁO THUẾ**

2. Mã học phần **3107082012**

3. Số tín chỉ **3 (2,2,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 30 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 30 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về thuế và kỹ năng tính toán số tiền thuế phải nộp ngân sách của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành; Làm cơ sở để học tập các Học phần nghiệp vụ của ngành và vận dụng chúng vào thực tế công tác chuyên môn.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản về thuế và những chính sách thuế của nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần nhằm nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần thiết kê khai nộp thuế đối với nhà nước

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1]TS Lê Quang Cường, TS Nguyễn Kim Quyên, *Giáo Trình Thuế 1*, Nhà xuất bản

Kinh Tế, 2013.

- Tài liệu tham khảo

[1] Các văn bản quy phạm pháp luật về thuế.

[2] Các tạp chí, tài liệu đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

[3]. Nguyễn Viết Hùng, Biểu thuế 2015, Nhà xuất bản Tổng hợp, 2015.

[4] PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hùng, *Giáo Trình Quản Lý Thuế*, Nhà xuất bản Kinh Tế, 2012.

[5]TS Lê Quang Cường, *Kỹ Thuật Khai Báo Thuế*, Nhà xuất bản Lao Động, 2010.

- Khác

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Những vấn đề chung về thuế	3	3	5	6	
2	Thuế xuất nhập khẩu	6	4	5	12	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	6	4	5	12	
4	Thuế giá trị gia tăng	11	5	5	22	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	11	5	5	22	
6	Thuế thu nhập cá nhân	8	6	5	16	
	TỔNG CỘNG	**45**	**30**	**30**	**90**	

CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ

1.1 Khái niệm, vai trò của thuế

1.1.1 Sự ra đời và phát triển của thuế

1.1.2 Khái niệm

1.1.3 Vai trò

1.2 Các yếu tố cấu thành một sắc thuế

1.2.1 Tên gọi

1.2.2 Đối tượng nộp thuế

1.2.3 Đối tượng tính thuế

1.2.4 Thuế suất

1.2.5 Qui trình khai báo và thủ tục thu nộp thuế

1.3 Phân loại thuế

1.3.1 Căn cứ vào phương thức đánh thuế

1.3.2 Căn cứ vào đối tượng đánh thuế

1.3.3 Căn cứ theo chế độ phân cấp và điều hành ngân sách

1.3.4 Căn cứ theo phương thức sử dụng

1.4 Các tiêu thức xây dựng hệ thống thuế, chính sách thuế

1.4.1 Tính hiệu quả

1.4.2 Tính công bằng

1.4.3 Tính ổn định

1.4.4 Tính thuận lợi

1.5 Tác động của chính sách thuế đến các hoạt động kinh tế

1.5.1 Tác động lên giá cả hàng hóa, dịch vụ

1.5.2 Tác động vào tiền lương

1.5.3 Tác động vào thu nhập cá nhân

1.5.4 Tác động vào thương mại quốc tế

1.5.5 Tác động đến hoạt động kinh tế

CHƯƠNG 2: THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

2.1 Khái niệm, mục đích

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Mục đích

2.2 Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế

2.2.1 Đối tượng chịu thuế

2.2.2 Đối tượng nộp thuế

2.3 Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế

2.3.1 Đối với hàng hóa áp dụng thuế suất theo tỉ lệ phần trăm

2.3.2 Đối với hàng hóa áp dụng thuế tuyệt đối

2.4 Kê khai thuế, thời điểm tính thuế, thời hạn nộp thuế

2.4.1 Kê khai thuế

2.4.2 Thời điểm tính thuế

2.4.3 Thời hạn nộp thuế

2.5 Miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế xuất nhập khẩu

2.5.1 Miễn thuế

2.5.2 Xét miễn thuế

2.5.3 Xét giảm thuế

2.5.4 Hoàn thuế

2.6 Xử lí vi phạm

2.6.1 Xử lí vi phạm về thuế đối với đối tượng nộp thuế

2.6.2 Xử lí vi phạm đối với công chức hải quan hoặc cá nhân khác có liên quan

CHƯƠNG 3: THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

3.1 Khái niệm, mục đích

3.1.1 Khái niệm

3.1.2 Mục đích

3.2 Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế

3.2.1 Đối tượng chịu thuế

3.2.2 Đối tượng nộp thuế

3.3 Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế

3.3.1 Giá tính thuế

3.3.2 Thuế suất

3.4 Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, giảm miễn thuế, hoàn thuế

3.4.1 Đăng ký thuế

3.4.2 Kê khai thuế

3.4.3 Nộp thuế

3.4.4 Quyết toán thuế

3.4.5 Giảm thuế, miễn thuế

3.4.6 Hoàn thuế

3.5 Xử lí vi phạm

3.5.1 Đối với đối tượng nộp thuế

3.5.2 Đối với cán bộ thuế và cá nhân khác

CHƯƠNG 4 : THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

4.1 Khái niệm, mục đích

4.1.1 Khái niệm

4.1.2 Mục đích

4.2 Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế

4.2.1 Đối tượng chịu thuế

4.2.2 Đối tượng nộp thuế

4.3 Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế

4.3.1 Căn cứ tính thuế

4.3.2 Phương pháp tính thuế

3.4 Hóa đơn, chứng từ mua bán hàng hóa, dịch

3.5 Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế

3.5.1 Đăng ký nộp thuế

3.5.2 Kê khai thuế

3.5.3 Nộp thuế

3.5.4 Quyết toán thuế

4.6 Hoàn thuế

4.6.1 Đối tượng và trường hợp được hoàn thuế

4.6.2 Hồ sơ hoàn thuế

4.6.3 Thẩm quyền và trình tự giải quyết hoàn thuế

4.7 Xử lí vi phạm

4.7.1 Vi phạm về thuế

4.7.2 Thẩm quyền xử lí vi phạm về thuế

CHƯƠNG 5: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

5.1 Khái niệm, mục đích

5.1.1 Khái niệm

5.1.2 Mục đích

5.2 Đối tượng nộp thuế

5.3 Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế

5.3.1 Thu nhập chịu thuế trong kỳ

5.3.2 Thuế suất

5.4 Xác định thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất

5.4.1 Đối tượng chịu thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất

5.4.2 Đối tượng nộp thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất

5.4.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

5.4.4 Thủ tục kê khai, nộp thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất

5.5. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế

5.5.1 Đăng ký thuế

5.5.2 Kê khai thuế

5.5.3 Nộp thuế

5.5.4 Quyết toán thuế

5.6 Miễn, giảm thuế

5.6.1 Điều kiện ưu đãi thuế

5.6.2 Thuế suất ưu đãi và thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi

5.6.3 Mức và thời gian miễn thuế, giảm thuế

5.7 Xử lí vi phạm

CHƯƠNG 6: THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

6.1 Khái niệm, mục đích

6.1.1 Khái niệm

6.1.2 Mục đích

6.2 Đối tượng nộp thuế

6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Thu nhập chịu thuế

6.3.2 Thuế suất

6.4 Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, thoái trả thuế

6.4.1 Đăng ký thuế

6.4.2 Kê khai thuế

6.4.3 Nộp thuế

6.4.4 Quyết toán thuế

6.4.5 Thoái trả thuế

6.5 Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thu nộp thuế

6.5.1 Trách nhiệm của các cá nhân có thu nhập chịu thuế

6.5.2 Trách nhiệm của cơ quan chi trả thu nhập, tổ chức đón tiếp, quản lý người nước ngoài và các cơ quan quản lý Nhà nước

6.6 Chế độ giảm thuế, miễn thuế

6.6.1 Đối tượng được giảm thuế, miễn thuế

6.6.2 Thủ tục và thẩm quyền xét miễn,giảm thuế

6.7 Xử lí vi phạm, khen thưởng

6.7.1 Xử lí vi phạm

6.7.2 Khen thưởng

6.8 Khiếu nại

1. Tên học phần **KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1**

2. Mã học phần **3107082104**

3. Số tín chỉ **4 (3,2,8)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 30 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán (a)

7. Mục tiêu của học phần

7.1 Mục tiêu chung:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài chính doanh nghiệp sản xuất và các nghiệp vụ kế toán ở mức độ chuyên sâu phù hợp với chuyên ngành đào tạo, kết thúc học phần này sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo nghiệp vụ kế toán liên quan đến kế toán doanh nghiệp sản xuất.

7.2 Mục tiêu cụ thể:

7.2.1 Kiến thức: Sau khi học xong phần học này sinh viên có thể:

- Giải thích các yêu cầu chuẩn mực kế toán Việt Nam trên bảng cân đối kế toán và cáo cáo kết quả kinh doanh;
- Trình bày cơ sở để ghi nhận vào hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền;
- Nhận diện sự khác biệt số liệu kế toán và số liệu tính thuế.

7.2.2 Kỹ năng:

- Đọc hiểu ở mức độ cơ bản các thông tin trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh;
- Sử dụng bảng tính excel phục vụ tính toán ở các phần hành cơ bản;
- Suy nghĩ phê phán mức trung bình về việc lựa chọn các chính sách và phương pháp kế toán;
- Viết báo cáo ngắn kèm mục tiêu phân tích.

7.2.3 Thái độ:

Rèn luyện tính thận trọng trong xử lý số liệu kế toán, tạo tinh thần trách nhiệm và lòng yêu nghề.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Kế Toán Tài Chính Doanh Nghiệp Phần 1 là học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các nội dung kế toán tiền, kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, kế toán các khoản phải thu, kế toán các khoản ứng trước, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán các khoản đầu tư dài hạn.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] PGSTS Võ Văn Nhị, Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Kinh Tế, 2015.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] Giáo trình Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2013.
[2] Luật Kế Toán, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2005.
[3] Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2006.
[4] Chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ Tài Chính, 2014.
[5] Trần Xuân Nam, Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2015.
[6] GSTS Ngô Thế Chi, Giáo trình Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2010

- Khác

[1]. Hệ thống các thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành
[2]. Các thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế GTGT do Bộ Tài Chính hoặc Tổng cục thuế ban hành.
[3]. QĐ 206/2003/QĐ – BTC về trích khấu hao tài sản cố định v.v…
[4]. Thông tư số 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định v.v…

[5]. Thông tư số 200/2014/TT-BTC

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Tổ chức công việc kế toán trong doanh nghiệp	3,5	3	1	7	
2	Tổ chức bộ máy và mô hình kế toán trong doanh nghiệp	3,5	3	1	7	
3	Kế toán tiền	8	6	4	16	
4	Kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn	4	2	4	8	
5	Kế toán các khoản phải thu	5	3	4	10	
6	Kế toán các khoản ứng trước	6	4	4	12	
7	Kế toán hàng tồn kho	11	9	4	22	
8	Kế toán tài sản cố định	8	6	4	16	
9	Kế toán các khoản đầu tư dài hạn	11	9	4	22	
	TỔNG CỘNG	**60**	**45**	**30**	**120**	

PHẦN A

TỔ CHỨC CÔNG VIỆC - BỘ MÁY - MÔ HÌNH KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG 1: TỔ CHỨC CÔNG VIỆC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Mục đích và ý nghĩa

1.1.1 Mục đích tổ chức công việc kế toán

1.1.2 Ý nghĩa

1.2 Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán

1.2.1 Những quy định về chế độ chứng từ kế toán

1.2.2 Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán

1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

1.3.1 Hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam

1.3.2 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

1.4 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán

1.4.1 Các hình thức kế toán

1.4.2 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán toán và hình thức kế toán

1.5 Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo tài chính và báo cáo quản trị

1.5.1 Các hệ thống báo cáo đối với kế toán tài chính doanh nghiệp

1.5.2 Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo tài chính và báo cáo quản trị

1.6 Tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ để thực hiện kiểm tra kế toán

1.6.1 Các yếu tố cơ bản của hệ thống kiểm soát nội bộ

1.6.2 Tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ để thực hiện kiểm tra kế toán

1.7 Tổ chức bộ máy kế toán

1.7.1 Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung

1.7.2 Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình phân tán

1.7.3 Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ MÔ HÌNH KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

2.1 Cơ cấu tổ chức của bộ phận kế toán

2.1.1 Đối với doanh nghiệp có quy mô lớn

2.2.2 Đối với doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa

2.2 Tổ chức bộ máy kế toán

2.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung

2.2.2 Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình phân tán

2.2.3 Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán

2.3 Tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ để thực hiện kiểm tra kế toán

2.3.1 Các yếu tố cơ bản của hệ thống kiểm soát nội bộ

2.3.2 Tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ để thực hiện kiểm tra kế toán

PHẦN B

KẾ TOÁN TÀI SẢN NGẮN HẠN

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

3.1 Tổng quan về tiền và các khoản tương đương tiền

3.1.1 Các khái niệm

3.1.2 Nhiệm vụ kế toán

3.1.3 Các nguyên tắc hạch toán về tiền và các khoản tương đương tiền

3.2 Kế toán tiền mặt

3.2.1 Chứng từ kế toán

3.2.2 Sổ kế toán và quy trình ghi sổ kế toán

3.2.3 Tài khoản sử dụng

3.2.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

3.3 Kế toán tiền gởi ngân hàng

3.3.1 Chứng từ kế toán

3.3.2 Sổ kế toán và quy trình ghi sổ kế toán

3.3.3 Tài khoản sử dụng

3.3.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

3.4 Kế toán tiền đang chuyển

3.4.1 Chứng từ kế toán

3.4.2 Sổ kế toán

3.4.3 Tài khoản sử dụng

3.4.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

4.1 Khái niệm và nguyên tắc

4.1.1 Khái niệm

4.1.2 Các nguyên tắc hạch toán về các khoản đầu tư ngắn hạn

4.2 Kế toán đầu tư chứng khoán ngắn hạn

4.2.1 Chứng từ kế toán

4.2.2 Sổ kế toán và quy trình ghi sổ kế toán

4.2.3 Tài khoản sử dụng

4.2.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

4.3 Kế toán đầu tư ngắn hạn khác

4.3.1 Chứng từ kế toán

4.3.2 Sổ kế toán

4.3.3 Tài khoản sử dụng

4.3.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

4.4 Kế toán dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

4.3.1 Nguyên tắc lập dự phòng

4.3.2 Chứng từ kế toán

4.3.3 Sổ kế toán

4.3.4 Tài khoản sử dụng

4.3.5 Phương pháp hạch toán

CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

5.1 Khái niệm và nguyên tắc

5.1.1 Khái niệm

5.1.2 Các nguyên tắc hạch toán về các khoản phải thu

5.2 Kế toán các khoản phải thu khách hàng

5.2.1 Chứng từ kế toán

5.2.2 Sổ kế toán và quy trình ghi sổ kế toán

5.2.3 Tài khoản sử dụng

5.2.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

5.3 Kế toán các khoản phải thu nội bộ

5.3.1 Chứng từ kế toán

5.3.2 Sổ kế toán

5.3.3 Tài khoản sử dụng

5.3.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

5.4 Kế toán các khoản phải thu khác

5.4.1 Chứng từ kế toán

5.4.2 Sổ kế toán

5.4.3 Tài khoản sử dụng

5.4.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

5.5 Kế toán dự phòng các khoản phải thu khó đòi

5.5.1 Nguyên tắc lập dự phòng

5.5.2 Chứng từ kế toán

5.5.3 Sổ kế toán

5.5.4 Tài khoản sử dụng

5.5.5 Phương pháp hạch toán

CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ỨNG TRƯỚC

6.1 Khái niệm và nguyên tắc

6.1.1 Khái niệm

6.1.2 Các nguyên tắc hạch toán về các khoản ứng trước

6.2 Kế toán các khoản tạm ứng

6.2.1 Chứng từ kế toán

6.2.2 Sổ kế toán và quy trình ghi sổ kế toán

6.2.3 Tài khoản sử dụng

6.2.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

6.3 Kế toán chi phí trả trước ngắn hạn

6.3.1 Chứng từ kế toán
6.3.2 Sổ kế toán và quy trình ghi sổ kế toán
6.3.3 Tài khoản sử dụng
6.3.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
6.4 Kế toán cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn
6.4.1 Chứng từ kế toán
6.4.2 Sổ kế toán
6.4.3 Tài khoản sử dụng
6.4.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

CHƯƠNG 7: KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

7.1 Tổng quan về hàng tồn kho
7.1.1 Khái niệm về hàng tồn kho
7.1.2 Các nguyên tắc hạch toán về hàng tồn kho
7.2 Kế toán nguyên vật liệu
7.2.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu
7.2.2 Chứng từ kế toán
7.2.3 Sổ kế toán và quy trình ghi sổ kế toán
7.2.4 Tài khoản sử dụng
7.2.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
7.3 Kế toán công cụ dụng cụ
7.3.1 Chứng từ kế toán
7.3.2 Sổ kế toán và quy trình ghi sổ kế toán
7.3.3 Tài khoản sử dụng
7.3.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
7.4 Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
7.4.1 Những vấn đề chung về chi phí sản xuất, chi phí sản xuất dở dang và tính giá thành sản phẩm
7.5 Kế toán thành phẩm
7.5.1 Chứng từ kế toán

7.5.2 Sổ kế toán

7.5.3 Tài khoản sử dụng

7.5.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

7.6 Kế toán hàng hóa kho bảo thuế (**)

7.6.1 Chứng từ kế toán

7.6.2 Sổ kế toán

7.6.3 Tài khoản sử dụng

7.6.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

7.7 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

7.7.1 Nguyên tắc lập dự phòng

7.7.2 Chứng từ kế toán

7.7.3 Sổ kế toán

7.7.4 Tài khoản sử dụng

7.7.5 Phương pháp hạch toán

PHẦN C
KẾ TOÁN TÀI SẢN DÀI HẠN

CHƯƠNG 8: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

8.1 Kế toán tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình

8.1.1 Khái niệm

8.1.2 Tiêu chuẩn ghi nhận

8.1.3 Các nguyên tắc hạch toán về TSCĐ hữu hình

8.1.4 Chứng từ kế toán

8.1.5 Sổ kế toán

8.1.6 Tài khoản sử dụng

8.1.7 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

8.2 Kế toán tài sản cố định (TSCĐ) vô hình

8.2.1 Khái niệm

8.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận

8.2.3 Các nguyên tắc hạch toán về TSCĐ vô hình

8.2.4 Chứng từ kế toán

8.2.5 Sổ kế toán

8.2.6 Tài khoản sử dụng

8.2.7 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

8.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

8.3.1 Khái niệm

8.3.2 Các phương pháp khấu hao

8.3.3 Chứng từ kế toán

8.3.4 Sổ kế toán

8.3.5 Tài khoản sử dụng

8.3.6 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

8.4 Kế toán tài sản cố định (TSCĐ) thuê tài chính (**)

8.4.1 Khái niệm

8.4.2 Tiêu chuẩn ghi nhận

8.4.3 Các nguyên tắc hạch toán về TSCĐ vô hình

8.4.4 Chứng từ kế toán

8.4.5 Sổ kế toán

8.4.6 Tài khoản sử dụng

8.4.7 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

CHƯƠNG 9: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

9.1 Kế toán bất động sản đầu tư

9.1.1 Khái niệm

9.1.2 Điều kiện ghi nhận

9.1.3 Các nguyên tắc hạch toán về bất động sản đầu tư

9.1.4 Chứng từ kế toán

9.1.5 Sổ kế toán

9.1.6 Tài khoản sử dụng

9.1.7 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

9.2 Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

9.2.1 Khái niệm

9.2.2 Điều kiện ghi nhận

9.2.3 Các nguyên tắc hạch toán

9.2.4 Chứng từ kế toán

9.2.5 Sổ kế toán

9.2.6 Tài khoản sử dụng

9.2.7 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

9.3 Kế toán các kế toán khoản đầu tư vào công ty liên doanh

9.3.1 Khái niệm

9.3.2 Điều kiện ghi nhận

9.3.3 Các nguyên tắc hạch toán

9.3.4 Chứng từ kế toán

9.3.5 Sổ kế toán

9.3.6 Tài khoản sử dụng

9.3.7 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

9.4 Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

9.4.1 Khái niệm

9.4.2 Điều kiện ghi nhận

9.4.3 Các nguyên tắc hạch toán

9.4.4 Chứng từ kế toán

9.4.5 Sổ kế toán

9.4.6 Tài khoản sử dụng

9.4.7 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

9.5 Kế toán các khoản đầu tư dài hạn khác

9.5.1 Các nguyên tắc hạch toán

9.5.2 Chứng từ kế toán

9.5.3 Sổ kế toán

9.5.4 Tài khoản sử dụng

9.5.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

9.6 Kế toán lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

9.6.1 Nguyên tắc lập dự phòng

9.6.2 Chứng từ kế toán

9.6.3 Sổ kế toán

9.6.4 Tài khoản sử dụng

9.6.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

1. Tên học phần **KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2**

2. Mã học phần **3107082105**

3. Số tín chỉ **4 (3,2,8)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 3

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 (a)

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài chính doanh nghiệp sản xuất và các nghiệp vụ kế toán ở mức độ chuyên sâu phù hợp với chuyên ngành đào tạo, kết thúc học phần này sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo nghiệp vụ kế toán liên quan đến kế toán doanh nghiệp sản xuất.

7.2 Mục tiêu cụ thể:

7.2.1 Kiến thức: Sau khi học xong phần học này sinh viên có thể:

- Có kiến thức chuyên sâu về tài khoản kế toán, chứng từ kế toán, nghiệp vụ kế toán phát sinh hằng ngày tại doanh nghiệp;
- Trình bày cơ sở để ghi nhận vào hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam xác định kết quả tiêu thụ,sổ sách kế toán, báo cáo tài chínhv.v
- Phân tích được tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của DN ở các mặt công nợ, vốn chủ sở hữu, chi phí… nhằm đề xuất các giải pháp nâng chất lượng doanh nghiệp.

7.2.2 Kỹ năng:

- Học phần này giúp cho sinh viên có kiến thức chuyên sâu về kế toán để có thể vận dụng vào công tác kế toán thực tế tại doanh nghiệp
- Sử dụng bảng tính excel phục vụ tính toán ở các phần hành chuyên sâu;
- Suy nghĩ phê phán mức trung bình về việc lựa chọn các chính sách và phương pháp kế toán;
- Viết báo cáo ngắn kèm mục tiêu phân tích.

7.2.3 Thái độ:

Rèn luyện tính thận trọng trong xử lý số liệu kế toán, tạo tinh thần trách nhiệm; hiểu biết và càng gắn bó với doanh nghiệp ; lòng yêu nghề ngày càng cao.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Kế Toán Tài Chính Doanh Nghiệp Phần 2 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán nợ phải trả, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán doanh thu và chi phí kinh doanh, kế toán thu nhập và chi phí khác, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp và kế toán xác định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] PGS TS Võ Văn Nhị, *Kế toán tài chính*, Nhà Xuất Bản Kinh Tế, 2015.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] Giáo trình Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2013.
[2] Luật Kế Toán, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2005.
[3] Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2006.
[4] Chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ Tài Chính, 2014.
[5] Trần Xuân Nam, Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2015.
[6] GSTS Ngô Thế Chi, Giáo trình Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2010

- Khác

[1]. Hệ thống các thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành
[2]. Các thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế GTGT do Bộ Tài Chính hoặc Tổng cục thuế ban hành.
[3]. QĐ 206/2003/QĐ – BTC về trích khấu hao tài sản cố định v.v…
[4]. Thông tư số 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định v.v…
[5]. Thông tư số 200/2014/TT-BTC

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Kế toán nợ phải trả	10	8	4	10	
2	Kế toán vốn chủ sở hữu	10	8	4	10	
3	Kế toán doanh thu và chi phí kinh doanh	11	8	6	12	
4	Kế toán thu nhập và chi phí khác	6	4	4	4	
5	Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp và kế toán xác định kết quả kinh doanh	11	8	6	12	
6	Báo cáo tài chính	12	9	6	12	
	TỔNG CỘNG	**60**	**45**	**30**	**120**	

PHẦN D
KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ VÀ KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHƯƠNG 10: KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

10.1 Tổng quan về nợ phải trả

10.1.1 Các khái niệm và phân loại nợ phải trả

10.1.2 Các nguyên tắc hạch toán
10.2 Kế toán vay ngắn hạn
10.2.1 Chứng từ kế toán
10.2.2 Sổ kế toán
10.2.3 Tài khoản sử dụng
10.2.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
10.3 Kế toán nợ dài hạn đến hạn trả
10.3.1 Chứng từ kế toán
10.3.2 Sổ kế toán
10.3.3 Tài khoản sử dụng
10.3.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
10.4 Kế toán thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước
10.4.1 Chứng từ kế toán
10.4.2 Sổ kế toán
10.4.3 Tài khoản sử dụng
10.4.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
10.5 Kế toán các khoản phải trả người lao động
10.5.1 Tổng quan về lương và các khoản trích theo lương
10.5.2 Chứng từ kế toán
10.5.3 Sổ kế toán
10.5.4 Tài khoản sử dụng
10.5.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
10.6 Kế toán chi phí phải trả
10.6.1 Chứng từ kế toán
10.6.2 Sổ kế toán
10.6.3 Tài khoản sử dụng
10.6.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
10.7 Kế toán phải trả nội bộ
10.7.1 Chứng từ kế toán
10.7.2 Sổ kế toán

10.7.3 Tài khoản sử dụng
10.7.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
10.8 Kế toán phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng (*)
10.8.1 Chứng từ kế toán
10.8.2 Sổ kế toán
10.8.3 Tài khoản sử dụng
10.8.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
10.9 Kế toán phải trả phải nộp khác
10.9.1 Chứng từ kế toán
10.9.2 Sổ kế toán
10.9.3 Tài khoản sử dụng
10.9.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
10.10 Kế toán trái phiếu phát hành
10.10.1 Chứng từ kế toán
10.10.2 Sổ kế toán
10.10.3 Tài khoản sử dụng
10.10.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
10.11 Kế toán dự phòng nợ phải trả
10.12.1 Chứng từ kế toán
10.12.2 Sổ kế toán
10.12.3 Tài khoản sử dụng
10.12.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

CHƯƠNG 11: KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tổng quan về vốn chủ sở hữu
11.1.1 Khái niệm
11.1.2 Các nguyên tắc hạch toán
11.2 Kế toán nguồn vốn kinh doanh
11.2.1 Chứng từ kế toán
11.2.2 Sổ kế toán

11.2.3 Tài khoản sử dụng
11.2.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
11.3 Kế toán chênh lệch đánh giá lại tài sản
11.3.1 Chứng từ kế toán
11.3.2 Sổ kế toán
11.3.3 Tài khoản sử dụng
11.3.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
11.4 Kế toán chênh lệch tỷ giá
11.4.1 Chứng từ kế toán
11.4.2 Sổ kế toán
11.4.3 Tài khoản sử dụng
11.4.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu
11.5 Kế toán lợi nhuận sau thuế và phân phối lợi nhuận sau thuế
11.5.1 Khái niệm
11.5.2 Chứng từ kế toán
11.5.3 Sổ kế toán
11.5.4 Tài khoản sử dụng
11.5.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

PHẦN E

KẾ TOÁN DOANH THU - CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

CHƯƠNG 12: KẾ TOÁN DOANH THU VÀ CHI PHÍ KINH DOANH
12.1 Khái niệm
12.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
12.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính
12.4 Kế toán chi phí tài chính
12.5 Kế toán giá vốn hàng bán
12.6 Kế toán chi phí bán hàng
12.7 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

CHƯƠNG 13: KẾ TOÁN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

13.1 Khái niệm và nhiệm vụ kế toán

13.2 Kế toán thu nhập khác

13.3 Kế toán chi phí khác

CHƯƠNG 14: KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

14.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành

14.2 Kế toán tài sản thuế TNDN hoãn lại

14.3 Kế toán thuế TNDN hoãn lại phải trả

14.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

PHẦN F

LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHƯƠNG 15: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

15.1 Một số vấn đề chung về báo cáo tài chính

15.2 Bảng cân đối kế toán

15.3 Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

15.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

15.5 Thuyết minh báo cáo tài chính

1. Tên học phần **KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 3**

2. Mã học phần **3107083114**

3. Số tín chỉ **3 (2,2,8)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 30 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 30 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Lý thuyếtTài chính – tiền tệ (a)

7. Mục tiêu của học phần:

7.1 Mục tiêu chung:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững cơ sở lý thuyết về phương pháp kế toán các khoản mục tài sản, nguồn vốn có tính đặc thù trong các tổ chức tài chính, tập trung chủ yếu vào kế toán các công cụ tài chính và kế toán các hoạt động kinh doanh ngoại tệ

7.2 Mục tiêu cụ thể:

7.2.1 Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cụ thể về:

- Trang bị về vấn đề nghiên cứu/kỹ năng nghiên cứu: các vấn đề liên quan đến kế toán tài sản tài chính, công nợ tài chính, các công cụ phái sinh, các công cụ lai ghép; lập và phân tích báo cáo tài chính của các TCTC; quản trị tài chính và quản trị rủi ro trong các TCTC và các doanh nghiệp.

7.2.2 Kỹ năng:

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thu thập dữ liệu tài chính để phân tích, lý giải những hiện tượng liên quan đến tài chính doanh nghiệp.

- Kỹ năng ứng dụng các khái niệm, các công cụ và đặc biệt là các mô hình tài chính để phân tích và ra các quyết định tài chính doanh nghiệp.

7.2.3 Thái độ:

- Làm thay đổi dần thái độ học tập tích cực, từ chỗ máy móc sử dụng các công thức, mô hình về dữ liệu cho sẵng sàng việc biết tổ chức, tự tìm kiếm dữ liệu và ứng dụng các công thức, mô hình xác với thực tế tài chính của doanh nghiệp.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu về kế toán tài chính tại các đơn vị thuộc ngành dịch vụ tài chính như các tổ chức tài chính, các công ty chứng khoán, bảo hiểm, quỹ tín dụng,.... với nội dung chủ yếu là kế toán các công cụ tài chính; phương pháp kế toán đa tệ; và phương pháp kế toán đối với một số loại hình dịch vụ như phương tiện thanh toán, dịch vụ lưu ký và ủy thác… Học phần cũng giới thiệu các yêu cầu về thuyết minh và công bố thông tin trên báo cáo tài chính đặc thù cho lĩnh vực dịch vụ tài chính.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] PGSTS Võ Văn Nhị, Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Kinh Tế, 2015.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] Giáo trình Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2013.
[2] Luật Kế Toán, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2005.
[3] Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2006.
[4] Chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ Tài Chính, 2014.
[5] Trần Xuân Nam, Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2015.
[6] GSTS Ngô Thế Chi, Giáo trình Kế toán tài chính, Nhà Xuất Bản Tài chính, 2010

- Khác

[1]. Hệ thống các thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành
[2]. Các thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế GTGT do Bộ Tài Chính hoặc Tổng cục thuế ban hành.
[3]. QĐ 206/2003/QĐ – BTC về trích khấu hao tài sản cố định v.v…
[4]. Thông tư số 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định v.v…
[5]. Thông tư số 200/2014/TT-BTC

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*

- *Tiểu luận: không*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Chương 1: Tổng quan về kế toán trong các tổ chức tài chính	3	3	0	6	
2	Chương 2: Kế toán nợ phải trả của các TCTC	6	4	4	12	
3	Chương 3: Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán	6	4	4	12	
4	Chương 4: Kế toán các khoản cho vay và phải thu	6	4	4	12	
5	Chương 5: Kế toán các phương tiện thanh toán cung cấp và hoạt động thanh toán vốn	6	4	4	12	
6	Chương 6: Kế toán các giao dịch ngoại tệ	7	5	4	14	
7	Chương 7: Kế toán Vốn chủ sở hữu	5	3	4	10	
8	Chương 8: Báo cáo tài chính	6	3	6	12	
	Tổng cộng	**45**	**30**	**30**	**90**	

CHƯƠNG 1: Tổng quan về kế toán trong các tổ chức tài chính

1.1 Khái quát về các tổ chức tài chính và dịch vụ tài chính cung cấp

1.2 Các đặc điểm của ngành dịch vụ tài chính tác động đến kế toán

1.3 Khái niệm và phân loại công cụ tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế

1.4 Khái quát về khung pháp lý về kế toán các TCTC tại Việt Nam

1.5 Tổ chức công tác kế toán tại các TCTC

CHƯƠNG 2: Kế toán nợ phải trả của các TCTC

2.1. Khái niệm và nguyên tắc kế toán các công cụ nợ phát hành theo IAS/IFRS

2.2. Kế toán các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi phát hành

2.3. Kế toán các khoản vay NHTW và các TCTD khác

2.4. Kế toán trái phiếu và kỳ phiếu phát hành

CHƯƠNG 3: Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán

3.1. Tài sản tài chính: khái niệm và phân loại

3.2. Các cơ sở định giá và nguyên tắc kế toán các nhóm tài sản tài chính

3.3. Kế toán chứng khoán kinh doanh

3.4. Kế toán chứng khoán đầu tư giữ đến khi đáo hạn 3.5. Kế toán chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

CHƯƠNG 4: Kế toán các khoản cho vay và phải thu

4.1. Khái quát về các khoản cho vay và phải thu

4.2. Kế toán các khoản cho vay từng lần và cho vay theo hạn mức tín dụng

4.3. Kế toán các khoản cho vay khác (đồng tài trợ, chiết khấu, cho thuê tài chính)

4.4. Kế toán dự phòng rủi ro tín dụng

4.5. Kế toán xử lý nợ xấu và hoạt động mua bán nợ 4.6. Kế toán hoạt động bảo lãnh

CHƯƠNG 5: Kế toán các phương tiện thanh toán cung cấp và hoạt động thanh toán vốn

5.1 Khái quát về các phương tiện thanh toán cung cấp và yêu cầu kế toán

5.2 Kế toán các công cụ thanh toán nội địa

5.3 Kế toán các công cụ thanh toán quốc tế

5.4 Kế toán thanh toán vốn giữa các TCTC

CHƯƠNG 6: Kế toán các giao dịch ngoại tệ

6.1. Khái quát về các hoạt động kinh doanh ngoại hối của các TCTC

6.2. Kế toán giao dịch ngoại tệ giao ngay

6.3. Kế toán giao dịch ngoại tệ kỳ hạn 6.4. Kế toán giao dịch hoán đổi tiền tệ 6.5. Kế toán giao dịch quyền chọn tiền tệ

CHƯƠNG 7: Kế toán Vốn chủ sở hữu

7.1 Kế toán các công cụ vốn phát hành (tự nghiên cứu)

7.2 Kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận

7.3 Kế toán các khoản thu nhập

7.4 Kế toán các khoản chi phí (tập trung vào chi phí hoạt động)

7.5 Kế toán XDKQKD và phân phối lợi nhuận

CHƯƠNG 8: Báo cáo tài chính

8.1 Những vấn đề chung về BCTC của các TCTC

8.2 Bảng Cân đối kế toán

8.3 Báo cáo KQHDDKD

8.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8.5 Thuyết minh BCTC

1. Tên học phần : KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 1

2. Mã học phần :3107083110

3. Số tín chỉ : (3,0,6)

4. Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 3

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý Kế toán (a)

7. Mục tiêu của học phần:

7.1 Mục tiêu chung:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nhận thức về mối liên hệ giữa Kế toán chi phí, Kế toán tài chính và kế toán quản trị. Trên cơ sở đó trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản lý luận về tầm quan trọng của kế toán quản trị để ra quyết định sử dụng thông tin kế toán, thông tin về chi phí, các kỹ năng thực hành để ra quyết định trong ngắn hạn, phương pháp lập kế hoạch kinh doanh.

7.2 Mục tiêu cụ thể:

7.2.1 Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên có thể:

- Giải thích vai trò kế toán quản trị doanh nghiệp và các điểm giống khác nhau kế toán chi phí, kế toán quản trị.
- Giải thích chi phí, phân tích chi phí và các nhân tố ảnh hưởng đến các quy định về giá bán sản phẩm dịch vụ.
- Giải thích bản chất và nội dung kế toán quản trị đánh giá hiệu quả quản trị của các bộ phận.
- Phân tích thông tin và tính toán thích hợp cho việc ra các quyết định ngắn hạn, quyết định đầy đủ.

7.2.2 Kỹ năng:

- Sử dụng các công cụ định lượng và bảng tính excel cho việc tính toán và phân tích thông tin kế toán quản trị như phân tích chi phí –khối lượng – lợi nhuận, lập dự toán ngân sách tổng hợp…

- Suy nghĩ phê phán mức cơ bản về đánh giá các thông tin để đưa ra quyết định quản lý.

7.2.3: Thái độ : Rèn luyện cho sinh viên tính thận trọng trong xử lý số liệu kế toán, tự lập tinh thần yêu nghề và nhận thức đúng về đạo đức nghề nghiệp kế toán.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc kế toán quản trị bao gồm kế toán chi phí và giá thành, lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí-khối lượng-lợi nhuận, sử dụng thông tin của kế toán quản trị để đưa ra quyết định.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] Nguyễn Thị Loan, *Kế toán quản trị*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2012.

- Tài liệu tham khảo

[1] Khoa Kế toán - Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Kế toán chi phí.

[2] PGS.TS Phạm Văn Dược, ThS. Đào Tất Thắng, Bài tập Kế toán chi phí.

[3]. Phạm văn Dược, (2006), Kế toán Quản Trị, Nhà xuất bản thống kê

[4]. Huỳnh Lợi, Nguyễn Khắc Tâm, (2002), *Kế toán chi phí*, Nhà Xuất Bản Thống kê

[5]. Võ Văn Nhị, Phạm Thanh Liêm, Lý Kim Huê, (2002), Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp, Nhà xuất bản Thống kê.

[6]. Nguyễn Đình Đỗ, Trương Thị Thuỷ, Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Hà, (2006), Kế toán và phân tích chi phí – Giá Thành trong doanh nghiệp, Nhà xuất bản tài chính.

[7]. TS Phạm Văn Dược, Ths Đào Tất Thắng, Bài tập Kế toán Quản trị, Nhà xuất bản Thống kê, 2004.

[8]. Ths Huỳnh Lợi, Ths Nguyễn Khắc Tâm - Hệ thống bài tập và bài giải kế toán quản trị - Nhà xuất bản Thống kê, 2001.
[9]. Võ Thành Danh, Bùi Văn Trịnh, La Xuân Đào, (2000), Giáo trình kế toán Phân tích, Nhà xuất bản Thống kê.
[10]. Ray H. Garrison, Eric W. Noreen và Peter C. Brewer (2014), *Managerial Accounting*, 15e., McGraw-Hill.
[11]. Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel, Donald E. Kieso (2015), Managerial Accounting: Tools for Business Decision Making, 7th e., John Wiley & Sons, Inc.

- Khác

[1]. Hệ thống các thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành
[2]. Các thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế GTGT do Bộ Tài Chính hoặc Tổng cục thuế ban hành.
[3]. QĐ 206/2003/QĐ – BTC về trích khấu hao tài sản cố định v.v…

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Chương 1: Tổng quan về kế toán quản trị	4	4		8	
2	Chương 2: Phân loại chi phí	6	6		12	
3	Chương 3: Tiên đoán sự ứng xử của chi phí	7	7		14	

4	Chương 4: Phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận	7	7		14	
5	Chương 5: Báo cáo bộ phận	7	7		14	
6	Chương 6: Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn	7	7		14	
7	Chương 7: Kế hoạch cố định	7	7		14	
	TỔNG CỘNG	**45**	**45**		**90**	

Chương 1: Tổng quan về kế toán quản trị

1.1. Kế toán quản trị là gì
1.2. Vai trò của kế toán quản trị viên trong tổ chức
1.3. Các kỹ thuật và chiến lược sử dụng trong kế toán quản trị

Chương 2: Phân loại chi phí

2.1. Thông tin kế toán quản trị
2.2. Khái niệm về chi phí
2.3. Phân loại chi phí trong quá trình sản xuất
2.4. Báo cáo sản xuất
2.5. Phân loại chi phí dùng cho mục tiêu quản trị

Chương 3: Tiên đoán sự ứng xử của chi phí

3.1. Mối liên hệ giữa ứng xử của chi phí, đánh giá và tiên đoán chi phí
3.2. Khái niệm về sự ứng xử của chi phí
3.3. Chi phí khả biến
3.4. Chi phí bất biến
3.5. Chi phí hốn hợp
3.6. Một số vấn đề trong đánh giá chi phí

Chương 4: Phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận

4.1. Phân tích CVP
4.2. Các chỉ số sử dụng trong phân tích CVP
4.3. Phân tích điểm hoà vốn
4.4. Phân tích lợi nhuận mục tiêu
4.5. Giá bán tối thiểu
4.6. Ứng dụng cvp cho các quyết định quản trị
4.7. Phân tích cvp cho nhiều sản phẩm

Chương 5: Báo cáo bộ phận

4.1. Thiết lập báo cáo bộ phận

4.2. Các chỉ số trong phân tích báo cáo bộ phận
4.3. So sánh báo cáo thu nhập theo phương pháp trực tiếp và toàn bộ
4.4. Ứng dụng của phương pháp báo cáo bộ phận

Chương 6: Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn

6.1. Kế toán quản trị viên trong quá trình ra quyết định

6.2. Phân tích thông tin thích hợp

6.3. Các loại quyết định thường gặp

6.4. Giá bán tối thiểu

Chương 7: Kế hoạch cố định

7.1. Hệ thống ngân sách và kế hoạch chiến lược

7.2. Mục đích của hệ thống kế hoạch

7.3. Tiến trình lập kế hoạch

7.4. Quản lý kế hoạch

1. Tên học phần : KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 2

2. Mã học phần :3107083112

3. Số tín chỉ : (3,0,6)

4. Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 3

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý Kế toán (a)

7. Mục tiêu của học phần:

7.1 Mục tiêu chung:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nhận thức về mối liên hệ giữa Kế toán chi phí, Kế toán tài chính và kế toán quản trị. Trên cơ sở đó trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản lý luận về các phương pháp phân bổ chi phí, xây dựng định mức, các kỹ năng thực hành để ra quyết định trong dài hạn, phương pháp lập kế hoạch kinh doanh cho nhiều mức hoạt động khác nhau, định giá sản phẩm dịch vụ, phân tích báo cáo tài chính.

7.2 Mục tiêu cụ thể:

7.2.1 Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên có thể:

- Giải thích vai trò kế toán quản trị doanh nghiệp và các điểm giống khác nhau kế toán chi phí, kế toán quản trị.
- Giải thích chi phí, phân tích chi phí và các nhân tố ảnh hưởng đến các quy định về giá bán sản phẩm dịch vụ.
- Giải thích bản chất và nội dung kế toán quản trị đánh giá hiệu quả quản trị của các bộ phận.
- Phân tích thông tin và tính toán thích hợp cho việc ra các quyết định ngắn hạn, quyết định đầy đủ.

7.2.2 Kỹ năng:

- Sử dụng các công cụ định lượng và bảng tính excel cho việc tính toán và phân tích thông tin kế toán quản trị như phân tích chi phí –khối lượng – lợi nhuận, lập dự toán ngân sách tổng hợp…

- Suy nghĩ phê phán mức cơ bản về đánh giá các thông tin để đưa ra quyết định quản lý.

7.2.3: Thái độ : Rèn luyện cho sinh viên tính thận trọng trong xử lý số liệu kế toán, tự lập tinh thần yêu nghề và nhận thức đúng về đạo đức nghề nghiệp kế toán.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc kế toán quản trị bao gồm phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ, thiết lập định mức chi phí, kế hoạch linh hoạt và phân tích biến động chi phí, đnh giá sản phẩm, dịch vụ phục vụ, hoạch định vốn đầu tư dài hạn, khía cạnh xã hội và môi trường trong kế toán quản trị.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] Nguyễn Thị Loan, *Kế toán quản trị*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2012.

- Tài liệu tham khảo

[1] Khoa Kế toán - Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Kế toán chi phí.
[2] PGS.TS Phạm Văn Dược, ThS. Đào Tất Thắng, Bài tập Kế toán chi phí.
[3]. Phạm văn Dược, (2006), Kế toán Quản Trị, Nhà xuất bản thống kê
[4]. Huỳnh Lợi, Nguyễn Khắc Tâm, (2002), *Kế toán chi phí*, Nhà Xuất Bản Thống kê
[5]. Võ Văn Nhị, Phạm Thanh Liêm, Lý Kim Huê, (2002), Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp, Nhà xuất bản Thống kê.
[6]. Nguyễn Đình Đỗ, Trương Thị Thuỷ, Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Hà, (2006), Kế toán và phân tích chi phí – Giá Thành trong doanh nghiệp, Nhà xuất bản tài chính.
[7]. TS Phạm Văn Dược, Ths Đào Tất Thắng, Bài tập Kế toán Quản trị, Nhà xuất bản Thống kê, 2004.

[8]. Ths Huỳnh Lợi, Ths Nguyễn Khắc Tâm - Hệ thống bài tập và bài giải kế toán quản trị - Nhà xuất bản Thống kê, 2001.
[9]. Võ Thành Danh, Bùi Văn Trịnh, La Xuân Đào, (2000), Giáo trình kế toán Phân tích, Nhà xuất bản Thống kê.
[10]. Ray H. Garrison, Eric W. Noreen và Peter C. Brewer (2014), *Managerial Accounting*, 15e., McGraw-Hill.
[11]. Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel, Donald E. Kieso (2015), Managerial Accounting: Tools for Business Decision Making, 7th e., John Wiley & Sons, Inc.
- ***Khác***

[1]. Hệ thống các thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành
[2]. Các thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế GTGT do Bộ Tài Chính hoặc Tổng cục thuế ban hành.
[3]. QĐ 206/2003/QĐ – BTC về trích khấu hao tài sản cố định v.v…

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Chương i: Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ	5	5		10	
2	Chương ii: Thiết lập định mức chi phí	8	8		16	
3	Chương iii: Kế hoạch linh hoạt và phân tích biến động chi phí	8	8		16	

4	Chương iv: Định giá sản phẩm, dịch vụ phục vụ	8	8		16	
5	Chương v: Hoạch định vốn đầu tư dài hạn	8	8		16	
6	Chương vi: Khía cạnh xã hội và môi trường trong kế toán quản trị	8	8		16	
	TỔNG CỘNG	**45**	**45**		**90**	

Chương I: PHÂN BỔ CHI PHÍ CHO CÁC BỘ PHẬN PHỤC VỤ

I. Sự cần thiết phải phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ

II. Các nguyên tắc chung để phân bổ chi phí gián tiếp đến đối tượng chịu chi phí

III. Các vấn đề liên quan đến lựa chọn căn cứ phân bổ

IV. Các phương pháp phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ

V. Một số vấn đề cần lưu ý khi phân bổ chi phí

VI. Ảnh hưởng của việc phân bổ đến quá trình xác định chi phí của bộ phận phục vụ

Chương II: THIẾT LẬP ĐỊNH MỨC CHI PHÍ

I. Định nghĩa định mức

II. Vai trò và nguyên tắc xây dựng định mức chi phí

III. Phương pháp xác định chi phí định mức

IV. Xây dựng định mức cho các loại chi phí

Chương III: KẾ HOẠCH LINH HOẠT VÀ PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ

I. Kế hoạch linh hoạt

II. Phân tích biến động chi phí

Chương IV: ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ PHỤC VỤ

I. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định về giá

II. Các phương pháp xác định giá bán sản phẩm, dịch vụ phục vụ

Chương V: HOẠCH ĐỊNH VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

I. Đặc điểm vốn đầu tư dài hạn

II. Các bước hoạch định vốn đầu tư dài hạn

III. Kỹ thuật phân tích dự án dài hạn

IV. Các phương pháp không chiết khấu dòng tiền

V. Các phương pháp chiết khấu dòng tiền

Chương VI: KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

I. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

II. Kế toán quản trị môi trường

III. Lợi ích của việc nhận ra các tác động của môi trường và xã hội
IV. Các khó khăn khi tiếp cận khía cạnh xã hội và môi trường
V. Đo lường các hoạt động thuộc khía cạnh xã hội và môi trường

1. Tên học phần **KẾ TOÁN NHÀ NƯỚC**

2. Mã học phần **3107082108**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Cho sinh viên năm thứ 3

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý Kế toán (a)

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán Nhà nước và có khả năng vận dụng thành thạo nghiệp vụ kế toán liên quan đến nội dung đã giới thiệu trong Học phần

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn Kế Toán Nhà nước nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về công tác kế toán, hạch toán trong những đơn vị Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp như: sự nghiệp văn hoá, sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp y tế, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị hành chính thuần tuý…

Kế toán Nhà nước là một nghiệp vụ luôn gắn chặt với luật ngân sách nhà nước, giúp cho nhà quản trị có thể kiểm tra, kiểm soát và quản lý tốt đơn vị có sử dụng kinh phí nhà nước và không sử dụng kinh phí Nhà nước

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] PGS TS Phạm Văn Đăng, PGS TS Phan Thị Cúc và tập thể giảng viên Khoa Tài chính Kế toán, ĐH Công Nghiệp TP. HCM, Giáo trình Kế toán Nhà nước, NXB Thống Kê, 2007.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] Hệ thống kế toán hành chánh sự nghiệp, NXB Tài chính, 2004.
[2]. Hệ thống các thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành
[3]. Các thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế GTGT do Bộ Tài Chính hoặc Tổng cục thuế ban hành.
[4] Quyết định 206/2003/QĐ – BTC về trích khấu hao tài sản cố định.
[5]. Phan Thị Thúy Ngọc, kế toán hành chánh sự nghiệp, NXB Lao Động, 2012.
[6] Thông tư số 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định v.v…
[7] PGS TS Phạm Văn Đăng, TS Trần Phước, Th.S Nguyễn Kính; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hạnh Giáo trình Kế toán Nhà nước, NXB Thống Kê, 2009.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Tổng quan về kế toán Nhà Nước	3	3		6	
2	Kế toán ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc Nhà nước	12	12		24	
3	Kế toán hành chính sự nghiệp	25	25		50	

4	Kế toán các đơn vị đặc thù thuộc lĩnh vực kế toán Nhà nước	5	5		10	
	TỔNG CỘNG	**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN NHÀ NƯỚC

1.1 Khái niệm, vị trí và vai trò của kế toán Nhà nước

1.2 Đối tượng của kế toán Nhà nước

1.3 Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị Nhà nước

1.4 Tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị Nhà nước

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ KHO BẠC NHÀ NƯỚC

2.1. Những vấn đề chung về kế toán Ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước

2.1.1 Nhiệm vụ, yêu cầu của kế toán Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước

2.2.2 Đặc điểm của kế toán Ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán Kho bạc Nhà nước

2.2 . Kế toán thu - chi Ngân sách Nhà nước

2.2.1 Kế toán thu, chi Ngân sách Nhà nước

2.2.2 Kế toán thanh toán vốn đầu tư

2.2.3 Kế toán quỹ hoàn thuế Giá trị gia tăng

2.3 Kế toán nợ phải trả

2.3.1. Kế toán cho vay theo mục tiêu chỉ định

2.4. Kế toán thanh toán qua Kho bạc Nhà nước

2.4.1 Thanh toán liên kho bạc

2.4.3 Kế toán vốn bằng tiền

2.4.4 Kế toán điều hoà vốn Kho bạc Nhà nước

2.4.5 Kế toán quyết toán vốn Kho bạc Nhà nước

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

3.1 Nhiệm vụ, đặc điểm và tổ chức công tác kế toán Hành chính sự nghiệp

3.2 Kế toán tiền, vật tư, dụng cụ, tài sản cố định

3.3.Kế toán các khoản thanh toán

3.3 Kế toán nguồn vốn, nguồn kinh phí và quỹ cơ quan

3.4 Kế toán các khoản thu

3.5 Kế toán các khoản chi

3.6.Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh

3.7.Báo cáo tài chính

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN CÁC ĐƠN VỊ ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC KẾ TOÁN NHÀ NƯỚC

4.1 Kế toán ngân sách và tài chính xã/phường

4.2 Kế toán dự trữ quốc gia

1. Tên học phần **HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 1**

2. Mã học phần **3107082106**

3. Số tín chỉ **3 (2,2,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 30 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm: 0 tiết
- Thực hành: 30 tiết
- Tự học: 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng (a)

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm bắt các phương pháp thiết kế kế toán trên Excel hoặc được học một phần mềm kế toán thông dụng của Việt Nam, trong phạm vi chương trình chi tiết này biên soạn ứng dụng kế toán trên Excel, tương lai sẽ thay thế bằng phần mềm kế toán Việt Nam khi đủ điều kiện cho phép (trang thiết bị, bản quyền phần mềm)..

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Kế toán Excel bao gồm hai phần. Phần 1, giúp sinh viên trình bày được bảng tính Excel và áp dụng một số hàm thông dụng cho các bài tập cơ bản. Phần 2, hướng dẫn cho sinh viên áp dụng một số hàm, một số chức năng cao cấp của Excel để hoàn thành các báo cáo trong kế toán. Sinh viên sẽ được thực tập những bài tập mang tính thực tế như : Báo cáo tiền lương, báo cáo nhập xuất tồn, báo cáo thu chi, báo cáo công nợ, báo cáo thuế và các báo cáo tài chính.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp, phòng thí nghiệm và ở nhà*

1. *Dụng cụ và học liệu:giáo trình, máy tính*
2. *Khác: Theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính :

[1]. Tập thể giảng viên Khoa Tài chính Kế toán, Giáo trình Hệ thống thông tin Kế Toán P.1 (Kế toán Excel), Lưu hành nội bộ, 2012.

- Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Văn Thắng, Hướng dẫn thực hành kế toán trên Excel.

[2]. Ông Văn Thông, Hướng dẫn thực hành Excel.

[3]. Misty E. Vermaat (2013), *Microsoft Office 2013: Introductory*, Cengage Learning.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:lý thuyết* trên 70%, thực hành bắt buộc 100%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không

3. Báo cáo thực hành

- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13 Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	Ghi chú
1	Chương 1: Excel căn bản	1	2		6	
2	Chương 2: Định dạng bảng tính	3	2	2	6	
3	Chương 3: Kế toán tiền lương	5	2	4	6	
4	Chương 4: Kế toán vật tư hàng hóa thành phẩm	6	4	4	12	
5	Chương 5: Kế toán tiền mặt	6	4	4	12	
6	Chương 6: Báo cáo thuế	6	4	4	12	
7	Chương 7: Kế toán công nợ	6	4	4	12	

8	Chương 8: Lập sổ cái và Báo Cáo Tài Chính - Kiểm tra	6	4	4	12	
9	Chương 9: Tạo tự động các báo cáo và kiểm soát dữ liệu Kế Toán (Macro)	6	4	4	12	
	TỔNG CỘNG	**45**	**30**	**30**	**90**	

PHẦN 1 : EXCEL CĂN BẢN

CHƯƠNG 1 : EXCEL CĂN BẢN

1.1 Tổng quan về Excel
1.2 Thao tác cơ bản trong Excel
1.3 Thao tác lựa ô - chọn khối
1.4 Thao tác nhập liệu và hiệu chỉnh
1.5 Xử lý dòng, cột, Sheet

CHƯƠNG 2: ĐỊNH DẠNG BẢNG TÍNH

2.1 Các kiểu định dạng bảng tính

2.1.1 Định dạng font chữ
2.1.2 Trình bày vị trí dữ liệu trong ô
2.1.3 Kẻ khung – tô nền
2.1.4 Định dạng kiểu số có dấu phân cách hàng nghìn
2.1.5 Định dạng kiểu %
2.1.6 Định dạng kiểu ngảy
2.1.7 Định dạng kiểu chuỗi

2.2 Các chức năng khác

2.2.1 Chức năng điền số liên tiếp, tự động theo cột hoặc hàng
2.2.2 Sao chép dữ liệu hoặc công thức xuống dưới
2.2.3 Sao chép dữ liệu hoặc công thức qua phải
2.2.4 Sao chép đặc biệt

2.3 Hàm thường dùng trong Excel

2.3.1 Hàm (Function)
2.3.2 Địa chỉ tuyệt đối và địa chỉ tương đối
2.3.3 Đặt tên khối
2.3.4 Xóa tên khối

CHƯƠNG 3 : KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG

3.1 Thiết kế cơ sở dữ liệu

3.1.1 Hướng dẫn thực hiện lập Sheet Hồ sơ nhân viên
3.1.2 Hướng dẫn thực hiện lập Sheet Chấm công- Xếp loại
3.1.3 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Thuế thu nhập
3.1.4 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Thanh toán tiền lương
3.1.5 Các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương

3.2 Các hảm sử dụng

3.2.1 Hàm Vlookup

3.2 Dữ liệu ứng dụng

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN VẬT TƯ HÀNG HÓA THÀNH PHẨM

4.1 Thiết kế cơ sở dữ liệu

4.1.1 Hướng dẫn thực hiện lập Sheet Danh mục hàng hóa
4.1.2 Hướng dẫn thực hiện lập Sheet Danh mục khách hàng –Danh mục người cung cấp
4.1.3 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Chi tiết mua ra
4.1.4 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Chi tiết bán ra
4.1.5 Hướng dẫn thực hiện lập sheet báo cáo nhập xuất tồn
4.1.6 Các nghiệp vụ kế toán liên quan

4.2 Phương pháp thực hiện

4.2 1 Tạo Sheet Danh mục hàng hóa (DMHH)
4.2 2 Tạo Sheet Danh mục khách hàng và danh mục người cung cấp
4.2 3 Tạo Sheet Chi tiết mua hàng
4.2 4 Tạo Sheet Chi tiết bán ra
4.2 5 Tạo Sheet Báo cáo nhập xuất tồn
4.2 5 Thiết kế các nghiệp vụ kế toán

4.3 Các hàm sử dụng

4.3.1 Các hàm cơ bản
4.3.2 Hàm Sumif

CHƯƠNG 5 : KẾ TOÁN TIỀN MẶT

5.1 Thiết kế cơ sở dữ liệu

5.1.1 Hướng dẫn thực hiện lập Sheet Nhật ký thu chi tiền mặt
5.1.2 Hướng dẫn thực hiện lập Sheet Tổng hợp thu chi từng ngày
5.1.3 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Sổ quỹ tiền mặt

5.2 Các hàm sử dụng – cơ sở lý thuyết

5.2.1 Sử dụng phiếu thu - phiếu chi tiền mặt

5.2.2 Sử dụng công thức mảng
5.2.3 Chức năng lọc (Auto Filter)
5.2.4 Chức năng Advanced Filter
5.2.5 Một số ví dụ

CHƯƠNG 6: BÁO CÁO THUẾ

6.1 Thiết lập cơ sở dữ liệu
6.1.1 Hướng dẫn thực hiện lập Sheet Chi tiết hoá đơn mua vào
6.1.2 Hướng dẫn thực hiện lập Sheet Chi tiết hoá đơn bán ra
6.1.3 Hướng dẫn thực hiện lập sheet báo cáo nhập xuất tồn
6.1.4 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Tổng hợp giá trị mua vào theo thuế suất
6.1.5 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Tổng hợp giá trị bán ra theo thuế suất
6.1.6 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Tờ khai thuế GTGT
6.2 Phương pháp thực hiện
6.2.1 Sử dụng chứng từ hoá đơn mua vào , bán ra
6.2.2 Dùng chức năng trích dữ liệu
6.2.3 Dùng hàm Sumif
6.2.4 Dùng công thức mảng
6.2.5 Dùng địa chỉ cố định và địa chỉ tương đối

CHƯƠNG 7 : KẾ TOÁN CÔNG NỢ

7.1 Thiết kế cơ sở dữ liệu
7.1.1 Hướng dẫn thực hiện lập Sheet Nhật ký chung
7.1.2 Hướng dẫn thực hiện lập Sheet Sổ cái tài khoản 331
7.1.3 Hướng dẫn thực hiện lập sheet chi tiết công nợ người bán theo từng nhà cung cấp
7.1.4 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Báo cáo tổng hợp công nợ người bán
7.1.5 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Sổ cái tài khoản 331
7.1.6 Hướng dẫn thực hiện lập sheet chi tiết công nợ người mua theo từng khách hàng
7.1.7 Hướng dẫn thực hiện lập sheet Báo cáo tổng hợp công nợ người mua
7.2 Phương pháp thực hiện
7.2.1 Dùng chức năng trích dữ liệu
7.2.2 Dùng hàm IF để kiểm tra điều kiện để ghi vào các cột TK Đối ứng, Phát sinh nợ, phát sinh có.

CHƯƠNG 8 : LẬP SỔ CÁI VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

8.1 Hướng dẫn lập sheet Nhật ký chứng từ
8.2 Hướng dẫn lập sheet Bảng cân đối tài khoản
8.3 Hướng dẫn lập sheet Sổ nhật ký thu tiền
8.4 Hướng dẫn lập sheet Sổ nhật ký chi tiền
8.5 Hướng dẫn lập sheet Sổ cái các tài khoản liên quan
8.6 Hướng dẫn lập sheet Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 9 : TẠO TỰ ĐỘNG CÁC BÁO CÁO

VÀ KIỂM SOÁT DỰ LIỆU KẾ TOÁN

9.1 Tạo và sử dụng Macro
9.2 Chức năng Validation
9.3 Bảo vệ ô công thức
9.4 Gỡ bỏ chế độ bảo vệ

1. Tên học phần **HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 2**

2. Mã học phần **3107082107**

3. Số tín chỉ **3 (2,2,6)**

4. Trình độ Dùng cho sinh viên năm thứ 3

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 30 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 30 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết Tin học ứng dụng ngành Kế Toán (a)

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm được cơ sở lý luận và phương pháp thiết kế cơ sở dữ liệu kế toán và lập sổ kế toán, báo cáo kế toán trên phần mềm kế toán thông dụng Trong phạm vi chương trình chi tiết này, bộ môn Hệ thống thông tin kế toán biên soạn ứng dụng kế toán trên Microsoft Access, tương lai sẽ thay thế bằng một phần mềm kế toán khi đủ điều kiện thực hiện (trang thiết bị, bản quyền phần mềm,…).

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn học Ứng dụng Kế toán trên Access, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán trên phần mềm Microsoft Access giúp sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo nghiệp vụ kế toán liên quan cơ sở dữ liệu của Microsoft Access.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp, phòng thí nghiệm và ở nhà*
- *Dụng cụ và học liệu:giáo trình, máy tính*
- *Khác: Theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính :

[1] Tập thể giảng viên Khoa Tài chính Kế toán, *Giáo trình Hệ thống thông tin Kế Toán P.2 (Kế toán trên Access),* Lưu hành nội bộ, 2012.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1]. Trần Văn Thắng, Hướng dẫn thực hành kế toán trên Excel.
[2]. Ông Văn Thông, Hướng dẫn thực hành Excel.
[3]. Misty E. Vermaat (2013), *Microsoft Office 2013: Introductory*, Cengage Learning.
[4] Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, Giáo trình Microsoft Access.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:lý thuyết* trên 70%, thực hành bắt buộc 100%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:không*

4. Báo cáo thực hành

- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13 Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Mở đầu	1	1			
2	Table và relationship	5	1	4	6	
3	Một số thao tác trên cơ sở dữ liệu	6	2	4	6	
4	Query	12	4	8	10	
	Kiểm tra	1	1			
5	Form	6	2	4	10	
6	Report	6	2	4	10	

7	Truyền tham số	5	1	4	4	
8	Macro	3	1	2	4	
9	Lập trình module với Access basic				10	
	TỔNG	**45**	**15**	**30**		

CHƯƠNG 1 : MỞ ĐẦU

1.1 Các khái niệm về cơ sở dữ liệu

1.1.1 Mối quan hệ giữa các Table trong cơ sở dữ liệu

1.1.2 Field khoá chính

1.2 Giới thiệu về microsoft access

1.1.1 Khởi động Access. Cửa sổ làm việc của Access

1.1.2 Tạo, mở, đóng một Database

1.1.3 Các thành phần trong một Database

1.1.4 Làm việc trong cửa sổ Database

1.1.5 Quản lý các thành phần của Database

1.1.6 Sử dụng Toolbar

1.1.7 Hiển thị các Toolbar, ToolTip, và Status Bar

1.1.8 Mở Menu tắt

1.1.9 Thoát khỏi Access

CHƯƠNG 2 : TABLE VÀ RELATIONSHIP

2.1 Cấu trúc logic của 1 table

2.2 Tạo table bằng wizard

2.3 Thiết kế table - chế độ design view

2.3.1 Vào ra chế độ Design view

2.3.2 Các thành phần của một Table ở chế độ Design View

2.3.2.1 Field Name

2.3.2.2 Data type

2.3.2.3 Description

2.3.2.4 Field properties

2.3.3 Chi tiết về một số thuộc tình của field

2.3.4 Các thao tác xử lý thiết kế Table

2.3.4.1 Chèn 1 field

2.3.4.2 Xóa field

2.3.4.3 Thay đổi vị trí field

2.3.5 Khoá chính(Primary Key)

2.3.5.1 Khái niệm

2.3.5.2 Tạo khoá

2.3.5.3 Xoá khóa

2.4 Chế độ datasheet

2.4.1 Vào ra chế độ datasheet

2.4.2 Các thao tác cập nhật dữ liệu

2.4.2.1 Thêm record

2.4.2.2 Sửa chữa record

2.4.2.3 Xoá record

2.4.2.4 Tìm kiếm

2.4.2.5 Thay thế

2.4.2.6 Sao chép và di chuyển

2.4.2.7 Nhập và sửa chữa dữ liệu kiểu OLE Object

2.4.3 Sắp xếp record

2.4.4 Lọc record

2.5 Sao chép, xoá, đổi tên table

2.5.1 Sao chép: cùng cơ sở dữ liệu, khác cơ sơ dữ liệu

2.5.2 Xóa

2.5.3 Đổi tên

2.6 Quan hệ giữa các table

2.6.1 Các loại mối quan hệ

2.6.2 Khai báo quan hệ giữa các Table

2.6.3 Xóa, sửa dây quan hệ

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ THAO TÁC TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU

3.1 Tổng quan

3.2 Import và attach

3.2.1 Import hay Attach nói chung

3.2.2 Import hay Attach Table từ Foxpro

3.2.3 Import hay Attach Table từ Excel

3.2.4 Import hay Attach một đối tượng từ 1 cơ sở dữ liệu khác

3.2.5 Sử dụng các đối tượng Attach

3.3 Export

3.3.1 Thao tác Export nói chung

3.3.2 Export sang Excel, Foxpro

3.3.3 Export sang một cơ sở dữ liệu khác của Access

3.4 Sửa chữa một database hỏng

CHƯƠNG 4 : QUERY

4.1 Khái niệm

4.2 Tạo mới - xem kết quả một query

4.2.1 Tạo mới một Query

4.2.2 Xem kết quả một Query

4.2.3 Tạo Field tính toán trong Query

4.2.4 Chỉnh thuộc tính trong Query

4.3 Đặt điều kiện trong query

4.4 Các phép toán

4.4.1 Các phép toán số học

4.4.2 Phép toán ghép chuỗi

4.4.3 Các phép toán so sánh

4.4.4 Các phép toán Logic

4.4.5 Phép so sánh mẫu

4.4.6 Phép toán Between...And...

4.4.7 Phép toán In

4.5 Xem câu lệnh sql phát sinh

4.6 Tổng hợp dữ liệu bằng select query

4.7 Crosstab query

4.7.1 Khái niệm

4.7.2 Tạo Crosstab Query bằng Wizard

4.7.3 Tạo Crosstab Query không dùng Wizard

4.8 Các loại query wizard khác

4.8.1 Find Duplicate Query

4.8.2 Find Unmatched Query

4.8.43 Archive Query

4.9 Các loại action query

4.9.1 Make Table Query

4.9.2 Update Query

4.9.3 Append Query

4.9.4 Delete Query

4.10 Query union

CHƯƠNG 5 : FORM

5.1 Tạo form bằng wizard

5.1.1 Single Column

5.1.2 Tabular

5.1.3 Main.Sub Form

5.1.4 AutoForm

5.2 Lưu và xem kết quả một form

5.3 Thiết kế form

5.5.3.1 Các thành phần trong một Form

5.3.2 Các bước thiết kế

5.3.3 Các nút công cụ

5.3.4 Thiết kế Form dạng Main Sub Form

CHƯƠNG 6 : REPORT

6.1 Tạo report bằng wizard

6.1.1 Single Column

6.1.2 Groups.Totals

6.1.3 Summary

6.1.4 Tabular

6.1.5 Mailing Label

6.1.6 AutoReport

6.2 Lưu và xem kết quả một report

6.3 Thiết kế report

6.3.1 Các thành phần trong một Report

6.6.3.2 Các bước thiết kế

6.3.3 Các nút công cụ

6.3.4 Thiết kế Report dạng Groups.Totals

6.4 In report

CHƯƠNG 7 : TRUYỀN THAM SỐ

7.1 Tên dầy đủ của một đối tương

7.1.1 Đối tượng nằm trong Table hoặc Query

7.1.2 Đối tượng nằm trong Form

7.2 Truyền tham số từ bàn phím vào query

7.2.1 Cách đặt tham số

7.2.2 Khai báo kiểu dữ liệu của tham số

7.3 Truyền tham số từ form vào query

7.4 Truyền tham số giữa các thành phần của form

CHƯƠNG 8 : MACRO

8.1 Khái niệm

8.2 Tạo mới một macro

8.3 Thi hành một macro

8.4 Action va action argument

8.5 Macro group

8.6 Macro có điều kiện

8.7 Macro

8.8 Áp dụng macro vào form và report

CHƯƠNG 9 : LẬP TRÌNH TRONG MODULE VỚI ACCESS BASIC

9.1 Giới thiệu access basic

9.2 Các module va thủ tục trong access basic

9.3 Module trên form và report

9.3.1 Tạo một thủ tục mẫu

9.3.2 Thao tác trên Module cho Form và Report

9.3.3 Dùng Toolbar để tạo, sửa đổi thủ tục

9.4 Module toán cục

9.4.1 Tạo mới một Module

9.4.2 Tạo ra các Function mẫu

9.5 Mở và sửa chữa một module

9.6 Pham vi của thủ tục và hàm

9.7 Biến, hằng và kiểu dữ liệu

9.7.1 Khai báo biến

9.7.2 Biến toàn cục

9.7.3 Biến tĩnh

9.7.4 Hằng

9.7.5 Mảng

9.8 Kiểu dữ liệu do ngươi dùng định nghĩa

9.9 Khai báo tham số cho hàm và thủ tuc

9.10 Cấu trúc rẽ nhánh

9.10.1 If

9.10.2 Select Case

9.11 Cấu trúc lặp

9.11.1 Do … Loop

9.11.2 While...Wend

9.11.3 For..Next

9.12 Bẫy lỗi

1. Tên học phần **PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

2. Mã học phần **3107082101**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 3

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức và các phương pháp phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến việc phân tích hoạt động kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp trên thị trường. Học phần này nhằm giúp cho các nhà lãnh đạo, các nhà đầu tư, các cơ quan nhà nước có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên các lĩnh vực: sản xuất, tiêu thụ, tài chính .

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] GS TS Nguyễn Văn Công, *Phân tích Hoạt động Kinh doanh*, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân 2013.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] Khoa Kế toán - Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Kế toán chi phí.

[2] PGS.TS Phạm Văn Dược, ThS. Đào Tất Thắng, Bài tập Kế toán chi phí.
[3] TS. Phạm Văn Dược, Phân tích Hoạt động Kinh doanh, NXB Thống Kê.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Cở sở lý luận phân tích hoạt động kinh doanh	2	2		4	
2	Các phương pháp phân tích	9	9		18	
3	Phân tích chi phí, giá thành	7	7		14	
4	Phân tích tiêu thụ sản phẩm	9	9		18	
5	Phân tích doanh thu, lợi nhuận	9	9		18	
6	Phân tích báo cáo tài chính	9	9		18	
	TỔNG CỘNG	**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Đối tượng và nhiệm vụ của phân tích hoạt động kinh doanh

1.1.1 Đối tượng

1.1.2 Nhiệm vụ

1.2 Nội dung và quy trình phân tích hoạt động kinh doanh

1.2.1 Nội dung
1.2.2 Các bước trong quy trình hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 2 : CÁC PHƯƠNG PHÁP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

2.1 Các quan điểm cơ bản trong hoạt động kinh doanh

2.2 Phương pháp so sánh

2.2.1 So sánh tuyệt đối

2.2.2 So sánh tương đối

2.2.3 So sánh hiệu suất %

2.3 Phương pháp phân tích nhân tố

2.3.1 Phân tích nhân tố thuận

2.3.2 Phân tích nhân tố nghịch

2.4 Phương pháp cân đối

CHƯƠNG 3 : PHÂN TÍCH CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH

3.1 Khai niệm và phân loại chi phí
3.1.1 Phân loạt theo tính chất của chi phí
3.1.2 Phân loạt theo chức năng
3.1.3 Phân loại theo tính trực tiếp và gián tiếp của chi phí
3.2 Phân tích tình hình biến động tổng chi phí

CHƯƠNG 4 : PHÂN TÍCH TIÊU THỤ SẢN PHẨM

4.1 Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm
4.1.1 Phân tích chung tình hình tiêu thụ sản phẩm
4.1.2 Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm theo cơ cấu mặt hàng
4.2 Phân tích kết quả tiêu thụ sản phẩm

CHƯƠNG 5 : PHÂN TÍCH DOANH THU, LỢI NHUẬN

5.1 Phân tích chung tình hình thực hiện lợi nhuận
5.2 Phân tích tình hình lợi nhuận theo cơ cấu mặt hàng
5.3 Phân tích tình hình lợi nhuận trong mối quan hệ với doanh thu và chi phí

CHƯƠNG 6 : PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.1 Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.2 Phân tích bảng cân đối tài sản

6.3 Phân tích bảng luân chuyển tiền tệ

1. Tên học phần **KIỂM TOÁN 1**

2. Mã học phần **3107083111**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 3

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính doanh nghiệp P2 (a)

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng hiểu biết những kiến thức cơ bản về công việc kiểm toán.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Kiểm toán bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản về kiểm toán, quy trình kiểm toán, và thủ tục kiểm toán các khoản mục chủ yếu của Báo cáo tài chính doanh nghiệp.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] Tập thể giảng viên Khoa Tài chính Kế toán, Giáo trình Kiểm toán, Đại học Công Nghiệp Tp. HCM, Lưu hành nội bộ, 2007.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] Tập thể tác giả Khoa Kế Toán Kiểm Toán Trường ĐH Kinh Tế, Giáo trình Kiểm toán, NXB Lao Động Xã Hội, 2014.

[2]. ACCA, Audit and internal review, Foulks Lynch Publication, International Edition, 2002
[3]. Karla M. Johnstone, Audrey A. Gramling, Larry Rittenberg (2014), *Auditing: A Risk-Based Approach to Conducting a Quality Audit*, 9th e.
[4]. Messier, Glover & Prawitt, *Auditing Assurance Service: A Sytematic Approach*, 8e. 2012, McGraw-Hill/Irwin.
[5]. Beasley, Buckless, Glover & Prawitt, *Auditing Cases: Interactive Learning Approach*, 5e. 2012, Prentice Hall.
[6]. Arens et. al (2011), Auditing: An Integrated approach.
[7]. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
[8]. ACCA Study Text, Paper F8 – Audit and Asurance (International), BPP Learning Media, 2011.
[9]. Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
[10]. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
[11]. Chương trình kiểm toán mẫu của VACPA.
[12]. International Standards on Auditing (ISAs)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận:* không
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Tổng quan về kiểm toán	9	9		18	
2	Các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán	12	12		24	

3	Phương pháp kiểm toán	12	12		24	
4	Quy trình kiểm toán Báo cáo tài chính	12	12		24	
	TỔNG CỘNG	**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN

1.1 Khái niệm

1.2 Đối tượng nghiên cứu kiểm toán

1.2.1 Đối tượng chung

1.2.2 Đối tượng cụ thể

1.2 Phân loại

1.2.1 Phân loại theo mục đích (theo chức năng)

1.2.2 Phân loại theo chủ thể kiểm toán

1.3 Chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán

1.3.1 Kiểm toán độc lập

1.3.2 Kiểm toán nhà nước

1.3.3 Kiểm toán nội bộ

1.4 Kiểm toán viên, Doanh nghiệp kiểm toán và hiệp hội nghề nghiệp

1.4.1 Kiểm toán viên

1.4.2 Doanh nghiệp kiểm toán

1.4.3 Hiệp hội nghề nghiệp

1.5 Chuẩn mực kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp

1.5.1 Chuẩn mực kiểm toán

1.5.2 Đạo đức nghề nghiệp

CHƯƠNG 2 : CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN SỬ DỤNG TRONG KIỂM TOÁN

2.1 Bằng chứng kiểm toán

2.1.1 Bằng chứng kiểm toán

2.1.2 Cơ sở dẫn liệu

2.2 Hệ thống kiểm soát nội bộ

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Môi trường kiểm soát

2.2.3 Hệ thống kế toán

2.2.4 Các thủ tục kiểm soát

2.3 Trọng yếu

2.3.1 Khái niệm

2.3.2 Các bước xác định mức trọng yếu

2.4 Rủi ro kiểm toán

2.4.1 Các khái niệm

2.4.2 Mối quan hệ giữa các loại rủi ro kiểm toán

2.4.3 Mối quan hệ giữa trọng yếu và rủi ro kiểm toán

2.5 Gian lận và sai sót

2.5.1 Các khái niệm

2.5.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến gian lận và sai sót

2.5.3 Trách nhiệm của kiểm toán viên ảnh hưởng đến gian lận và sai sót

2.6 Hoạt động liên tục

2.6.1 Khái niệm

2.6.2 Các dấu hiệu ảnh hưởng đến hoạt động liên tục

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN

3.1 Các phương pháp kiểm toán cơ bản

3.1.1 Phương pháp phân tích đánh giá tổng quát

3.1.2 Phương pháp kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ kinh tế và số dư tài khoản

3.2 Kỹ thuật lấy mẫu kiểm toán

3.2.1 Khái niệm

3.2.2 Phương pháp chọn mẫu

3.2.3 Kỹ thuật phân tổ

3.2.4 Chương trình chọn mẫu kiểm toán

CHƯƠNG 4 : QUY TRÌNH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4.1 Lập kế hoạch kiểm toán

4.1.1 Kế hoạch chiến lược

4.1.2 Kế hoạch kiểm toán chi tiết

4.1.3 Chương trình kiểm toán

4.2 Thực hiện kiểm toán

4.2.1 Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ

4.2.2 Kiểm toán các khoản mục liên quan đến báo cáo tài chính

4.2.3 Phân tích, đánh giá

4.3 Báo cáo kiểm toán

4.3.1 Lập báo cáo kiểm toán

4.3.2 Hoàn chỉnh hồ sơ kiểm toán

4.3.3 Các sự kiện phát sinh trước và sau ngày phát hành báo cáo kiểm toán

1. Tên học phần **KIỂM TOÁN 2**

2. Mã học phần **3107083113**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dùng cho sinh viên năm thứ 3

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 0 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần kiểm toán phần 2 cung cấp kiến thức về phương pháp thực hiện cuộc kiểm toán các khoản mục chủ yếu của Báo cáo tài chính doanh nghiệp.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] Tập thể giảng viên Khoa Tài chính Kế toán, Giáo trình Kiểm toán, Đại học Công Nghiệp Tp. HCM, Lưu hành nội bộ, 2007.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] Tập thể tác giả Khoa Kế Toán Kiểm Toán Trường ĐH Kinh Tế, Giáo trình Kiểm toán, NXB Lao Động Xã Hội, 2014.

[2]. ACCA, Audit and internal review, Foulks Lynch Publication, International Edition, 2002

[3]. Karla M. Johnstone, Audrey A. Gramling, Larry Rittenberg (2014), *Auditing: A Risk-Based Approach to Conducting a Quality Audit*, 9th e.
[4]. Messier, Glover & Prawitt, *Auditing Assurance Service: A Sytematic Approach*, 8e. 2012, McGraw-Hill/Irwin.
[5]. Beasley, Buckless, Glover & Prawitt, *Auditing Cases: Interactive Learning Approach*, 5e. 2012, Prentice Hall.
[6]. Arens et. al (2011), Auditing: An Integrated approach.
[7]. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
[8]. ACCA Study Text, Paper F8 – Audit and Asurance (International), BPP Learning Media, 2011.
[9]. Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
[10]. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
[11]. Chương trình kiểm toán mẫu của VACPA.
[12]. International Standards on Auditing (ISAs)
[13]. W.B Meigs, O.R. Whitington, K.Pany and R.F Meigs, Principles of Auditing, 10e. Homewood, IL: Irwin.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: không*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	Chương 1: Tổng quan kiểm toán báo cáo tài chính doanh	7	7		14	
2	Chương 2: Kiểm toán các khoản mục tài sản ngắn hạn	7	7		14	
3	Chương 3: Kiểm toán khoản mục tài sản dài hạn	7	7		14	

4	Chương 4: Kiểm toán Nợ phải trả	8	8		14	
5	Chương 5: Kiểm toán Vốn chủ sở hữu	8	8		16	
6	Chương 6: Kiểm toán Doanh thu - chi phí	8	8		16	
	TỔNG CỘNG	**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1 Kiểm toán tài sản ngắn hạn

1.1.1 Mục tiêu

1.1.2 Phương pháp

1.2 Kiểm toán tài sản dài hạn

1.2.1 Mục tiêu

1.2.2 Phương pháp

5.3 Kiểm toán nợ phải trả

1.3.1 Mục tiêu

1.3.2 Phương pháp

1.4 Kiểm toán vốn chủ sở hữu

1.4.1 Mục tiêu

1.4.2 Phương pháp

1.5 Kiểm toán doanh thu – thu nhập và chi phí

1.5.1 Mục tiêu

1.5.2 Phương pháp

1.6 Báo cáo tài chính được kiểm toán

1.6.1 Mục tiêu

1.6.2 Phương pháp

CHƯƠNG 2: KIỂM TOÁN TÀI SẢN NGẮN HẠN

2.1 Tổng quan tài sản ngắn hạn

2.2 Quy trình kiểm toán

CHƯƠNG 3: KIỂM TOÁN TÀI SẢN DÀI HẠN

3.1 Tổng quan tài sản dài hạn

3.2 Quy trình kiểm toán

CHƯƠNG 4: KIỂM TOÁN NỢ PHẢI TRẢ

4.1 Tổng quan nợ phải trả

4.2 Quy trình kiểm toán

CHƯƠNG 5: KIỂM TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

5.1 Tổng quan vốn chủ sở hữu

5.2 Quy trình kiểm toán

CHƯƠNG 6: KIỂM TOÁN DOANH THU – THU NHẬP VÀ CHI PHÍ

6.1 Tổng quan doanh thu – thu nhập và chi phí

6.2 Quy trình kiểm toán

1. Tên học phần **KẾ TOÁN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

2. Mã học phần **3107083199**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 30 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Lý thuyếtTài chính – tiền tệ (a)

7. Mục tiêu của học phần:

7.1 Mục tiêu chung:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản của kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế

7.2 Mục tiêu cụ thể:

7.2.1 Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cụ thể về:

Giải thích được môi trường kế toán quốc tế, các thuật ngữ chuyên ngành trong kế toán quốc tế;

So sánh được hệ thống kế toán quốc tế với kế toán Việt Nam; và

Vận dụng được kiến thức kế toán quốc tế vào đơn vị có yêu cầu.

. 7.2.2 Kỹ năng:

- Phân tích kế toán quốc tế và kế toán Việt Nam; và

- Phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm có liên quan đến chuyên

7.2.3Thái độ:

- Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình, đam mê nghề nghiệp; có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, sẵn sàng làm việc độc lập, làm việc với người khác, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm; và
- Trung thực, trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản của kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế. Cụ thể, nội dung môn học trang bị các kiến thức về Tổng quan về kế toán quốc tế, Tổ chức lập qui trình soạn thảo ban hành chuẩn mực, Khuôn mẫu lý thuyết chuẩn mực BCTC quốc tế, Hệ thống chuẩn mực BCTC. Từ đó, sinh viên vận dụng để thực hiện đối chiếu hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế với các quốc gia riêng biệt.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] Tập thể giảng viên Khoa Kế toán Kiểm toán, Giáo trình Kế toán Quốc tế Trường ĐH Ngân hàng TP. HCM.

- ***Tài liệu tham khảo***

[1] PGS.TS Trần Ngọc Thơ, Tài chính doanh nghiệp hiện đại, NXB Giáo dục.

[2] TS Nguyễn Quang Thu, Quản trị tài chính căn bản, NXB Giáo dục.

[3] Nguyễn Hải Sản, Quản trị tài chính doanh nghiệp, NXB Thống kê.

[4] TS Nguyễn Văn Thuận, Quản trị tài chính, NXB Tp Hồ Chí Minh.

[5] Financial Accounting, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2005

[6] International Accounting 2nd edition, Timothy Doupnik, Hector Perera, McGraw-Hill Higher Education

- ***Khác***

[1] Tạp chí Tài chính, Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Chứng khoán, Kế toán, Thì trường tiền tệ ……

[2] Hệ thống các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS/IFRS

[3] Hệ thống các chuẩn mực kế toán MỸ US GAAP

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%

- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: không*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUỐC TẾ	6	6		12	
2	CHƯƠNG 2 - TỔ CHỨC LẬP QUI VÀ QUI TRÌNH SOẠN THẢO CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	10	10		20	
3	CHƯƠNG 3 - KHUÔN MẪU LÝ THUYẾT CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	10	10		20	
4	CHƯƠNG 4 - HỆ THỐNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	10	10		20	
5	CHƯƠNG 5 - ĐỐI CHIẾU HỆ THỐNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VỚI CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM	9	9		18	
	Tổng cộng	**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG 1 - TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUỐC TẾ

1.1. Lược sử quá trình hình thành và phát triển chuẩn mực kế toán quốc tế

1.1.1. Giai đoạn hình thành
1.1.2. Giai đoạn phát triển
1.2. Đối tượng nghiên cứu của kế toán quốc tế
1.3. Các khái niệm liên quan đến kế toán quốc tế
1.3.1. Các khái niệm về chuẩn mực kế toán và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế
1.3.2. Khái niệm về kế toán quốc tế
1.4. Các tổ chức quốc tế về kế toán
1.4.1. Tổ chức Liên đoàn kế toán quốc tế
1.4.2. Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế
1.4.3. Các tổ chức liên quan khác
1.5. Những nhân tố tác động đến kế toán quốc tế
1.5.1. Vai trò của các nhân tố tác động đến kế toán quốc tế
1.5.2. Nội dung và mức độ ảnh hưởng các nhân tố tác động đến kế toán quốc tế
CHƯƠNG 2 - TỔ CHỨC LẬP QUI VÀ QUI TRÌNH SOẠN THẢO CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
2.1. Tổ chức lập qui
2.1.1. Tổng quan về các lý thuyết lập qui
2.1.2. Nội dung của tổ chức lập qui quốc tế
2.2. Qui trình ban hành chuẩn mực báo cáo tài chính
CHƯƠNG 3 - KHUÔN MẪU LÝ THUYẾT CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
3.1. Tổng quan về IFRS Framework
3.1.1. Khái niệm
3.1.2. Mục tiêu
3.1.3. Vai trò
3.2. Nội dung cơ bản của IFRS Framework
3.2.1. Báo cáo tài chính cho mục tiêu chung
3.2.2. Doanh nghiệp báo cáo
3.2.3. Các đặc điểm chất lượng của thông tin tài chính hữu ích
3.2.4. Khuôn mẫu chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế
CHƯƠNG 4 - HỆ THỐNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
4.1. Tổng quan về hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế
4.1.1. Đặc điểm cơ bản
4.1.2. Vai trò
4.2. Những nội dung cơ bản của chuẩn mực BCTC quốc tế
4.2.1. Các chuẩn mực kế toán quốc tế
4.2.2. Các chuẩn mực BCTC quốc tế

4.2.3. Các hướng dẫn chuẩn mực

CHƯƠNG 5 - ĐỐI CHIẾU HỆ THỐNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VỚI CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

5.1. Hệ thống chuẩn mực kế toán của Việt Nam

5.1.1. Qui định pháp lý
5.1.2. Tổ chức lập qui
5.1.3. Qui trình ban hành chuẩn mực
5.1.4. Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc gia
5.1.5. Triển khai áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán trong thực tế

5.2. Đối chiếu một số chuẩn mực BCTC quốc tế với chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

1. Tên học phần **KẾ TOÁN NGÂN HÀNG**

2. Mã học phần **3107083109**

3. Số tín chỉ **3 (3,0,6)**

4. Trình độ Dành cho sinh viên năm thứ 2

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp : 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết
- Thực hành : 30 tiết
- Tự học : 90 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Lý thuyếtTài chính – tiền tệ (a)

7. Mục tiêu của học phần:

7.1 Mục tiêu chung:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản của kế toán ngân hàng.

7.2 Mục tiêu cụ thể:

7.2.1 Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cụ thể về:

Giải thích được môi trường kế toán ngân hàng, các thuật ngữ chuyên ngành trong kế toán ngân hàng;

Vận dụng được kiến thức kế toán ngân hàng vào đơn vị có yêu cầu.

. 7.2.2 Kỹ năng:

Vận dụng cơ chế, nghiệp vụ, nguyên tắc chuẩn mực kế toán trong công tác kế toán ngân hang.

7.2.3Thái độ:

- Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình, đam mê nghề nghiệp; có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, sẵn sàng làm việc độc lập, làm việc với người khác, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm; và
- Trung thực, trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị kiến thức cơ bản về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại, cụ thể như: Tổ chức công tác kế toán trong hoạt động ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ huy động vốn; Kế toán các nghiệp vụ cho vay; Kế toán các nghiệp vụ thanh toán không dùng

tiền mặt; Kế toán thanh toán vốn giữa các ngân hàng; Kế toán TSCĐ và công cụ lao động; Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ; Kế toán chi phí, thu nhập, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: trên 70%*
- *Bài tập: trên lớp và ở nhà*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính

[1] Tập thể giảng viên Khoa Kế toán Kiểm toán, *Giáo trình Kế toán Ngân hàng*, NXB Phương Đông, 2012.

- Tài liệu tham khảo

[1] TS Nguyễn Thị Loan & Lâm Thị Hồng Hoa, Kế toán Ngân hàng, NXB Thống kê 2009.

[2]. TS.Trương Thị Hồng, Kế Toán Ngân Hàng Lý Thuyết & Bài Tập, NXB Tài Chính 2006.

[3]. Morton, Davis Walter (2014), *Banking and Bank Accounting: An Advanced Set On The Individual Business Practice Plan*, Nabu Press.

[4]. Neal, E Virgil (2010), *Modern Banking and Bank Accounting: Containing a Complete Exposition of the Most Approved Methods of Bank Accounting; Designed As a Text Book ...*, Nabu Press.

[5]. Marsh, C. C (1978), *The theory and practice of bank book-keeping and joint stock accounts (The Development of contemporary accounting thought)*, Arno Press.

- ***Khác***

[1] Tạp chí Tài chính, Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Chứng khoán, Kế toán, Thì trường tiền tệ ……

[2] Thông tư số 10/2014/TT-NHNN.

[3] Hệ thống các chuẩn mực kế toán MỸ US GAAP

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- *Dự lớp:* trên 70%
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: không*
- *Kiểm tra thường xuyên*
- *Thi giữa học phần*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác:* theo yêu cầu của giảng viên

12. Thang điểm thi: Theo qui chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
1	CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG	5	5		10	
2	CHƯƠNG II: KẾ TOÀN NGHIỆP VỤ NGUỒN VỐN NGÂN HÀNG	5	5		10	
3	CHƯƠNG III: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TIỀN GỬI VÀ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG	5	5		10	
4	CHƯƠNG IV: KẾ TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ THANH TOÁN VỐN GIỮA CÁC NGÂN HÀNG	6	6		12	
5	CHƯƠNG V: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG – ĐẦU TƯ	6	6		12	
6	CHƯƠNG VI: KẾ TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ NGOẠI TỆ.	6	6		12	

7	CHƯƠNG VII: HẠCH TOÁN TSCĐ – CÔNG CỤ LAO ĐỘNG.	6	6		12	
8	CHƯƠNG VIII: HẠCH TOÁN THU NHẬP – CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH.	6	6		12	
	Tổng cộng	**45**	**45**		**90**	

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

I. Khái niệm về kế toán ngân hàng.
II. Đối tượng phục vụ của Kế toán ngân hàng.
III. Phân loại ngân hàng và tình hình tài chính.
IV. Môi trường kế toán và các nguyên tắc kế toán.
V. Tài khoản và hệ thống tài khoản Kế toán ngân hàng.
VI. Chứng từ Kế toán ngân hàng.
VII. Tổ chức kế toán ngân hàng.

CHƯƠNG II: KẾ TOÀN NGHIỆP VỤ NGUỒN VỐN NGÂN HÀNG.

I. Khái quát về nguồn vốn ngân hàng.
II. Nguyên tắc kế toán.
III. Phương pháp hạch toán.

CHƯƠNG III: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TIỀN GỬI VÀ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG.

I. Khái quát về tiền gửi.
II. Nguyên tắc kế toán và báo cáo áp dụng cho tiền gửi.
III. Tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và phương pháp hạch toán.
IV. Tiền gửi thanh toán và dịch vụ thanh toán qua ngân hàng.

CHƯƠNG IV: KẾ TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ THANH TOÁN VỐN GIỮA CÁC NGÂN HÀNG.

I. Những vấn đề chung về nghiệp vụ thanh toán giữa các ngân hàng.

1. Sự cần thiết và ý nghĩa nghiệp vụ thanh toán vốn.

2. Điều kiện thực hiện nghiệp vụ thanh toán vốn.

3. Các hình thức thanh toán vốn giữa các ngân hàng.

II. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ thanh toán vốn chủ yếu.

1. Thanh toán liên hàng.

2. Thanh toán qua tài khoản tiền gửi ngân hàng Nhà nước.

3. Thanh toán bù trừ giữa các ngân hàng.

CHƯƠNG V: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG – ĐẦU TƯ.

I. Kế toán nghiệp vụ tín dụng.

1. Những vấn đề chung về kế toán nghiệp vụ tín dụng.

2. Tài khoản hạch toán.

3. Kế toán nghiệp vụ tín dụng.

II. Kế toán nghiệp vụ đầu tư.

1. Mua bán chứng khoán.
2. Góp vốn mua cổ phần.

CHƯƠNG VI: KẾ TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ NGOẠI TỆ.

I. Những vấn đề chung về hoạt động ngoại tệ.

II. Tài khoản hạch toán.

III. Kế toán nghiệp vụ ngoại tệ.

III.1. Nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ.

1. Kế toán các Hợp đồng mua bán giao ngay (Spot).

2. Kế toán các hợp đồng mua bán có kỳ hạn (Forward).

3. Kế toán Hợp đồng Swap.

4. Kế toán đánh giá lại ngoại tệ và kết quả kinh doanh ngoại tệ.

III.2. Nghiệp vụ thanh toán phi mậu dịch.

1. Quản lý tài khoản không cư trú
2. Kế toán thanh toán chuyển tiền.

3. Thẻ tín dụng (Credit card).

III.3. Nghiệp vụ thanh toán mậu dịch (Thanh toán xuất nhập khẩu).

1. Thanh toán ủy thác thu.

2. Phương thức thanh toán thư tín dụng.

3. Các nghiệp vụ thanh toán trong nước của các tổ chức kinh tế.

CHƯƠNG VII: HẠCH TOÁN TSCĐ – CÔNG CỤ LAO ĐỘNG.

I. Hạch toán tài sản cố định (TSCĐ).

II. Hạch toán xây dựng cơ bản (công trình XDCB tự làm).

III. Hạch toán công cụ lao động (CCLĐ).

CHƯƠNG VIII: HẠCH TOÁN THU NHẬP – CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH.

I. Đặc điểm cơ chế tài chính trong ngân hàng.

II. Hạch toán thu nhập.

III. Hạch toán chi phí.

IV. Hạch toán kết quả và phân phối kết quả kinh doanh.

1. Tên học phần : KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2. Mã học phần : 3107083198

3. Số tín chỉ : 3 (0,6,6)

4. Trình độ : Sinh viên năm thứ 3

5. Phân bố thời gian :

- *Lên lớp : 0 tiết*
- *Thực tập phòng thí nghiệm : 0 tiết*
- *Thực hành : 90 tiết*
- *Tự học : 90 tiết*

6. Điều kiện tiên quyết:

7. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng tổng hợp kiến thức về chuyên ngành Quản trị Kinh Doanh. Đây là luận văn cần thiết cho sinh viên hoàn chỉnh kiến thức đã học.

8. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Luận văn chuyên ngành về một đề tài cụ thể bao gồm: phần mở đầu, phần tổng quan, những nghiên cứu thực nghiệm hoặc lý thuyết, đánh giá phân tích các kết quả và đưa ra kết luận cũng như các kiến nghị cần thiết.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Qui định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM, Quyết định số: 1780/QĐ-LTT và quy chế hiện hành của nhà trường.

- *Dự lớp: theo yêu cầu của giảng viên*
- *Bài tập: theo yêu cầu của giảng viên*
- *Khác: theo yêu cầu của giảng viên*

10.Tài liệu học tập:

- ***Sách giáo trình chính***

- [1] PGS.TS Đinh Phi Hổ, *Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ*, NXB Phương Đông, 2014.

- ***Sách tham khảo***

- [1] Nguyễn Đình Thọ, G*iáo trình Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, NXB Lao động Xã hội, 2013.

- [2] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. TP.HCM. NXB Thống Kê, 2005.

- [3] D. Cooper and P. Schindler (2013). *Business Research Methods* 12e. McGraw-Hill Education.
- [4] William G. Zikmund, Barry J. Babin, Jon C. Carr, Mitch Griffin (2012), *Business Research Methods 9e*. South-Western College Pub.
- [5] Darren George, Paul Mallery (2013*). IBM SPSS Statistics 21 Step by Step: A Simple Guide and Reference*, 13e. Pearson Education In.
- [6] Charles Lipson (2005). *How to Write a BA Thesis: A Practical Guide from Your First Ideas to Your Finished Paper*. University of Chicago Press.
- [7] Rowena Murray (2011). *How to Write a Thesis (Open Up Study Skills)* 3e. Open University Press.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- *Dự lớp*
- *Thảo luận theo nhóm*
- *Tiểu luận: không*
- *Thi kết thúc học phần*
- *Khác: theo yêu cầu của giáo viên*

12. Thang điểm: Theo học chế tín chỉ

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
1	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI.	9		18	18	
2	CHƯƠNG 2 : CƠ SỞ LÝ LUẬN.	9		18	18	
3	CHƯƠNG 3 : PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	9		18	18	
4	CHƯƠNG 4 : PHÂN TÍCH VÀ DIỄN GIẢI	9		18	18	
5	CHƯƠNG 5 : KẾT LUẬN VÀ GIẢI PHÁP	9		18	18	

	TỔNG	**45**		**90**	**90**	

CHƯƠNG 1 : GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI.

Trong chương này, sinh viên phải thực hiện các nội dung sau

1.1. Lý do chọn đề tài

Trong nội dung này, yêu cầu sinh viên trình bày ngắn gọn nội dung sau :
Sinh viên nêu tổng quan về vấn đề bất cập cần nghiên cứu hoặc sự quan trọng của đối tượng nghiên cứu từ đó cho thấy đề tài cần được thực hiện để giải quyết vấn đề.

1.2. Mục đích nghiên cứu.
1.3. Đối tượng nghiên cúu.
1.4. Phạm vi nghiên cứu.
1.5. Phương pháp nghiên cứu.
1.6. Bố cục đề tài.

Yêu Cầu :
Sinh viên trình bày các nội dung trên một cách rõ ràng. Các nội dung phải gắn với lý do nghiên cứu.

CHƯƠNG 2 : CƠ SỞ LÝ LUẬN.

Trong chương 2, sinh viên phải trình bày phần cơ sở lý luận để minh họa, giải thích cho phần xác định mô hình nghiên cứu ở chương 3 và phân tích thực trạng của chương 4.

Yêu cầu :

1. Sinh viên trình bày ngắn gọn những nội dung có liên quan đến phần phân tích thực trạng của đề tài. Những nội dung lý thuyết không liên quan đên phần phân tích thực trạng tuy có trong những giáo trình, tài liệu tham khảo của học phần cũng không nên trình bày vì điều này sẽ làm đề tài tăng số trang lên.

2. Trong chương 2, khuyến khích sinh viên nghiên cứu thêm các tài liệu khác để đưa ra những nội dung mới, quan điểm mới.

CHƯƠNG 3 : PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong chương 3, sinh viên thực hiện các nội dung sau :

3.1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu :

Trong phần này, sinh viên phải trình bày rõ những tài liệu mà mình nghiên cúu để thực hiện đề tài. Trên cơ sở đó sinh viên đưa ra khung nghiên cứu hay tiến trình nghiên cứu cho đề tài của mình.

3.2. Tiến trình nghiên cứu

Phần này, sinh viên phải trình bày rõ tiến trình nghiên cứu qua mấy giai đoạn. Trình bày cụ thể, rõ ràng những giai đoạn, những bước thực hiện.

3.3. Đề xuất mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

3.4. Xây dựng thang đo và bảng câu hỏi

- Phỏng vấn chuyên gia, nghiên cứu lý thuyết...
- Nghiên cứu sơ bộ

3.5. Phương pháp thu thập thông tin

Trong nội dung này, sinh viên phải trình bày cụ thể cách thu thập thông tin thứ cấp và thông tin sơ cấp. Đối với việc thu thập thông tin sơ cấp qua bảng khảo sát điều tra cần phải trình bày cụ thể các nội dung sau :

Cách thức tiến hành :

Đối tượng được điều tra khảo sát, kích thước mẫu:

Phát phiếu điều tra khảo sát: (Số lượng phiếu, thời gian phát và thu thập phiếu, thời gian xử lý thông tin....)

3.6. Xác định nội dung phân tích và tính chính xác, độ tin cậy của dữ liệu (Xử lý thông tin)

Lý thuyết xử lý thông tin khảo sát (Tần suất (Frequency), Mô tả thống kê (Statistic), Giá trị trung bình (Mean), Tính chính xác, độ tin cậy (EFA, Cronbach Alpha), ANOVA, hồi quy…)

CHƯƠNG 4 : PHÂN TÍCH VÀ DIỄN GIẢI

4.1. Phân tích thông tin thứ cấp:

4.1.1. Giới thiệu tổng quan về địa bàn (công ty hay khu vực) liên quan đến đối tượng nghiên cứu

4.1.2. Phân tích và đánh giá thực trạng trong thời gian qua

4.2. Phân tích thông tin sơ cấp (bảng câu hỏi)

Sinh viên trình bày và phân tích các thông tin sau : (tùy theo hệ đào tạo đã được quy định ở trên)

- Tần suất (Frequency)
- Mô tả thống kê (Statistic)
- Giá trị trung bình (Mean)
- Đánh giá độ tin cậy, phân tích nhân tố (Cronbach Alpha, EFA)
- Hồi quy tuyến tính
- Kiểm định giả thuyết.

……..

Yêu cầu :

Trong quá trình phân tích, khi kết thúc một nội dung phân tích, sinh viên phải đưa ra nhận xét, đánh giá của mình.

CHƯƠNG 5 : KẾT LUẬN VÀ GIẢI PHÁP

Trong nội dung này, trên cơ sở phân tích các thông tin, số liệu ở chương 4, sinh viên phải đưa ra những kết luận đánh giá về thực trạng hoạt động của DN hay đề tài nghiên cứu. Căn cứ vào những kết luận nay và căn cứ vào định hướng phát triển (ở chương 1), mục tiêu kế hoạch những năm tới (nếu có) sinh viên sẽ đề xuất những giải pháp khả thi nhằm giúp cho hoạt động đang nghiên cứu được phát triển tốt hơn. Ngoài ra, sinh viên cũng có thể kiến nghị lên cấp chủ quản về những vấn đề đang gặp khó khăn, không thể tự giải quyết được.

Kết cấu của chương này như sau :

5.1. Kết luận chung về nghiên cứu (dựa theo kết quả nghiên cứu ở chương 4 để nhận xét và kết luận các yếu tố theo mô hình nghiên cứu ở chương 3)

5.1.1. Thuận lợi.

5.1.2. Khó khăn, hạn chế.

5.2. Mục tiêu phát triển

5.3. Đề xuất giải pháp.

5.4. Kiến nghị (nếu có).

Yêu cầu :

Các giải pháp phải ngắn gọn, súc tích, nội dung giải pháp, kiến nghị phải gắn với việc thực các mục tiêu phát triển của doanh nghiệp, gắn với các nội dung kết luận đánh gía ở mục 5.1.

KẾT LUẬN

Nhận xét về đề tài

Những khám phá sau khi nghiên cứu

Những hạn chế trong nghiên cứu và hướng nghiên cứu sắp tới (nếu có)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bối cảnh	1
2. Giới thiệu chương trình	4
3. Mục tiêu chương trình	4
4. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp	5
5. Chuẩn đầu ra của chương trình	6
6. Các điều kiện thực hiện chương trình	12
7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	12
8. Thang điểm	13
9. Nội dung chương trình đào tạo	13
10. Kế hoạch giảng dạy	16
11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần ngành Kế Toán	18
12. Hướng dẫn thực hiện chương trình	24
13. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	26
TOÁN CAO CẤP 1	26
ANH VĂN	47
TIN HỌC ỨNG DỤNG NGÀNH KẾ TOÁN	71
KINH TẾ VI MÔ	76
LUẬT KINH DOANH	82
KỸ NĂNG GIAO TIẾP	88
GIAO TIẾP KINH DOANH	94
LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ	103
MARKETING CĂN BẢN	107
QUẢN TRỊ HỌC	113
QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG	120
ĐỊA LÝ KINH TẾ VIỆT NAM	127
LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ	131
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1	141
NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN	147
TOÁN TÀI CHÍNH	154

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN **160**
BÁO CÁO THUẾ **165**
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1 ..... **172**
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2 ..... **184**
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 3 ..... **191**
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 1 ..... **196**
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 2 ..... **201**
KẾ TOÁN NHÀ NƯỚC **206**
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 1 ..... **210**
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 2 ..... **216**
PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH **225**
KIỂM TOÁN 1 ..... **229**
KIỂM TOÁN 2 ..... **234**
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ **238**
KẾ TOÁN NGÂN HÀNG **243**
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP **249**
MỤC LỤC **24955**